



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **PhotoMIX (pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trọng kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Điều Âm lược dịch), trang 4
- **BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 7
- **Ý THU** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 9
- **ÁNH SÁNG NHƯ LAI** (Nguyễn Thế Đăng), trang 10
- **THẦY (8)** (thơ Đồng Thiện), trang 11
- **LÒNG TỬ BI HÓA ĐỘ CỦA ĐỨC PHẬT...** (HT. Thích Trí Chơn), tr. 12
- **THÔNG ĐIỆP CỦA ĐỨC DALAI LAMA VỀ HỘI NGHỊ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU...** (Hoang Phong dịch), trang 14
- **VỀ NGUYÊN TẮC KHÔNG GÂY HẠI** (Thích Nguyên Hiệp), tr. 15
- **NÍN THINH & CÂM LẶNG** (thơ TK Vĩnh Hữu), trang 18
- **QUA BỜ KIA** (Nguyễn Siêu), trang 19
- **TÂM** (thơ Minh Đạo), trang 20
- **TRỤ TÍCH TRẦN VƯƠNG KỲ** (Huệ Trân), trang 21
- **ỪNG VÔ SỞ TRÚ NHỊ SANH KỲ TÂM** (Ns. Trí Hải), trang 23
- **NHÂN QUẢ** (thơ Diệu Viên), trang 24
- **BÁT CHÁNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ**, t.t. (Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), tr. 25
- **HAI CHIM BỒ CÂU** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 29
- **TÂM TỊNH – Câu chuyện cuối tuần** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- **NHỮNG BÀI LỤC BÁT TUỔI HAI MƯƠI** (thơ Hoàng Long), tr. 31
- **RỪNG THIÊN LƯU DẦU** (TN. Giới Định), trang 32
- **THEO ÁNH ĐẠO VÀNG** (thơ

Nguyễn An Bình, nhạc Phan Bá Kiệt), trang 34

- **PHẬT TỬ ĐÒI THỰC THI THÔNG CÁO CHUNG, VNPG Sử Luận**, Chương 39 (Nguyễn Lang), tr. 39
- **HOÀNG TỬ MƯỜNG** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 42
- **ĐẦU THU ĐỌC TRUYỆN "CHÓM THU"...** (Huỳnh Kim Quang), tr. 49
- **HEO RỪNG CÓ TRÍ KHÔN VÀ TÌNH THƯƠNG** (Nguyễn Giác), trang 46
- **BUỔI TRƯA NGỒI NHỚ BÁNH ĐÀ** (Trần Hoàng Vy), trang 48
- **CHÁO ĂN VỚI GỒI BẮP CẢI** (Gia Phương), trang 49
- **CHUYẾN TỪ THỜ SANG NUỐT** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 50
- **THU SANG NHỚ BẠN** (thơ Minh Giới Nguyễn Thiệu), trang 51
- **THẦY TÔI** (Quảng Phước), trang 52
- **PHÁP HỘI CHƯA TAN** (thơ Hạnh Chi), trang 53
- **ĂN LỆ CA, ĐÊM MƯỜI HAI THÁNG CHẠP** (thơ Lưu Lăng Khách), trang 54
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 55
- **VỤN VẶT CHUYỆN XƯA** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 57
- **QUẢ BÁO CỦA LỜI NÓI, HÀNH ĐỘNG ĐẬM THỌC LÝ GIẢN** (Truyện cổ Phật Giáo), trang 59
- **ME ƠI THÁNG CHẠP ĐÃ VÀO XUÂN** (thơ Hiền Nguyễn), tr. 60
- **STORY OF A NUMBER OF BHIKKHUS** (Daw Tin), trang 61
- **NGỠ THOÁT – chương 10** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 67



Báo Chánh Pháp số 121, tháng 12.2021, do Thiền Tịnh Đạo Tràng (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

TAN HỢP GIỮA ĐỜI

Những rộn ràng họp hội mấy giờ trước đã lắng xuống. Tiếng nói, giọng cười ai đó, đã tan vào hư không. Người thân, người sơ, từng gặp, chưa từng gặp, nhìn nhau chào mừng, nói đôi câu, rồi cuối cùng cũng vẫy tay tạm biệt, chia xa. Không còn ai. Trăng khuya soi rặng vườn sau. Những cánh hồng từ các bồn hoa vươn dậy như được tắm gội dưới ánh sáng dịu dịu, tịnh yên. Một mình ngắm hoa dưới trăng. Một mình ngắm trăng trên hoa. Bất chợt, trong một thoáng nhìn mờ ảo, ánh trăng như vỡ thành những bụi tuyết, lãng đãng rơi trên những cánh hoa dưới sương đêm lóng lánh (1).

Đêm không lâu, hoa không bền, nhưng trăng thì miên viễn.
Trong đời sống, cần biết cái gì ngắn hạn, cái gì dài hạn; cần biết cái gì là ngon, cái gì là gốc.

Gió bão có thể làm gãy đổ những cành nhánh khô, yếu; nhưng nếu gốc rễ vững mạnh, cây vẫn tồn tại. Cây tồn tại, nay mai lại nức những nhánh lá xanh, trổ những hoa quả tươi tốt.

Đã có những tổ chức được dựng nên bằng tất cả nghị lực, gian khó, có khi đánh đổi cả máu xương, hoạt động tốt đẹp, phát triển mau chóng, rạng danh tập thể trong thời gian rồi vì nhiều lý do, nội tại lẫn ngoại tại, dần dần rạn nứt, đổ vỡ, hoặc lụi tàn theo năm tháng.

Đã có những sách báo ra đời, một thời được chào đón nồng nhiệt, người viết người đọc háo hức chờ đợi ngày phát hành, nhưng rồi thị trường in ấn trên giấy giảm sút do kỹ thuật thông tin liên mạng phát triển tột bậc, thị hiếu độc giả thay đổi theo: không có thời gian cầm sách báo trên tay để đọc từng hàng chữ, không có thời gian để suy tư ngẫm nghĩ ý tưởng đằng sau những từ ngữ... chỉ muốn nghe -thấy âm thanh và hình ảnh sinh động, không tha thiết đọc những hàng chữ bất động nữa. Vậy là, người đọc giảm đi, sách không còn in nhiều, báo không cần in dày, tất cả dần dần giảm sút số trang và số lượng.

Đã có những cuộc tình sôi nổi, mặn nồng lúc ban đầu, thề sống chết bên nhau đời này đời sau, muôn đời sau, nhưng rồi sự cảm thụ và ý tưởng của mỗi người thay đổi dần theo thời gian, tuổi tác. Sắc tàn, chí hao, có người muốn tìm những gì mới lạ, kích động hơn; lại có người nhìn ra những phai tàn trong đời sống, chỉ muốn an thân tịnh dưỡng, buông bỏ tất cả, quay về với chính mình... "Có chút tình thoáng như gió vội, tôi chợt nhìn ra tôi" (2).

Hợp rồi tan, kiến lập rồi giải tán, gặp nhau rồi chia tay, không gì lạ. Đó là bước đi chấp chùng tất yếu của cuộc tồn sinh. Nhưng khi nhìn sự vận hành của mọi sự mọi vật theo chiều hướng tích cực hơn, sẽ thấy rằng nếu giữ được cái cốt tủy, cái hồn, cái chân tình của sự thể, thì tan rồi lại hợp, suy rồi lại thịnh, ly tán rồi sẽ đoàn tụ. Cái này tàn rụi để làm hồi sinh một cái gì mới mẻ, phong phú hơn. Không có gì mất hẳn, diệt hẳn trên cuộc đời. Ngày đi, đêm sẽ đến. Đêm tàn, ngày lại sang. Năm cũ qua đi, lại có năm mới về.

Mưa tuyết không rơi trên hoa. Chỉ có hoa, và sương lạnh. Nhưng cái đẹp thơ mộng của vầng trăng đêm qua đã có thể gợi hứng cảm để vẽ nên một bức tranh thần tiên, diễm ảo. Trăng còn, sẽ còn tất cả.

-
- 1) Mượn hình ảnh từ "*Nguyệt chiếu hoa lâm giai tự tản*" (月照花林皆似霰), một câu trong bài *Xuân giang hoa nguyệt dạ*, thơ của Trương Nhược Hư (khoảng 660 - 720), một thi nhân đời Đường, Trung Hoa. Câu này tiên sinh Tản Đà dịch là "Trăng soi hoa như tán trập trùng". Chữ *tán* (nôm) hay *tản, tiễn* (hán-việt) là mưa đá, hay mưa tuyết. Chữ *tán* mà để nguyên như vậy, thời nay ít người hiểu. Tạm dịch rõ nghĩa như vậy: ánh trăng chiếu trên rừng hoa trông như mưa tuyết.
 - 2) Trịnh Công Sơn, lời từ bài ca "Như một lời chia tay."



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

NHẬT BẢN: Nhật Bản xem xét việc cho Trung Quốc mượn pho tượng của thiền sư Trung Hoa nổi tiếng

Trong một cử chỉ thiện chí vì năm tới đánh dấu kỷ niệm 50 năm bình thường hóa quan hệ ngoại giao, Nhật Bản đang xem xét việc tạm thời cho Trung Quốc mượn pho tượng của Ấn Nguyên Long Kỳ/Yinyuan Longqi (1592-1673), được gọi là Ingen ở Nhật Bản, một thiền sư nổi tiếng người Trung Hoa.

Đại sứ quán Nhật Bản tại Bắc Kinh đang thúc đẩy dự án về pho tượng này như một "sự trở về nhà" của thiền sư Ấn Nguyên Long Kỳ/ Ingen. Tượng sẽ từ ngôi chùa Obaku-san Manpuku-ji ở tỉnh Kyoto, Nhật Bản đến chùa Vạn Phúc ở tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc.

Pho tượng gỗ này cao 1.6 mét, được tạc vào năm 1663 bằng cách sử dụng tóc và râu của vị thiền sư, theo chùa Obaku-san Manpuku-ji. Nhà chùa cho biết họ sẽ xem xét tích cực việc cho mượn bức tượng nếu Bộ Ngoại giao Nhật Bản nỗ lực hết sức để pho tượng được trả lại từ Trung Quốc.

Trước khi rời Trung Hoa, Ingen từng là sư trưởng tại chùa Vạn Phúc.



Sau khi đến Nhật Bản vào năm 1645, ông thành lập Thiền phái Obaku và được biết đến là người đã mang đến đất nước Nhật Bản một loại đậu có tên là "Ingen-mame."

Ngoài hạt đậu, Ingen còn du nhập nhiều thứ khác đến Nhật Bản, chẳng hạn như hội họa, y học, kiến trúc, âm nhạc, lịch sử, văn học, in ấn, trà xanh và ẩm thực Phật giáo. Ông đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền văn hóa của Kỳ nguyên Edo (1603-1868).

(Maichini Japan - November 2, 2021)

HÀN QUỐC: Hội chợ triển lãm Phật giáo quốc tế Seoul 2021 với chủ đề 'Trí tuệ cho cuộc sống bền vững'

SEOUL, Hàn Quốc - Hội chợ Triển lãm Phật giáo Quốc tế Seoul năm 2021, do Phật phái Hàn Quốc Jogye đăng cai tổ chức và được tổ chức bởi Báo Phật giáo và Truyền thông Bulkwang, sẽ diễn ra từ ngày 11 đến 14-11 tại khu Triển lãm & Hội nghị Thương mại Seoul (SETEC), trên trang web trực tuyến ([https:// bexpo .kr](https://bexpo.kr)) và thông qua ứng dụng di động cùng một lúc.

Chủ đề năm nay của Hội chợ Triển lãm Phật giáo Quốc tế Seoul - một nơi bao gồm văn hóa truyền thống và ngành văn hóa Phật giáo - là 'Cuộc sống xanh, Trí tuệ cho cuộc sống bền vững'. Hội chợ sẽ tập trung vào các yếu tố thân thiện với môi trường của Phật giáo và văn hóa truyền thống dựa trên Pháp Sinh thái, vốn dựa vào pháp giảng Phật giáo mà mọi thứ đều được kết nối với nhau.

Pho tượng của thiền sư Trung Hoa Ấn Nguyên Long Kỳ/ Yinyuan Longqi (1592-1673), được gọi là Ingen ở Nhật Bản
Photo: Maichini Japan



Hội chợ triển lãm Phật giáo quốc tế Seoul năm 2021 sẽ có các cuộc triển lãm theo chủ đề tại Sảnh 1-3, hai cuộc triển lãm đã được lên kế hoạch, các bài thuyết trình tiếp âm, các chương trình thương mại và sân khấu trực tiếp. Có 360 gian hàng từ 212 công ty cũng sẽ tham gia triển lãm công nghiệp tập trung vào lĩnh vực nhà ở; trà / bộ âm trà; thực phẩm nhà chùa; sản phẩm nghệ thuật / văn hóa; sự tu khổ hạnh / hoạt động xã hội; dịch vụ văn hóa; Hội Nghệ thuật Đức Phật.

(businesswire.com - November 4, 2021)



Poster của Hội chợ triển lãm Phật giáo quốc tế Seoul 2021
Photo: businesswire.com

TÍCH LAN: Hiệp hội Phật giáo Thanh niên Colombo ra mắt chương trình dạy tiếng Anh cho các tu sĩ Phật giáo trẻ tuổi

Hiệp hội Phật giáo Thanh niên Colombo (YMBA) đã thông báo về việc khởi động chương trình giáo dục tiếng Anh cho các tu sĩ Phật giáo trẻ tuổi.

Trong giai đoạn đầu của chương trình nói trên, khoảng 700 nhà sư trẻ thuộc 237 Pirivenas (đại học tu viện) ở các tỉnh miền Tây và Uva dự kiến sẽ được tham gia vào chương trình vốn sẽ được thực hiện thông qua hệ thống giáo dục trực tuyến này.

Tất cả các công việc chuẩn bị cần thiết đã được thực hiện để khởi động chương trình vào ngày 9-11 năm nay, YMBA cho biết trong một thông cáo báo chí. Giai đoạn thứ hai của chương trình sẽ được nối lại vào giữa năm 2022, và YMBA hy vọng sẽ phổ biến chương trình tới tất cả các pirivenas trên quốc đảo Tích Lan, tạo cơ sở cho khoảng 4000

nhà sư học tiếng Anh thông qua chương trình này.
(Tipitaka Network - November 4, 2021)



*Hiệp hội Phật giáo Thanh niên Colombo (YMBA) thông báo về chương trình giáo dục tiếng Anh cho tăng sĩ trẻ
Photo: tipitaka.net*

NEPAL: Lễ Dâng Y kết thúc tại Đại Bảo tháp Tích Lan ở Lâm Tỳ Ni

Lễ Dâng Y của Đại Bảo tháp Tích Lan tại Lâm Tỳ Ni được tổ chức vào ngày 31-10-2021 với sự tham dự của Đại Tăng đoàn Maha đại diện cho tất cả các truyền thống Phật giáo có mặt trong Khu Tu viện Lâm Tỳ Ni và các tín đồ Phật giáo tại gia.

Năm nay, Lễ Dâng Y được tài trợ bởi Đại sứ và nhân viên của Đại sứ quán Tích Lan tại Kathmandu. Người Tích Lan ở Kathmandu cũng góp phần vào sự kiện đáng khen này.

Chương trình tôn giáo này bắt đầu vào tối ngày 30-10 tại Đền Maya Devi, nơi sinh của Thái tử Tất Đạt Đa. Vào sáng sớm ngày 31 tháng 10, Y được rước đến Đền Maya Devi, và đến Đại Tịnh xá Tích Lan, nơi Y được bàn giao cho Đại Tăng đoàn theo thông lệ. Việc dâng Y được tiến hành sau khi cúng dường vật phẩm vào buổi trưa.

(news.lk - November 6, 2021)



*Lễ Dâng Y tại Đại Bảo tháp Tích Lan ở Lâm Tỳ Ni, Nepal
Photo: news.lk*

NHẬT BẢN: Bức tượng Phật giáo cổ ở Kyoto tiết lộ bí mật trong quá trình sửa chữa

Nagaokakyo, tỉnh Kyoto - Một bức tượng Quán Thế Âm 11-mặt, cao 180 cm và có niên đại từ thời Kamakura (1185-1333), được lưu giữ tại chùa Otokunidera ở Nagaokakyo là một ví dụ nữa được biết đến ở Nhật Bản về "ichinichi-zoryubutsu" - phong cách chạm khắc hoàn thành một tượng thần bằng gỗ cổ đại chỉ trong một ngày lễ bái.

Ichinichi-zoryubutsu dùng để chỉ những bức tượng được khắc bởi những người thợ điêu khắc Phật giáo trong suốt một ngày để cầu mưa hoặc cầu chấm dứt dịch bệnh.

Phong cách chạm khắc "ichinichi-zoryubutsu" này đã được xác thực bởi bộ phận bảo vệ tài sản văn hóa của tỉnh Kyoto trong quá trình sửa chữa vốn cần phải tháo rời bức tượng nói trên, các quan chức cho biết ngày 14-10-2021.

Những người phục chế đã vô cùng ngạc nhiên khi phát hiện ra nhiều dải giấy được lộ ra bên trong tượng. Chúng ghi chi tiết cách mà tượng gỗ này được hoàn thành bởi một nhà điêu khắc Phật giáo trong vòng một ngày với hy vọng làm thỏa mãn mong muốn của những người quyền góp cho dự án làm tượng: Hơn 200 mảnh giấy đã được tìm thấy bên trong bức tượng. Chúng có ghi rõ tên của từng người quyền cúng, cùng với thực tế là đã mất cả một ngày để hoàn thành việc tạo tác (từ ngày 17 đến 18-7 năm 1268).

(asahi.com - November 6, 2021)



Tượng Quán Thế Âm 11-mặt, cao 180 cm và có niên đại từ thời Kamakura (1185-1333), được lưu giữ tại chùa Otokunidera ở Nagaokakyo, Kyoto



*Bên trong bức tượng có hơn 200 mảnh giấy ghi rõ tên của từng người quyền cúng, cùng với thực tế là đã mất cả một ngày để hoàn thành việc tạo tác (từ ngày 17 đến 18-7 năm 1268)
Photos: MAKIKO KOMATSU*



ẤN ĐỘ: Phật giáo Dẫn thân: Hòa thượng Bhikkhu Sanghasena phân phát đồ dùng cần thiết cho 800 gia đình ở Ladakh

Đánh dấu lễ hội ánh sáng Dipawali ở Ấn Độ, nhà lãnh đạo tinh thần nổi tiếng và là nhà sư Phật giáo gắn bó với xã hội, Hòa thượng Bhikkhu Sanghasena đã bắt đầu chuyến đi 2-ngày đến Ladakh (vào ngày 4 và 5-11-2021), phân phát đồ dùng mùa đông cho gần 800 gia đình để bị tổn thương.

Trong suốt cuộc hành hương của mình, Hòa thượng Bhikkhu Sanghasena đã đến thăm các làng Gaya, Igo, Kulum, Lato, Meru, Rong, Runtse, Sasoma, và Upshi ở miền bắc Ấn Độ, mang theo những gói đồ dùng cần thiết cho mùa đông như tất, găng tay, mũ len, chăn và các mặt hàng thực phẩm.

Hòa thượng Bhikkhu Sanghasena là giám đốc tinh thần của Trung tâm Thiền định Quốc tế Đại Bồ Đề (MIMC) phi lợi nhuận ở Ladakh. Ông cũng là người sáng lập Quỹ Đại Từ bi, Hội Cứu Hi Mã Lạp Sơn, và là cố vấn tinh thần cho Mạng lưới Quốc tế Phật tử dẫn thân (INEB).

(Buddhistdoor Global - November 10, 2021)



Hòa thượng Bhikkhu Sanghasena trong chuyến đi 2-ngày đến Ladakh để phân phát đồ dùng mùa đông cho gần 800 gia đình để bị tổn thương—Photos: facebook.co



NHẬT BẢN: Hai bộ tài liệu Phật giáo được đăng ký vào sổ Ký ức Thế giới của UNESCO

Hai bộ tài liệu Phật giáo quan trọng của Nhật Bản đang được đề nghị đưa vào sổ đăng ký Ký ức Thế giới của UNESCO.

Một trong 2 bộ tài liệu này liên quan đến chùa Zojoji của Tokyo, ngôi chùa đứng đầu của Phật phái Jodo, trong khi bộ thứ 2 xoay quanh nhà sư Enchin thời Heian (794-1185), người đã thành lập giáo phái Tendai Jimon sau khi mang về Nhật những giáo lý của Phật giáo bí truyền Trung Hoa từ triều nhà Đường.

Ủy ban Cố vấn Quốc tế của UNESCO dự kiến sẽ quyết định việc đăng ký vào năm 2023.

Bộ tài liệu thuộc chùa Zojoji đã được thu thập từ khắp nơi trên toàn quốc theo lệnh của Tokugawa Ieyasu (1542-1616), tướng quân đầu tiên của Mạc phủ Tokugawa, và sau đó được hiến tặng cho chùa Zojoji nằm ở phường Minato của Tokyo.

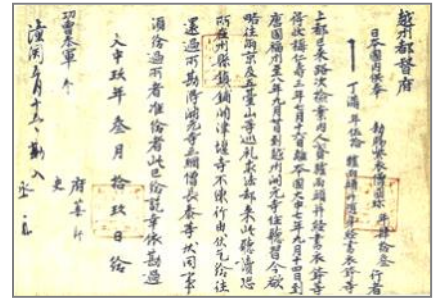
Bộ này bao gồm khoảng 12,000 ấn bản vốn ban đầu được chạm khắc trên gỗ và được coi là tài sản văn hóa quan trọng. Các tài liệu này cung cấp nền tảng cho việc nghiên cứu Phật giáo đương đại, và rất quan trọng trên quan điểm hiểu biết về văn hóa chữ Hán-Nhật cũng như kỹ thuật in ấn thời đó.

Còn bộ tài liệu liên quan đến Enchin được chỉ định là bảo vật quốc gia và bao gồm cả thẻ thông hành thực tế mà nhà sư Enchin đã sử dụng để có được quyền đi lại khắp Trung Hoa.

(The Asahi Shimbun - November 11, 2021)



Một tài liệu cổ về chùa Zojoji, ngôi chùa chính của Phật phái Jodo



Một tài liệu có từ thời Heian (794-1185) về nhà sư Enchin, người sáng lập phái Tendai Jimon—Photos: The Asahi Shimbun

ẤN ĐỘ: Dự án Chiếu sáng chùa Đại Bồ Đề đã sẵn sàng hoàn thành trong năm nay

Siddhartha's Intent India - một tập thể quốc tế gồm các nhóm Phật giáo được thành lập bởi Lạt ma Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche, nhà làm phim và tác giả nổi tiếng người Bhutan - gần đây đã đưa ra một bản cập nhật mới về sáng kiến đầy tham vọng nhằm thắp sáng Chùa Đại Bồ Đề linh thiêng ở Bồ Đề Đạo Tràng.

Bất chấp sự chậm trễ do các đợt đóng cửa và hạn chế đại dịch ở Ấn Độ, tổ chức này thông báo rằng dự án hiện đã sẵn sàng để hoàn thành vào tháng 12 tới.

Nỗ lực thiêng liêng này, được đặt tên là "Chiếu sáng Đại Bồ Đề," có lẽ là lễ cung cấp ánh sáng Phật giáo đầu tiên tham vọng nhất từ trước đến nay. Mục tiêu là đại tu hệ thống điện và ánh sáng cũ kỹ của khu phức hợp chùa Đại Bồ Đề để tạo ra sự cúng hiến ánh sáng Phật giáo lớn nhất và lâu bền nhất trong lịch sử.

Vào năm 2015, Lạt ma Dzongsar Khyentse Rinpoche đề xuất thực hiện dự án và vào năm 2017 đã nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Quản lý Chùa Bồ Đề Đạo Tràng (BTMC) và Tòa án Quận Gaya.

Được thực hiện với nguồn tài trợ từ Siddhartha's Intent India và với sự hỗ trợ từ Quỹ Khyentse và Quỹ Vana, hệ thống chiếu sáng mới này cuối cùng sẽ thuộc sở hữu của Ủy ban chùa.

(HOME: Buddhistdoor Global - November 11, 2021)



BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

Lại nữa tiếp tục giải thích hai bài Tụng phía sau. Hai bên (nhị biên) tánh phân biệt đây nghĩa là phân biệt chấp trước nghĩa thật tánh của hai bên, chấp trước nghĩa thật tánh của hai bên gồm có bảy thứ. Căn cứ từ nơi tâm cảnh tu chứng của Bồ Tát Địa mà trình bày bảy thứ nghĩa thật tánh của hai bên:

1)- Bên có không phải có, nghĩa là chấp trước Bồ Đặc Già La hoặc các pháp chính là lạc vào hai bên hoặc có hoặc không phải có. Nguyên vì Bồ Đặc Già La và các pháp đều bị hoại diệt cho nên mới an lập Tánh Không. Ngã (Bồ Đặc Già La) và pháp đã không thật tại thì làm gì bị hoại diệt? Cho nên năng diệt sở diệt nhất định phải có thật. Hơn nữa có một loại chấp cho là không có hữu tình và pháp, vì tánh chân như cũng đều không phải có, đây là hai lối chấp một bên có và không của Bồ Tát Thông Trị Địa Tiên.

2)- Năng và sở bên vắng lặng cũng giống như sở trị và năng trị; sở trị tức là chỉ cho phiền não sanh tử; năng trị tức là chỉ cho bồ đề niết bàn. Nếu chấp sở và năng thật có vắng lặng tức là chấp hai bên, nếu có thể hiểu rõ sở và năng cả hai đều tánh không thì thật thể đối lập cũng không khác; Nhị Thừa thì chấp một bên chọn lấy đối trị sanh tử niết bàn cho là có thật.

3)- Hai bên Bồ Úy (Khiếp Sợ), chữ Bồ là căn cứ nơi pháp biến kế sở chấp mà trình bày, như sáng sớm thấy giầy thừng ngộ nhận cho là con rắn, hoảng hốt sanh hoảng sợ; chữ Úy là do vọng chấp sanh khởi Hoặc Nghiệp để chiêu cảm quả báo mà trình bày, như xưa kia có một họa sư, tự mình ở trong nhà lớn họa một con quỷ Dạ Xoa, có một đêm nọ đi uống rượu, khi trở về nhà nhìn thấy con quỷ Dạ Xoa, họa sư lại hốt hoảng không dám vào nhà, đây chính là nơi vọng chấp sanh khiếp sợ trên Nghiệp quả. Như thế chúng ta khởi Hoặc tạo Nghiệp, cảm quả thọ Khổ đều không ra

khỏi hai bên của Bồ và Úy này. Hôm nay chữ Bồ trong đây chính là căn cứ nơi Nhân mà trình bày, tức là nơi tâm sanh khởi vọng chấp; chữ Úy tức là căn cứ nơi quả mà trình bày, tức là nghiệp đã chín muồi nên sợ khổ. Đây rõ ràng là nhân quả đều do tự tạo tác, Bồ Tát vì vọng chấp cho nên rất sợ nhân bồ và quả úy.

4)- Hai bên sở thủ và năng thủ, sở thủ chính là chỉ cho cảnh, năng thủ chính là chỉ cho tâm, hai chấp trước đây tự có thể chất hai bên. Rõ biết

Cảnh Sở Thủ đều là không do đó lia khỏi Tâm Năng Thủ và ngoài Cảnh Sở Thủ không có Tâm, chớ nên gọi là Duy Thức. Dụ như Huyền Sự hiển bày các thứ huyền tướng, một tiệp rượu như huyền cùng một mỹ nhân huyền hiện, lại do huyền mỹ nhân huyền hiện các thứ huyền sự, đây tức là trong huyền hiện ra huyền, cho nên không chỉ Sở Thủ là huyền cho đến Thức năng biến cũng là huyền. Nếu có thể hiểu rõ vấn đề này thì có thể hiểu rõ cái Không của hai Thủ. Từ bốn Gia Hạnh đây tâm đầu ý hợp với học thuyết Không của hai Thủ.

5)- Hai bên Chánh Tà, đây là căn cứ vào Như Thật Quán của Kiến Đạo ở trước mà trình bày. Như Thật Quán mặc dù bản tánh không chân chánh, nhưng vì bản tánh vẫn thuần theo chân chánh, do đó bản tánh cũng không gian tà, cho nên được gọi là lia khỏi hai bên tà chánh. Như nói hai thê cây cọ sát với nhau sanh ra lửa đó là dụ, cây mặc dù không phải là lửa, nhưng có thể cọ sát sanh ra lửa và lửa sanh ra có thể thiêu cháy cây thành tro bụi. Nhờ Như Thật Quán mà được sáng tỏ mặc dù không phải chánh trí, nhưng có thể phát sanh chánh trí và chánh trí phát sanh thì Như Thật Quán biến mất.

6)- Hai bên hữu dụng và vô dụng. Hữu dụng là có công dụng và vô dụng là không công dụng. Hữu dụng và vô dụng là khi căn cứ vào kiến đạo phá chấp của Thánh trí mà trình bày. Hữu dụng là lý do chấp công năng phá trừ chấp đoạn phiền não, tất nhiên có công dụng của phân biệt. Vô



dụng là lý do chấp vô phân biệt, tất nhiên quyết định không công dụng. Ý của không công dụng đây là nói tỷ như ngọn đèn điện khi mới mở điện, ánh sáng liền sanh ra phá tan bóng tối, mặc dù điện không công dụng phân biệt nhưng cũng có thể phá tan bóng tối.

7)- Hai bên không khởi và thời gian giống nhau, đây đúng là ở nơi ngôi vị Bồ Tát tu đạo mà trình bày. Bồ Tát tu đạo, hoặc chấp cho trí của năng đối trị vô minh có từ vô thủy mà chưa được phát khởi, do đó sau này cuối cùng cũng không phát khởi; hoặc chấp cho phiền não đã có từ vô thủy và trí của năng đối trị kia cũng đã có từ vô thủy, cho nên lẽ đương nhiên khi tu tập cũng đòi hỏi phải trải qua thời gian lâu dài giống nhau với phiền não thì mới được sanh khởi để trừ hết phiền não. Cả hai trường hợp vừa kể trên cũng là vấn đề phân biệt chấp trước. Hai lối phân biệt chấp trước đây một lần nữa đem thí dụ ngọn đèn để trình bày, như bóng tối trong nhà đã trải qua ngàn năm và một khi ánh sáng ngọn đèn phát khởi liền có thể trừ hết bóng tối ngay. Từ đó có thể xác định là không phải cuối cùng không phát khởi và cũng không phải thời gian lâu mới trừ hết phiền não. Tóm lại bày thứ vừa trình bày qua đều là phân biệt vi tế hai bên tâm cảnh của Bồ Tát, cho nên Tụng nói rằng là hai biên phân biệt.

b/3- Chánh Hạnh Biệt Không Biệt:

Bài Tụng:

"Sai biệt không sai biệt, nên biết nơi Thập Địa, mười Ba La Mật Đa, tăng thượng đẳng tu tập."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh Bồ Tát Thập Địa tu mười Ba La Mật Đa, có hai thứ tu Tăng Thượng và tu Bình Đẳng; Tu Tăng Thượng chính là ở nơi Sơ Địa do chuyên tu bố thí làm tăng thượng, Nhị Địa do chuyên tu trì giới làm tăng thượng, như thế suy ra tức là chánh hạnh sai biệt. Tu Bình Đẳng đây là ở nơi mỗi trong một Địa thông tu mười Ba La Mật Đa. Hai lối tu Tăng Thượng và Bình Đẳng đã đề cập ở trên chính là Chánh Hạnh không sai biệt.

c/- Sở Duyên Vô Thượng:

Bài Tụng:

"Sở Duyên gọi là An, Giới, Sở, Năng Lập, Nhậm Trì, An, Nội Trì, Thông Đạt, Tăng, Chứng, Vận, Tồi Thăng."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây bao gồm mười hai thứ Sở Duyên: 1, An Lập Pháp Thi Thiết Sở Duyên, nghĩa là an lập các pháp Thánh và Phạm, nhiệm và tịnh, nhân và quả. 2, Pháp Giới Sở Duyên, nghĩa là tánh không bình đẳng của pháp giới không có khả năng an lập. 3, Sở Lập Sở Duyên, nghĩa là chỗ các pháp đã an lập. 4, Năng Lập Sở Duyên, nghĩa là mỗi các pháp nhiệm tịnh đều không thể lìa khỏi tánh không và nhờ tánh không mà được thành tựu. Như Bồ Tát Long Thọ nói rằng: "Do vì có nghĩa không, tất cả pháp được thành." 5, Nhậm Trì Sở Duyên, nghĩa là văn huệ do văn tự có thể giữ gìn nghĩa. 6, An Trì Sở Duyên, nghĩa là tư huệ



do nghĩa tư duy có thể giữ gìn dấu ấn của các pháp. 7, Nội Trì Sở Duyên, nghĩa là tư huệ do định huệ tương ứng tâm cảnh giữ gìn bên trong. 8, Thông Đạt Sở Duyên, nghĩa là khi chứng Sơ Địa do trí vô phân biệt thông đạt pháp giới. 9, Tăng Trưởng Sở Duyên, nghĩa là từ Địa thứ hai đến Địa thứ sáu đều là tăng tiến hưởng thượng. 10, Phần Chứng Sở Duyên, nghĩa là Viên Hành Địa thứ bảy quán duyên khởi và hoàn diệt của thế gian và xuất thế gian, đều chứng riêng biệt hiện tiền. 11, Đẳng Vận Sở Duyên, nghĩa là trong Địa thứ tám có thể tha hồ vận hành tăng tiến không mượn công dụng. 12, Tồi Thăng Sở Duyên, nghĩa là Địa thứ chín, Địa thứ mười và quả Phật đều cho là tồi thăng vô

thượng.

d/- Tu Chứng Vô Thượng:

Bài Tụng:

"Tu chứng gọi là vô khuyết, bất hủy, bất động, viên mãn, khởi, kiên cố, điều nhu, không trụ, vô chướng, vô tức."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng này thuyết minh mười thứ tu chứng:

1- Vô khuyết, nghĩa là không thiếu chủng tánh Đại Thừa chính là thứ có khả năng phát khởi tu chứng. 2- Bất hủy, nghĩa là không hủy báng pháp Đại Thừa là thứ có khả năng nương tựa tu chứng. 3- Bất động, nghĩa là thường phát khởi tâm rộng lớn độ tận tất cả hữu tình, không vì chỗ thấp kém mà giao động. 4- Viên mãn, nghĩa là siêng năng thường tu sáu Ba La Mật Đa. 5- Khởi, nghĩa là muốn chứng nhập pháp tánh vô sanh thì phải phát khởi Gia Hạnh Thánh Đạo. 6- Kiên cố, nghĩa là siêng năng thường tu phước đức vô biên trong ba Đại Kiếp, để kiên cố thiện căn. 7- Điều Nhu, nghĩa là mềm dẻo điều phục ba nghiệp của mình và người, v.v... 8- Không Trụ, nghĩa là không trụ vào nơi hai bên Niết Bàn và sanh tử; nếu như trụ vào nơi sanh tử thì trở lại hạng phàm phu, nếu như trụ vào nơi Niết Bàn thì trở lại vào Nhị Thừa; nhờ không trụ mới được thành Bồ Tát Địa Bất Thối Chuyển. 9- Vô chướng (không chướng ngại), nghĩa là Bồ Tát đối trị hai chướng hoàn thành báo thân Phật Pháp. 10- Vô Tức (không đình chỉ), nghĩa là sau khi thành Phật thị hiện Hoá Thân không có đình chỉ. Mười thứ như thế đều là nghĩa chỗ chứng đắc của Đại Thừa. Giải thích đến đây là đã hoàn tất Đại Khoa thứ hai.

III.- PHẦN ĐÚC KẾT DANH NGHĨA HIỂN BÀY CỦA LUẬN:

Bài Tụng:

"Luận Biện Trung Biên này, nghĩa thâm thâm, kiên thật, rộng lớn, tất cả nghĩa, trừ khử các thứ không kiệt tướng."

Giải Nghĩa:

Bồ Luận đây thuyết minh nghĩa Trung Đạo và nghĩa Nhị Biên (hai bên), nên gọi là Biện Trung Biên, cũng tức là hiển bày Trường Đạo thích đáng và trừ khử chấp một bên của nhị biên. Như ở trên cảnh sở duyên, hoặc ở trên tâm hành đều thường hay để lạc vào một bên. Nếu có thể thấu đạt được cảnh sở duyên là không phải có, không phải không có, không phải không, không phải không

không thì có thể khế hợp được Trung Đạo mà dứt được nhị biên. Nếu có thể hiểu rõ Phật thuyết các pháp vô thường vô ngã chính là đối trị được thường ngã của ngoại Đạo chủ trương và cũng ở nơi thật hành có thể khế hợp được Trung Đạo. Lại nữa ở nơi tu chứng nếu có thể hiểu rõ các nghĩa hữu dụng vô dụng đã trình bày ở trước thì biết chính xác các thứ tăng thượng không phải riêng dùng cho một pháp, như phá trừ bóng tối không phải ban đầu và không phải sau cùng. Mặc dù sự thành Phật không phải do có nhân chủng mới thành mà cũng không phải lìa khỏi nhân chủng chuyển biến tăng thượng mới thành; hiểu rõ nghĩa này thì không thiên về một bên ban đầu hay sau cùng mà lại khế hợp với Trung Đạo. Nghĩa Thâm Thâm, chữ Thâm nghĩa là sâu thẳm không có điểm cuối cùng, chữ Thâm nghĩa là tinh vi sâu kín, không thể phân tích; Nghĩa Thâm Thâm chính là nghĩa Biện Trung Biên của Luận này phải cần đến trí rất vi diệu mới có thể hiểu thấu, không phải trí thường có thể biết được. Nghĩa kiên thật, chính là nghĩa biện minh của Luận này chân thật kiên cố như kim cương, không bị người khác phá, nhờ đó mới có thể phá trừ nghĩa dư thừa thô thiếu. Nghĩa rộng lớn chính là chỗ trọng yếu của Luận này ở nơi Đại Thừa. Tất cả nghĩa đây đích thực là Luận này không chỉ chuyên thuyết minh Đại Thừa mà còn bao gồm cả Nhị Thừa, không chỉ thuyết minh tu định hoặc các hành trì giới mà cũng soi sáng các pháp cảnh và quả. Do kể một số loại nghĩa thù thẳng, đối với chỗ có tất cả vô minh phiền não, chỗ có các khổ chướng ngại, tất cả sự việc đều không kiết tường, vì thế không thứ nào là không trừ khử, cho nên gọi là trừ khử các thứ không kiết tường.

Hiện tại tuy đã giảng giải hoàn tất bộ Luận này, đây chính là bao gồm nghĩa của vạn Tụng, nhưng chưa phát huy đến chỗ cùng tận của nó, chẳng qua sử dụng ngôn ngữ so sánh để hiển bày, đem nó ra lần lược thuyết minh mà thôi. Nếu như phát tâm nghiên cứu, tốt nhất là có thể đem Bản Tụng này đọc cho thuần thực, lại sử dụng ký ức duy trì chỗ ý nghĩa thâm thúy của nó rồi đi tham khảo các Luận Thích của Bồ Tát Thế Thân và Thuật Ký của Pháp sư Khuy Cơ (Bích Tùng Ký) (Trùng Khánh Phật Học Xã ấn hành).

(HẾT)

HT. Thích Thắng Hoan

Dịch xong tại Tịnh Thất Viên Hạnh
ngày 19 tháng 8 dl năm 2015



Ý THU

*Thu đi cho lá vàng bay,
Thu về cho lá hây hây đổi màu.
Ai làm cho lá thu sâu,
Lá từ từ rụng cuốn vào gió thu.
Trăng thu gió mát trợn mùa,
Trăng thu chiếu rọi bên hồ nước trong.
Gió thu quạt mát cõi lòng,
Gió thu mon tron nụ hồng ngoài hiên.
Mùa thu mang ngọn gió hiền,
Đón chào hoa cúc ngoài hiên mỉm cười.
Cúc vàng mồm mỉm cười tươi,
Lượn theo chiều gió thu mời thướt tha.
Bao lần thu đến thu qua,
Muôn chiều lá đổ như tà áo xanh (*)
Mùa thu quyến rũ bao tình!
Lời thơ, tiếng nhạc gọi lên nỗi buồn...
Con thuyền không bến còn vương,...
Một mùa thu chết se lòng trời thu...
Văn Cao, Đoàn Chuẩn cũng sâu,
Thế Phong, Cung Tiến cũng... hầu như nhau.
Thu về có trước có sau,
Buồn vui lẫn lộn như màu bức tranh...
Tuy nhiên, thu vẫn đượm tình,
Tạo nên vẻ đẹp cho tình thơ hay.
Mùa thu ba tháng đong đầy,
Lời ca tiếng nhạc doanh vẫy thu tình...*

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Tân Sửu cuối thu – Sept. 25th, 2021

(*) Từ đây đến cuối bài, bút giả có lòng ý của những bản nhạc: “Tà Áo Xanh”, “Thu Quyến Rũ”, “Lá Đổ Muôn Chiều”... và có lòng thêm quý nhạc sĩ như Đoàn Chuẩn, Văn Cao, Đặng Thế Phong, Cung Tiến...

ÁNH SÁNG NHƯ LAI

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Suốt kinh *Pháp hội Pháp giới Thế tánh Vô phân biệt*, Bồ tát Văn-thù-sư-lợi là người thuyết pháp chính, Đức Phật chỉ ấn khả và thọ ký, dùng thân lực hộ trì... thế nên kinh này cũng có tên là "*Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát sở thuyết*", cũng có tên "*Bửu Thượng Thiên tử sở vấn*." Phần chấm dứt kinh, Đức Phật phóng ánh sáng (quang minh), như ở nhiều kinh Đại thừa Pháp hoa, Hoa nghiêm, Lăng-nghiêm... Kinh Viên Giác gọi ánh sáng đó là "Đại quang minh tạng".

"*Bồ tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật rằng: Cúi mong Thế Tôn giữ gìn kinh này để cho các thiện nam thiện nữ gieo trồng thiện căn. Nếu người cúng dường Pháp thì mền mộ kinh này. Bạch Thế Tôn! Như vậy, như vậy, thọ trì kinh này vì điều phục kiêu mạn và các oán ghét nên không bị ai làm trở ngại, trong đời tương lai sẽ lưu truyền rộng ở cõi Diêm-phù-đề. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn từ nơi thân phóng ánh sáng, ánh sáng ấy chiếu khắp, thế giới Phật tam thiên đại thiên đều thành màu hoàng kim. Bấy giờ Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi rằng: Nay Văn-thù-sư-lợi! Ánh sáng Như Lai chiếu khắp tất cả, kinh này cũng như vậy. Người tâm hành vô ngại nơi cứu cánh Phật pháp, thiện nam thiện nữ ấy tay cầm kinh này*".

Đức Phật phóng ánh sáng chiếu khắp, thế giới tam thiên đại thiên của Phật đều biến thành màu sắc của vàng, nói lên thế giới tam thiên đại thiên này là thế giới Phật, luôn luôn được ánh sáng Như Lai chiếu khắp tất cả. "Kinh này cũng như vậy" nghĩa là kinh này cũng là ánh sáng Như Lai chiếu khắp tất cả, bao trùm cả thế giới tam thiên đại thiên. Mà kinh này nói về Pháp giới Thế tánh vô phân biệt, nghĩa là Pháp giới thế tánh vô phân biệt chính là ánh sáng Như Lai chiếu khắp, bao trùm cả thế giới tam thiên đại thiên. Ánh sáng Như Lai là nền tảng của thế giới tam thiên đại thiên, của kinh này và của "những người tay cầm kinh này".

Trong những bài trước, chúng ta đã nói Pháp giới Thế tánh Vô phân biệt là tánh Không, ở đây chúng ta sẽ tìm hiểu thêm Pháp giới Thế tánh Vô phân biệt là ánh sáng (quang minh); hơn nữa, ánh sáng Như Lai. Hóa và ánh sáng tương quan với nhau như thế nào? "*Ngài A-nan nói: Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi, người hóa*

không có pháp gì để có thể tương ứng với hay chẳng tương ứng. Ngài Văn-thù-sư-lợi nói: Thưa Đại đức A-nan, tất cả các pháp thế tánh là hóa. Chính hóa ấy điều phục nhóm Tỳ-kheo kia".

Khi pháp giới thế tánh là ánh sáng, thì hóa tức là sự hóa hiện từ và của ánh sáng ấy. Và sự hóa hiện ấy cũng vô tự tánh, cũng là tánh Không: "*Người hóa không có pháp gì để có thể tương ứng với hay chẳng tương ứng*".

Đĩ nhiên, sự hóa hiện ra người hóa của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là từ pháp giới thế tánh nên là thanh tịnh. Còn chúng ta, những sự việc chúng ta đang thấy trước mắt cũng là hóa hiện, vì "*tất cả các pháp thế tánh là hóa*". Sự hóa hiện chúng ta thấy trước mắt là từ đâu? Từ ánh sáng, nhưng qua sự khúc xạ của cộng nghiệp của loài người và của biệt nghiệp từng người. Chính vì không biết thế giới và chúng sanh là sự hóa hiện từ ánh sáng căn bản, ánh sáng Như Lai được khúc xạ qua cộng nghiệp và biệt nghiệp mà cho đó là cứng đặc, là có tự tánh, là thật nên chúng ta lọt vào sanh tử. Nếu nhờ quán chiếu sâu sắc và bền bỉ, để thấy rõ sự thật "*tất cả các pháp thế tánh là hóa*" và hóa ấy là hóa của ánh sáng, thì chúng ta sẽ được giải thoát như nhóm Tỳ-kheo trong kinh, "*Chính hóa ấy điều phục nhóm Tỳ-kheo kia... Nghe hóa Tỳ-kheo giải bày (về pháp giới thế tánh), nhóm Tỳ-kheo ấy được vô lậu giải thoát*".

Kinh nói, "*Tất cả các pháp giới là pháp giới thế tánh*", nghĩa là tất cả các thế giới sai khác, phân biệt là pháp giới thế tánh vô phân biệt. Đúng về phương diện ánh sáng mà nói, thì tất cả các sắc tướng sai khác, phân biệt là ánh sáng (pháp giới thế tánh) vô phân biệt. Như thế, các hóa là các hình tướng sai khác nhau thật ra là ánh sáng vô phân biệt. Thấy các hóa là thật, là sai khác nhau, đó là cái thấy khiến chúng ta lạc vào sanh tử. Thấy các hóa là không thật, là huyền hóa, chứ thật ra chúng là ánh sáng vô phân biệt, do ánh sáng vô phân biệt hóa hiện ra theo cộng nghiệp và biệt nghiệp, người ta ở trong ánh sáng vô phân biệt hay pháp giới thế tánh vô phân biệt.

Để tìm thấy pháp giới thế tánh vô phân biệt này, người ta thiền định thiền quán về các sắc tướng. Khi thấy biết các sắc tướng là hóa, người ta thấy biết được nền tảng của các hóa là ánh



sáng vô phân biệt. Khi thấy biết các hóa hiện ra từ đâu, hiện hữu trong cái gì, và biến mất ở đâu, người ta biết được nền tảng của tất cả mọi hóa.

Khi thiền định thiền quán sâu vào các hóa, chúng ta thấy các hóa là vô tự tánh, như mộng như huyễn, nên nền tảng của chúng là tánh Không. Các hóa khác biệt nhau, luôn luôn thay đổi, nhưng đi sâu vào chúng, chúng ta sẽ thấy các hóa hiện ấy đều có bản chất là ánh sáng, nền tảng của chúng là ánh sáng vô phân biệt.

Sống trong nền tảng tánh Không và ánh sáng vô phân biệt này, đây là giải thoát. Tất cả mọi phiền não nhiễm ô do sự phân biệt sai lầm đều tan vào pháp giới thể tánh vô phân biệt, vào ánh sáng Như Lai vô phân biệt, và trong cái nhìn từ nền tảng, chúng chính là pháp giới thể tánh (tánh Không, ánh sáng Như Lai) vô phân biệt: "**Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Pháp giới thể tánh không có kinh quá. Sự kinh quá ấy tức là pháp giới thể tánh**".

Cho đến các chúng sanh và phiền não nhiễm ô, các nghiệp thiện và bất thiện của chúng sanh cũng chính là pháp giới thể tánh, tức là ánh sáng vô phân biệt:

"**Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Các chúng sanh ấy điên đảo chấp ngã và ngã sở. Hàng phàm phu ấy phát khởi ngã tưởng, chấp trước tướng ta và chấp trước tướng khác mà phát khởi tâm và tâm sở. Những tâm và tâm sở ấy tạo tác các nghiệp thiện hoặc bất thiện. Do hành nghiệp ấy làm nhân mà các chúng sanh ấy có được quả báo. Nếu đã có sanh bèn có nhiễm ô. Chính nhiễm ô ấy là pháp giới thể tánh**".

Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu biết nhiễm ô là pháp giới thể tánh thì gọi là trắng sạch vậy. Nhưng trong Đệ nhất nghĩa, không có nhiễm ô, không có pháp nhiễm hoặc pháp tịnh. Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói pháp ấy, có năm trăm Tỳ-kheo dứt hết phiền não được tâm vô lậu".



THẦY (8)

*Đêm tàn rơi ngày nắng mới đang lên
Thầy ngồi đó khúc dương cầm tuyệt kỹ
Cao trường sơn nhiệt huyết hồn trắng khi
Rộng hải hà lòng xuất sĩ thanh an*

*Độc hành đêm âm hưởng một cung đàn
Trong thiền thất cây đèn cây tỏa sáng
Vung ngọn bút hóa văn thơ hào sảng
Thềm xanh rêu muôn vạn ánh sao lay*

*Đêm trăng vàng hạc trắng soài cánh bay
Thầy ly viên kể từ ngày xuất xứ*

*Mắt sáng sâu mím cười nhìn lũ thú
Giữa điều tàn một mực giữ đan tâm*

*Đêm hồng hoang dần bước thật thâm trầm
Địa ngục mở quỷ ca hàm huyết âm
Ngai vàng cao nhuộm máu đào đỏ thẫm
Thị Ngạn am nguồn mạch ấm tàn khuya*

Đêm ly loạn lòng người lăm chẻ chia

Bạc du sĩ chẳng hề lia tứ chúng

Tâm từ bi vô hình mà diệu dụng

Ngày bạo tàn không nao núng sư vương

*Đêm lửa rừng thiêu rụi cả đàn hương
Thánh thân đau nổi cùng đường nghiệt lộ
Người tuyệt vọng khóc thắm trong huyết mộ
Thầy lên đường thôi nhịp mõ vô tri*

Đêm sanh tử đại tượng định an đi

Chẳng ngại chi thanh quy môn pháp phái

Tâm độ sanh là Phật tâm vĩ đại

Có luật nào lại ngăn ngại hiền nhân

*Đêm đạo tràng thầy phụng hiến thanh tân
Dòng Phật Việt thêm một lần khởi sắc
Đất trời rộng dựng chi rào nam bắc
Rồng rang lòng ấy sở đắc vô biên*

Đêm tâm kinh trụ xứ cõi thánh hiền

Bạc du già tịnh yên trong thiền thất

Mặc ngoài hiền hoa rơi tràn mặt đất

Quả trên cành nào có mất mùa sau

*Đêm trời nam tha thiết nhủ thâm nhau
Buông cái tôi để quốc độ xanh màu
Dầu phù vân vẫn thường cơn dâu bể
Thử Lý-Trần Phật Việt thể trùng hưng*

thơ ĐÔNG THIÊN

Át Lăng thành, 10/2021

LÒNG TỪ BI HÓA ĐỘ CỦA ĐỨC PHẬT ĐỐI VỚI CÁC VỊ BÀ-LA-MÔN NGOẠI ĐẠO

HT Thích Trí Chơn

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Vào thời đức Phật còn tại thế, trong suốt bốn mươi lăm năm hoằng pháp, Ngài đã hóa độ hàng trăm ngàn người xuất gia lần tại gia. Đệ tử của đức Phật gồm đủ thành phần từ các vị Bà-la-môn (Brahmins), vua chúa đến thứ dân, giàu sang phú quý đến hạng cùng đinh nghèo khổ. Ngay cả hạng gái điếm lẳng lơ, những tên cướp giết người không gớm tay cũng đều được đức Phật cứu độ nếu họ có duyên với Ngài. Nói tóm lại, lòng từ bi của đức Thế tôn bao trùm khắp mọi chúng sanh, không phân biệt giai cấp, giàu nghèo hay chức vị.

Trong bài viết này, tôi xin ghi lại dưới đây, qua các kinh điển Phật giáo, một số trong nhiều vị Bà-la-môn theo ngoại đạo nổi danh được đức Phật hóa độ trong cuộc đời hoằng pháp lợi sanh của Ngài. Những vị đó là đạo sĩ Sonadanda, Kutadanta, Pokkharasati, Sela và Sundarika Bharadvaja v.v...

1. Đạo sĩ SONADANDA

Anga (nay là thị trấn Bhagalpur, thuộc tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ), là một trong những vương quốc lớn vào thời đức Phật còn tại thế. Anga thời xưa, ngoài kinh đô đóng tại Campa (gần Bhagalpur ngày nay) còn có các thành phố quan trọng khác là Bhaddiya và Assapura. Đây là những nơi đức Phật thường đến thuyết pháp cho dân chúng. Anga lúc ấy được đặt dưới sự bảo vệ của vua Tần Bà Sa La (Bimbisara), trị vì vương quốc Ma Kiệt Đà – Magadha (nay gồm quận Patna và Gaya, tiểu bang Bihar, Ấn độ). Bấy giờ cả hai quốc gia chung sống hòa hợp đoàn kết như cùng một dân tộc.

Một hôm, đức Phật đến kinh thành Anga hoằng pháp và Ngài ở lại trên bờ hồ Gaggara (gần thành phố Campa). Hay tin, dân chúng lũ lượt kéo đến đánh lễ và nghe Ngài thuyết pháp. Lúc ấy, có vị Bà-la-môn tên Sonadanda rất giàu có và thông bác kinh điển Phệ-đà (Veda) của Ấn độ giáo cũng muốn đến yết kiến đức Phật; nhưng các đệ tử của Sonadanda bảo rằng với kiến thức uyên bác của ông, đức Phật chẳng có gì đáng cho ông đến gặp. Tuy nhiên, Sonadanda vẫn không nghe lời khuyên của các đệ tử mình, và ông đã đến tìm gặp đức Phật. Sonadanda được đức Thế tôn giảng cho nghe kinh Sonadanda (thuộc Trường Bộ Kinh – *Digha Nikàya*). Đại ý Ngài dạy rằng không phải do sự sanh trưởng con người trở thành hạng cùng đinh thấp hèn nhất hay giai cấp Bà-la-môn cao quý nhất, mà quan trọng là ở hành động đạo đức, xấu hoặc tốt của con người quyết định cho thấy họ là thành phần giai cấp hạ tiện hay cao quý.

Nghe xong, đạo sĩ Sonadanda lòng rất hoan hỷ, phát tâm cầu xin đức Phật cho phép được quy y Tam Bảo và hôm sau, ông đã cung thỉnh đức Phật và các đệ tử của Ngài về nhà thọ trai.

2. Đạo Sĩ KUTADANTA

Thời Phật còn tại thế, Kutadanta là một vị Bà-la-môn thông bác kinh điển Phệ-đà, có rất nhiều đệ tử và tín đồ. Ông được vua Tần Bà Sa La (Bimbisara) sùng kính và nhà vua đã hiến cúng cho ông ngôi làng Khanumata trong nước Ma Kiệt Đà. Ngày nọ, đức Phật đến hóa duyên tại làng này. Lúc ấy, Kutadanta đang chuẩn bị giết các thú vật gồm một số lớn bò đực, bò cái, cừu con và dê để tế thần. Khi hay tin đức Phật đến ở tại vườn xoài trong làng mình, Kutadanta muốn đến yết kiến để thỉnh vấn Ngài về phương thức tế lễ thế nào cho có nhiều kết quả.

Các đệ tử của Kutadanta cố gắng khuyên ông đừng đi, nhưng ông đã nói cho họ biết đức Phật là một đấng Giác ngộ vĩ đại, và sau cùng ông đã thuyết phục được họ cùng đi đến viếng thăm Ngài. Đức Phật giảng cho Kutadanta và các đồ đệ tử của ông nghe kinh Kutadanta (thuộc Trường Bộ Kinh) nhằm giải thích cho Kutadanta hiểu rõ lợi ích của đời sống tu hành, không giết hại sinh vật và sau đó, Ngài hướng dẫn ông ta đi sâu vào giáo lý Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo v.v...

Kết thúc bài pháp, Kutadanta liền chứng quả Tu-đà-hoàn, quả đầu tiên trong bốn quả Thánh. Đạo sĩ Kutadanta cũng từ bỏ ý định giết các sinh vật để tế lễ và ngày hôm sau ông đã cung thỉnh đức Phật cùng chư Tỳ kheo về nhà để cúng dường trai Tăng.

3. Đạo sĩ POKKHARASATI

Ukkattha thời đức Phật, là một thành phố thuộc vương quốc Kiều Tát La – Kosala (nay thuộc quận Gorakhpur, tiểu bang Uttar Pradesh, miền đông bắc Ấn). Thị trấn Ukkattha được nối liền với Satavya, một thành phố khác trong nước Kiều Tát La thẳng đến thành Tỳ Xá Ly- Vesali, thủ đô của xứ Vajji (nay là làng Basarh, quận Muzaffarpur, tiểu bang Bihar). Đức Phật thường đi hoằng pháp ngang qua con đường này. Pokkharasati cũng là một tu sĩ thông bác kinh điển Bà-la-môn giáo nên được vua Ba Tư Nặc (Pasenadi) nước Kiều Tát La hiến tặng cho thành phố Ukkattha nói trên. Ông ta rất đẹp trai và trông giống như một đóa hoa sen màu trắng.

Một hôm, trên đường du hóa đức Phật ghé vào ở khu rừng gần thành phố Ukkattha, đạo sĩ Pokkharasati nghe tin liền yêu cầu vị đệ tử của ông là Ambattha đến gặp đức Phật để xem Ngài thực sự có đủ ba mươi hai tướng tốt của một bậc Giác ngộ tuyệt luân như mọi người khắp nơi tán thán hay không. Ambattha đã đến yết kiến đức Phật và tỏ thái độ trịch thượng, tự cao tự đại. Nhưng đức Phật vẫn trầm tĩnh hoan hỷ thuyết giảng cho ông nghe kinh Ambattha (thuộc Trường Bộ Kinh).



Sau đó, Ambattha trở về kể lại cho Pokkharasati nghe rõ đầu đuôi câu chuyện gặp gỡ cũng như thái độ cư xử không đẹp của mình đối với đức Phật; tuy nhiên ông xác nhận rằng đức Phật quả đúng có những tướng tốt của một đấng siêu phàm. Nghe xong, Pokkharasati bực mình và tức giận về thái độ bất kính của Ambattha đối với đức Phật. Ông liền trách mắng người đệ tử vô kỷ luật và đã đích thân đến xin lỗi đức Thế tôn về thái độ vô lễ của Ambattha đối với Ngài trước đây. Rồi đạo sĩ Pokkharasati cung thỉnh đức Phật về nhà cúng dường trai Tăng. Sau khi thọ trai, đức Phật đã thuyết giảng cho ông ta và các môn đồ của ông nghe kinh Pokkharasati. Nghe xong, ông liền chứng đắc quả Tu-đà-hoàn và trở thành đệ tử của đức Phật. Tất cả môn đồ của Pokkharasati, ngoại trừ Ambattha, đều phát tâm quy y Tam Bảo.

4. Đạo sĩ SELA

Anguttarapa, thời đức Phật tại thế là một phần của vương quốc Anga (nay là quận Bhagalpur, phía đông bắc bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ) có kinh đô đóng tại thị trấn Apana. Một hôm đức Phật đến trú tại rừng trên bờ sông Mahi trong thành phố Apana. Sela, một đạo sĩ thông bác kinh điển Phê-đà (Veda), có nhiều bạn hữu và tín đồ, cũng cư ngụ ở thị trấn này.

Ngày kia, Sela đến thăm Keniya, một đạo sĩ Bà-la-môn giàu có, chung sống với gia đình tại một ngôi tịnh thất khang trang rộng rãi. Sela ngạc nhiên thấy Keniya và bạn bè đang sửa soạn tổ chức nấu tiệc linh đình, liền hỏi thăm thì được Keniya cho biết rằng ngày mai ông sẽ mời đức Phật và chư Tỳ kheo về nhà để cúng dường trai Tăng. Khi Sela vừa nghe đến danh từ "Phật", ông ta liền phát tâm kính phục và muốn đi ngay đến để gặp Ngài. Sau khi yết kiến đức Phật, nghe Ngài thuyết giảng kinh Sela, ông ta và các đệ tử đã xin theo Phật xuất gia làm Tỳ kheo. Trải qua một thời gian tinh tấn tu hành, sa môn Sela đã chứng đắc quả A-la-hán.

5. Đạo Sĩ SUNDARIKA BHARADVAJA

Thời đức Phật tại thế, có một đạo sĩ Bà-la-môn tên Sundarika Bharadvaja thường ra tắm ở sông

Sundarika, một con sông thiêng liêng chảy ngang qua vương quốc Kiêu Tát La (Kosala), vì ông tin rằng nước sông ấy có thể rửa sạch hết mọi tội lỗi của con người.

Một hôm, trên đường du hóa đức Phật ghé lại ở trên bờ sông này, gặp lúc đạo sĩ Sundarika Bharadvaja đang làm lễ cúng thần lửa. Khi buổi lễ kết thúc, vị Bà-la-môn nhìn xung quanh mong tìm xem thử có ai ở gần đó xứng đáng được thừa hưởng các lễ vật còn lại sau khi cúng xong hay không. Bấy giờ ông ta thấy đức Phật, trên đầu Ngài được phủ khăn che kín, đang ngồi dưới một gốc cây. Khi nghe bước chân của vị Bà-la-môn đến gần đức Phật liền tháo lấy khăn trên đầu xuống. Thấy đức Phật, Sundarika Bharadvaja hỏi Ngài là ai, thuộc giai cấp nào? Đức Thế tôn liền giảng cho ông ta nghe kinh Sundarika Bharadvaja được ghi chép trong Kinh Tập (Sutta Nipata) thuộc Tiểu Bộ Kinh (*Khuddaka Nikāya*).

Nội dung của kinh này đức Phật chỉ dạy cho vị Bà-la-môn trên thấy rằng không phải giai cấp mà là đạo đức tu hành, sự nghiêm trì giới luật và biết kiềm chế ái dục của con người mới thực sự quan trọng. Nghe xong, Sundarika Bharadvaja liền xin đức Phật xuất gia làm Tỳ kheo và sau một thời gian tinh tấn tu hành, ông ta đã giác ngộ, chứng đắc Niết-bàn.

Tài liệu tham khảo:

1. Digha Nikāya – Trường Bộ Kinh (*Dialogues of the Buddha*), I, translated from Pali into English by Dr.T.W.Rhys Davids, The Pali Text Society, London, Reprinted 1977.
2. Sutta Nipata – Kinh Tập (*Woven Cadences of Early Buddhists*), translated from Pali into English by E.N Hare, Sacred Books of the Buddhists, London 1945.
3. Historical Geography of Ancient India (Lịch Sử Địa Danh Thời Cổ Ấn Độ) by B.C. Law, Delhi (India), 1984.

THÔNGIỆP CỦA ĐỨC ĐẠT-LAI LẠT-MA VỀ HỘI NGHỊ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU LIÊN HIỆP QUỐC

Hoang Phong chuyển ngữ

Tôi rất vui mừng được biết Hội nghị COP26 (*) về tình trạng biến đổi khí hậu do Liên Hiệp Quốc tổ chức, nêu lên tình trạng khẩn cấp mà chúng ta hiện đang phải đối phó, sẽ được diễn ra tại thành phố Glasgow của xứ Scotland.

Tình trạng khí hậu trên toàn thế giới ngày càng nóng là một hiện thực cấp bách. Trong số chúng ta không ai có thể biến cải được quá khứ, thế nhưng tất cả chúng ta tùy khả năng mình, đều có thể góp phần mang lại một tương lai tốt đẹp hơn. Thật vậy, chúng ta phải có trách nhiệm tạo ra một cuộc sống yên bình và an toàn hơn, cho chúng ta và hơn bảy tỉ người khác đang cùng sống với chúng ta hôm nay. Với tất cả niềm tin và lòng quyết tâm, chúng ta phải chăm lo không những cho sự sống của mình mà cả những người chung quanh mình.

Tổ tiên chúng ta từng nhìn thấy địa cầu thật phong phú và xinh đẹp, ngày này nó vẫn là như vậy, và hơn thế nữa nó đã trở thành một ngôi nhà duy nhất chung cho tất cả chúng ta. Vì vậy, chúng ta phải bảo vệ nó, không những cho riêng mình mà cho cả các thế hệ mai sau, kể cả vô số các loài sinh vật khác cùng chung sống với chúng ta trên hành tinh này.

Cao nguyên Tây Tạng, ngoài Bắc cực và Nam cực, là bồn chứa băng tuyết to lớn nhất, và thường được xem là "Cực Thứ ba". Tây Tạng là nguồn cung cấp nước cho một số sông to lớn nhất trên thế giới, trong số đó gồm có sông Brahmaputra, sông Hằng, sông Indus, sông Mê-kông, sông Salween, sông Hoàng hà và sông Trường giang. Các con sông đó là nguồn sống, bởi vì chúng cung cấp nước uống, dẫn nước vào các hệ thống thủy lợi, giúp việc canh tác và sản xuất thủy điện, cho gần hai tỉ người trên khắp các vùng Á châu. Nhiều băng hà trên Tây Tạng tan thành nước, các công trình xây đập và đổi hướng sông ngòi, kể cả việc phá rừng quy mô đã khiến các hậu quả tạo ra bởi thái độ tắc trách về môi trường, ngày càng lan rộng khắp nơi.

Ngày nay chúng ta cần phải nhìn vào tương lai, thế nhưng không phải với những lời cầu nguyện thúc dục bởi sự sợ hãi, mà bằng các hành động thực tế hơn, căn cứ vào các hiểu biết khoa học. Tất cả mọi sự sống trên hành tinh này đều liên hệ với nhau hơn bao giờ hết. Những gì mình làm đều ảnh hưởng đến những người cùng sống với mình, kể cả đối với vô số sinh vật và muôn loài cây cỏ.

Chúng ta là con người, là các sáng tạo duy nhất có đủ khả năng tàn phá địa cầu, thế nhưng chúng ta cũng là loài hội đủ các khả năng to lớn nhất để bảo vệ nó. Chúng ta phải đương đầu với các vấn đề biến đổi môi trường qua một sự hợp tác toàn cầu nhằm mang lại sự lợi ích cho tất cả mọi người. Chúng ta phải làm tất cả những gì

mình làm được với khả năng mình. Dù chỉ là các hành động nhỏ nhặt hằng ngày, chẳng hạn như ý thức được cách tiêu dùng nước của mình cũng như những gì mà mình hiện đang có nhưng không cần đến, cũng đủ tạo ra các tác động nào đó. Chúng ta phải xem việc bảo vệ môi trường thiên nhiên là thành phần trong cuộc sống thường nhật của mình, và phải học hỏi những điều khoa học dạy bảo mình.

Tôi rất phấn khởi khi trông thấy các thế hệ trẻ đòi hỏi phải có các hành động cụ thể trước tình trạng biến đổi khí hậu. Điều đó mang lại cho tôi một niềm hy vọng nơi tương lai. Các sự cố gắng của những người trẻ tích cực thật hết sức chủ yếu, chẳng hạn như cô Greta Thunberg huy động quảng đại quần chúng nện lảng nghe và hành động đúng theo sự chỉ dẫn của khoa học. Quan điểm đó của họ rất thực tế, vì vậy chúng ta phải cổ vũ họ.

Tôi thường xuyên nêu cao tầm quan trọng của sự ý thức về tính cách nhất thể của nhân loại, điều đó có nghĩa là mỗi con người đều là thành phần trong chúng ta. Mỗi hiểm họa do thời tiết ngày càng nóng và tình trạng biến đổi khí hậu gây ra, không hề giới hạn trong khuôn khổ quốc gia, mà liên hệ đến tất cả mọi người trong chúng ta.

Tất cả chúng ta đều phải đương đầu với tình trạng khủng hoảng đó, vì thế thật hết sức quan trọng là chúng ta phải hành động với tinh thần đoàn kết và hợp tác, hầu có thể giới hạn bớt các hậu quả gây ra bởi tình trạng đó. Tôi hy vọng và cầu mong những người lãnh đạo sẽ dồn mọi nỗ lực để tìm các biện pháp tập thể hầu đối phó với tình trạng khẩn cấp trên đây, đồng thời hoạch định một thời khóa biểu chính xác để mang lại sự thay đổi. Chúng ta phải hành động để biến thế giới này trở nên an toàn, xanh mát và hạnh phúc hơn.

Với những lời nguyện cầu và những lời chúc tốt đẹp của tôi,

Dalai-Lama

31 Tháng Mười 2021

(*) Theo Wikipedia, "Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc năm 2021 (2021 United Nations Climate Change Conference of the Parties), thường được biết đến nhiều hơn với tên viết tắt COP26 là Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc lần thứ 26. Hội nghị được tổ chức tại Trung tâm SEC ở Glasgow, Scotland, Vương quốc Anh vào ngày 31 tháng 10 đến ngày 13 tháng 11 năm 2021 dưới sự chủ trì của Alok Sharma. Hội nghị đã bị trì hoãn trong một năm bởi Đại dịch COVID-19."

VỀ NGUYÊN TẮC KHÔNG GÂY HẠI (AHIMŚĀ)

Thích Nguyên Hiệp

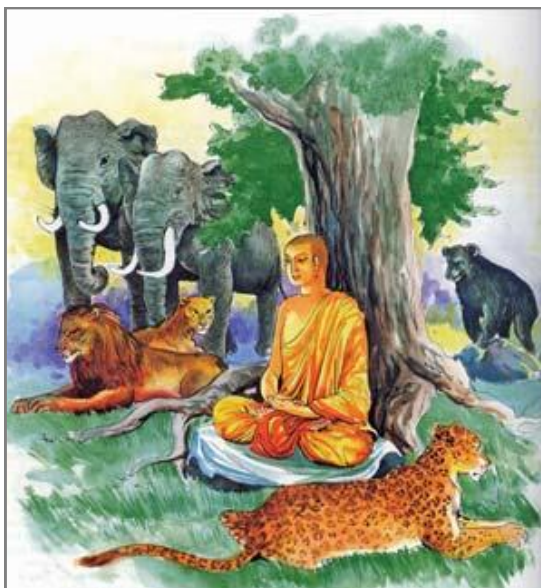
ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Không gây hại (ahimsā/ bất hại) là một nguyên tắc sống quan trọng trong ba tôn giáo lớn ở Ấn Độ, như Ấn giáo, Phật giáo và Kỳ-na giáo. Thuật ngữ *ahimsā*, có nghĩa là không giết hại hay làm tổn thương những chúng sanh khác (ahimsā = a+himsā. Chữ "a" là một tiền tố mang nghĩa phủ định; "himsā" có nghĩa là giết hại hay làm tổn thương. Như vậy *ahimsā* có nghĩa là không giết hại hay làm tổn thương).

Nhưng *ahimsā* cũng được hiểu là không sử dụng bạo lực, không gây chiến và tạo xung đột, không làm hại kẻ khác bằng ngôn ngữ và hành vi của mình; và cả không được quyền sinh hay tự làm hại bản thân mình. Trong niềm tin chung của một số tôn giáo lớn Ấn Độ, những hành vi bạo lực là không tốt và sẽ tạo nên nghiệp (karma) xấu, trong khi bất hại và không bạo lực sẽ tạo nên những thiện nghiệp, đưa đến những cảnh giới tái sinh tốt đẹp. Tuy nhiên, vẫn có những sai khác về cách hiểu và sự thực hành trong ba tôn giáo về nguyên tắc này.

Trong Phật giáo, không gây hại trước hết liên hệ đến vấn đề sát hại. Vì sao không được sát hại? Kinh *Pháp cú* viết: "Mọi người sợ hình phạt/ Mọi người sợ tử vong/ Lấy mình làm ví dụ/ Không giết, không bảo giết" (PC 129). Nhưng sự giết hại không chỉ khu biệt vào con người, mà cũng bao gồm những chúng sanh khác. Thực ra, nguyên tắc *ahimsā* trong Phật giáo thời kỳ đầu chính yếu tập trung vào việc không sát hại thú vật. Vào thời Đức Phật, việc tế lễ muông thú theo nghi lễ Bà-la-môn giáo là rất phổ biến. Những tế lễ như thế này là những sinh hoạt tôn giáo nhằm mục đích làm hài lòng thần linh với mong muốn nhận lấy những ân sủng hay sự che chở. Việc thần linh có hài lòng với những loại tế lễ như thế này hay không thì thật khó biết, nhưng hẳn nhiên nó là một loại sinh hoạt tôn giáo đem lại lợi ích kinh tế cho những người tổ chức. Đức Phật nhận thấy không có giá trị hay lợi ích tinh thần nào ở nơi những loại tế lễ như thế này, ngược lại thấy nó đem lại những tác hại cho người thực hành tế lễ vì tạo nên ác nghiệp.

Trong năm giới căn bản của người Phật



tử, *ahimsā* thuộc về giới thứ nhất; nhưng nếu hiểu theo nghĩa rộng, nó cũng bao hàm cả những giới khác. Nếu việc thực hành năm giới là để bảo vệ mình và bảo vệ người, hay không làm hại mình và làm hại người, thì "không gây hại" là nền tảng căn bản của năm giới. Bởi vì mọi người luôn mong muốn được hạnh phúc và sợ khổ đau, nên họ không được phép xâm phạm hay làm hại kẻ khác. Một bài kệ ở trong *Udana* nói rằng: "Tâm ta đi cùng khắp/ Tất cả mọi phương trời/ Cũng không tìm thấy được/ Ai thân hơn tự ngã/ Tự ngã đối mọi người/ Quá thần ái như vậy/ Vậy ai yêu tự ngã/ Chớ hại tự ngã

người" (Udana Varga, chương V). Giữ giới là một trong những cách thức giúp ta sống được như vậy. Thêm nữa, không gây hại cũng bao gồm việc không làm hại bản thân mình. Theo Phật giáo, đắm chìm trong dục lạc hay khổ hạnh ép xác đều được xem là đang làm hại bản thân, bị tham-sân-si chi phối cũng là đang làm hại bản thân, tạo nghiệp ác cũng đang làm hại bản thân, sử dụng những thực phẩm vật chất và tinh thần không lành mạnh cũng là làm hại bản thân... Trong kinh *Giáo giới La-hầu-la ở rừng Ambala*, không gây hại bao gồm việc kiểm soát thân-khẩu-ý, không để những hành vi, lời nói, hay ý nghĩ của mình gây hại cho chính mình và cho người khác: "Này Rahula, khi ông muốn làm một thân nghiệp gì, hãy phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau: 'Thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ. Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Thân nghiệp này, ta muốn làm. Thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Một thân nghiệp như vậy, này Rahula, Ông nhất định chớ có làm..." Cũng tương tự như vậy với khẩu và ý.

Ahimsā, ở khía cạnh tích cực, là thực hành lòng từ bi và tạo dựng sự an bình cho bản thân và xã hội. Trong kinh điển Pāli, một vị vua được xem là lý tưởng khi ông không gây chiến

và sát hại thần dân, tức ông cai trị thần dân bằng đạo đức và không tạo nên bạo lực. Tuy nhiên, trong Phật giáo, không gây hại không phải là một nguyên tắc cứng nhắc áp dụng trong mọi tình huống. Trong văn học Pāli, như ở trong các Jātaka (chuyện tiền thân), ta thấy có những trường hợp tự hy sinh thân mạng, mà có thể được xem như một hình thức bạo lực, vì lợi ích của kẻ khác. Tuy nhiên, trong văn học Pāli, chiến tranh không được tán thành, cho dù với lý do gì. Trong nhiều trường hợp, Đức Phật đã khuyên răn các vị vua về tác hại của chiến tranh và xung đột; và trong một số câu chuyện tiền thân, ta thấy có những vị vua đã chấp nhận dâng hiến vương quốc để chiến tranh không xảy ra, nhằm giữ lấy tính mạng của bách tính. Tuy nhiên, trừ những người xuất gia, trong Phật giáo Theravāda, không có việc ngăn cấm người cư sĩ tại gia tham gia vào những hoạt động quân sự, cho dù trong kinh có khuyên rằng không nên làm nghề buôn bán vũ khí. Như vậy người cư sĩ vẫn có thể tham gia vào quân đội, và hẳn nhiên là khi tham gia vào thì họ sẽ phải thực hiện chức năng của họ ở trong vai trò này.

Trong văn học Đại thừa, trong một số trường hợp, ta thấy bạo lực có thể được sử dụng vì lợi ích của số đông cũng như sự an bình của xã hội. Trong kinh *Phương tiện thiện xảo (Upāya-kausalya Sūtra)*, ta đọc thấy câu chuyện kể về vị trưởng đoàn thương nhân đã giết một tên cướp để cứu lấy năm trăm vị thương nhân, và hành vi này được cho là cần thiết và không tạo nên tội lỗi, và không sai về phương diện đạo đức. Trong kinh *Hoa nghiêm (Avatamsaka Sūtra)*, ta thấy có vị vua đã xử phạt nặng nề những kẻ phạm tội, nhằm ngăn chặn tội ác và vì lợi ích của vương quốc, và việc làm đó được xem là cần thiết. Và ở một cấp độ khác, bạo lực được xem như một phương tiện, mà nói theo kinh *Duy Ma Cật* là: “Thị hiện hành sân hận thù nghịch mà không có thù hận ác ý đối với các chúng sinh”. Tuy nhiên, một vài bản kinh Đại thừa khác, chẳng hạn như kinh *Phạm võng Bồ-tát giới*, đưa ra những giới luật ngăn cấm điều này. Nhưng cũng cần lưu ý rằng, kinh *Phạm võng Bồ-tát giới* là dành cho những người thông thường, và mang tính đạo đức quy phạm. Còn vấn đề được đề cập trong kinh *Phương tiện thiện xảo* hay kinh *Hoa nghiêm*, lại là những hành hoạt của chư Bồ-tát, người có đủ bi-trí và phương tiện thiện xảo trong giáo hóa và cứu độ, và đã thực hiện những việc làm này không bằng một tâm thức hận thù hay sân hận.

Ở góc độ nào đó, nguyên tắc *ahimsā* trong một vài bản kinh Phật giáo Đại thừa là tương tự với Ấn giáo mà nó cho rằng nguyên tắc *ahimsā* không áp dụng với những kẻ phạm tội, những kẻ hành ác và trong chiến tranh, đặc biệt là chiến tranh phòng thủ. Trong Ấn giáo, một vị vua hay người lãnh đạo phải trừng trị những kẻ tạo ác và không được phép do dự, cho dù kẻ tạo ác đó là những người thân thích của mình. Ta có thể tìm thấy điều này ở trong *Bhagavad-Gita*, qua những đối thoại giữa Thần Krishna và hoàng tử Arjuna. Thánh điển này đã đặt ra những nguyên tắc mà một người thuộc tầng lớp Chiến sĩ (Kshatriya) phải thực thi, trong đó bổn phận chính là phải chiến đấu, ngay cho dù đối phương của

mình là những người thân thích. Và khi người ta thực hiện theo nghĩa vụ và bổn phận của mình, thì dù hành vi được xem là bất nhân nhất như giết hại, không bị xem là sai về phương diện đạo đức, và thậm chí không sai về phương diện tôn giáo trong sự liên hệ đến nghiệp (karma).

Nhưng ta cũng cần nên biết rằng, khái niệm *ahimsā* không được xem như một nguyên tắc đạo đức ở trong những thánh điển sớm nhất của Bà-la-môn giáo, mặc dù trong *Rig-Veda* có đề cập đến việc “không gây hại”; và khái niệm này cũng xuất hiện trong một số thánh điển khác như *Taittiriya Shakha* của *Yajur-Veda* và *Shatapatha Brahmana*. Nhưng không gây hại (*ahimsā*) ở trong *Yajur-Veda* chỉ đề cập cụ thể đến việc không được làm hại người thực hành tế lễ mà không mang tính phổ quát, và không mang một hàm nghĩa đạo đức nào.

Và, như đã nói, tế lễ ruộng thú là một trong những sinh hoạt tôn giáo của Bà-la-môn giáo. Trong *Mahabharata* và *Manusmṛti*, tế lễ thú vật và ngay cả việc săn bắn được coi là hợp pháp, cả về phương diện xã hội lẫn tôn giáo, cho dù *Mahabharata* có nói rằng “không bạo lực là bổn phận đạo đức tối thượng” (*ahimsa paramo dharma*). Như vậy, trong Bà-la-môn giáo thời kỳ đầu, không gây hại chỉ khu biệt vào một vài nhóm đối tượng, và chưa phải là một nguyên tắc đạo đức mang tính phổ quát. Dần dần, khái niệm này được phát triển và được áp dụng một cách phổ quát hơn. Trong *Chāndogya Upaniṣad*, việc không gây hại đối với tất cả loài vật được xem như là một nguyên tắc cần phải thực hiện, và việc tuân theo nguyên tắc này là một trong các điều kiện cho việc thoát ly vòng luân hồi sanh tử. Về sau, người Ấn giáo xem *ahimsā* như một nguyên tắc đạo đức thật sự cốt yếu; việc tôn trọng và tránh giết hay làm hại chúng sanh khác được xem như một nguyên tắc căn bản trong việc thực hành đời sống tôn giáo, và đây cũng là lý do tại sao nhiều người Hindu đã chọn chế độ ăn chay, hay ít nhất tránh giết hại sinh vật một cách trực tiếp vì nhu cầu ăn uống của mình.

Cổ lễ trong những tôn giáo Ấn Độ, Kỳ-na (Jainism) là tôn giáo thực hiện nguyên tắc *ahimsā* một cách nghiêm ngặt nhất, và nguyên tắc này đã trở thành một trong những thề nguyện của người Kỳ-na, cả Tăng sĩ lẫn tín đồ tại gia. Biểu tượng của Kỳ-na giáo là bàn tay có bánh xe ở giữa lòng; và biểu tượng này tượng trưng cho sự vô



uý và không gây hại. Bên dưới biểu tượng là câu kinh nổi tiếng của tôn giáo này: "Parasparopagraho Jivānām" được rút ra từ *Tattvārthasūtra*, mà nó có nghĩa là "sống và hãy để sống"; hay được dịch theo cách khác là "mọi chúng sanh cần giúp đỡ lẫn nhau", hay "tất cả mọi đời sống là tương thuộc và hỗ trợ lẫn nhau". Bởi vì mọi loài sống đều tương thuộc và hỗ trợ nhau để tồn sinh, do đó ta không chỉ tôn trọng đời sống của mình mà cũng phải tôn trọng đời sống của kẻ khác. Đây chính là nền tảng triết học để tín đồ Kỳ-na thực hành nguyên tắc không gây hại. Ở điểm này ta thấy quan điểm của Kỳ-na giáo về con người và thế giới rất gần với thuyết Duyên sinh của Phật giáo. Bên cạnh, nguyên tắc không gây hại trong Kỳ-na giáo cũng được đặt trên học thuyết nghiệp (karma) và tái sinh. Nghiệp sát rõ ràng là nghiệp ác, và sẽ không đưa người thực hiện điều đó đến một sự tái sinh tốt. Và cũng chính từ đây, Kỳ-na giáo đề ra một chế độ ăn chay trường nghiêm ngặt cho cả người xuất gia lẫn tại gia. Theo Kỳ-na giáo, ăn mặn, cho dù không trực tiếp sát hại động vật, cũng đã gián tiếp tạo nên sự sát. Ngay cả những sản phẩm liên quan đến động vật như sữa và mật ong, cũng không được phép dùng, bởi vì được nghĩ rằng để có những thực phẩm đó người ta phải tước đoạt công sức của chúng sanh khác.

Cũng giống như Phật giáo, Kỳ-na giáo phê phán và tránh mọi loại tế lễ muông thú và những việc làm như săn bắn và những nghề nghiệp liên quan đến giết hại súc vật; và thậm chí cố gắng tránh những việc làm gây hại đến cây cỏ một cách không cần thiết như phóng hỏa đốt rừng. Việc đốt rừng không chỉ làm tổn hại cây cỏ, mà qua đó cũng có thể giết hại những loài vật sống ở trong đó.

Giống với Ấn giáo, Kỳ-na giáo cho rằng bạo lực để phòng vệ là được chấp nhận. Người ta không được tạo nên chiến tranh, không bức hại, đàn áp hay bóc lột kẻ khác, nhưng họ được phép chiến đấu chống lại những vấn đề trên để bảo vệ bản thân, người thân, cộng đồng hay đất nước của họ. Thêm nữa, mặc dù xem mọi chúng sanh đều bình đẳng và nương tựa vào nhau để tồn sinh, nhưng Kỳ-na giáo vẫn xem có một sự phân loại cao thấp trong những loài sống khác nhau; chẳng hạn như đời sống con người thì cao hơn đời sống của thú vật; đời sống của một con khỉ thì cao hơn đời sống của những loài sâu bọ côn trùng; và hẳn nhiên đời sống của loài sâu bọ côn trùng thì cao hơn các loài cây cối. Do đó sự bất sát phải được ưu tiên theo thứ tự.

Ahimsā là một nguyên tắc đạo đức tạo nên nhiều tranh luận ngày hôm nay, bởi nó không chỉ liên quan đến vấn đề sát sinh thông thường mà còn liên quan đến những nan đề đạo đức hiện đại như phá thai, tự tử, trợ tử, hành hình, trừng phạt, chiến tranh, môi sinh... Nhưng thực ra, một số những nan đề này cũng đã có mặt trong quá khứ, chẳng hạn như hành hình, trừng phạt và chiến tranh. Và trong quá khứ cũng như hiện tại, những Phật tử đã có những cách nhìn khác nhau, hay sự giải thích khác nhau, về vấn đề này. Có người cho rằng sử dụng vũ lực và bạo động không phải là giải pháp tối hậu. Nhưng một số người, chẳng hạn như B.R. Ambedkar, biện minh rằng Đức Phật dạy nên yêu thương tất cả,

mà không bảo rằng tuyệt đối không được sát hại (trong ngữ cảnh phòng vệ hay chiến tranh). Bên cạnh, một số người cho rằng bạo lực có thể được sử dụng trong một số trường hợp cần thiết: sử dụng bạo lực để chấm dứt bạo lực. Nhưng rõ ràng cách nghĩ này là trái ngược với những gì được đề cập trong kinh *Pháp cú*: "*Sự thật, hận thù không bao giờ chấm dứt được bằng hận thù ở trong thế giới này. Chỉ có lòng từ bi mới chấm dứt được hận thù. Đây là định luật muôn đời*". Chiến tranh hẳn nhiên là luôn gắn liền với thắng bại và hận thù. Những người bị sát hại trong chiến tranh, bởi sự khổ đau và hận thù chi phối, sẽ không có một sự tái sinh tốt.

Và trong nhiều trường hợp, nguyên tắc *ahimsā* cũng đã gây nên những bối rối, và có khi người ta từ chối nó vì những xung đột quan điểm, như trường hợp của Maung Win: "*Tôi không thể biện hộ việc ngồi thiền trong khi những anh chị em của tôi đang bị giết hại. Những vị thầy của tôi dạy rằng phải yêu thương những người căm ghét chúng tôi. Nhưng hay thử yêu thương với một khẩu súng chia thẳng vào đầu bạn. Sau khi họ tra tấn người anh của tôi, tôi đã cởi áo cà-sa và tham gia vào cuộc kháng chiến. Trái tim của tôi ở cùng với dân tộc của tôi, không ở cùng với sự giác ngộ của tôi.*" (Journal of Buddhist Ethics, Vol. 16, tr.41). Thêm nữa, như được thấy nơi lịch sử một số nước Phật giáo, cả theo Phật giáo Theravāda và Đại thừa, nguyên tắc bất hại trong nhiều trường hợp đã bị gác bỏ khi có sự lựa chọn về các giá trị.

Nguyên tắc không gây hại, theo một số người, phải được đặt trong những tình huống cụ thể. Nhưng như vậy sẽ nảy sinh câu hỏi: Trong những tình huống nào thì người ta có thể phá vỡ nguyên tắc bất hại? Câu trả lời thường là: bạo lực có thể được sử dụng khi điều đó giúp ngăn chặn cái ác, vì lợi ích của số đông, và được thực hiện với lòng từ bi và trí tuệ; và nguyên tắc không gây hại cần phải được nhìn theo cái nhìn duyên sinh của các mối quan hệ trong xã hội. Một mặt, người ta phải nhận thức sự tùy thuộc và tương tác của các mối liên hệ ở trong đời sống để kính trọng đời sống, và nói theo cách của Kỳ-na giáo là sống và để kẻ khác cùng sống. Nhưng mặt khác người ta cũng cần "phải bảo vệ mình và bảo vệ người" trước những hành vi gây hại và lấn ép của kẻ khác.

Một nguyên tắc đạo đức-tâm linh, để thực hiện, đòi hỏi phải có rất nhiều sự nỗ lực. Sự thực hành nguyên tắc bất hại hay phát khởi lòng từ bi trong mọi tình huống không phải là sự dễ dàng, mà đòi hỏi phải có sự kiên định và sức nhẫn nhục cao. Con đường tu đạo thường không phải dễ đi. Và, cho dù một vài nơi trong kinh sách bạo lực đã được xem như là "phương tiện thiện xảo" vì lợi ích của số đông, thì hầu hết kinh điển Phật giáo, những nguyên tắc như từ bi, nhẫn nhục, không làm hại kẻ khác với nhiều phương diện khác nhau... luôn được đề cao và bâng bạc khắp nơi, và là những nguyên tắc không thể thiếu trong lộ trình tu đạo. Và một người, không thể trở nên cao quý nếu không thực hành nguyên tắc *ahimsā*, và đây là một trong những tiêu chí xác định nên phạm hạnh của họ: "Bỏ trượng, đối chúng sanh/ Yếu kém hay kiên cường/ Không giết, không bảo giết/ Ta gọi Bà-la-môn" (PC 405).

Từ cú lục bát “NÍN THINH & CÂM LẶNG”

thơ TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

THINH LẶNG

Chất chiu từng giọt uyên huyền
Thăng lên thiên giới, lặn chìm u minh
Gió mây đảo động vòm xanh
Tâm vô chấp trước lặng thình với Thiên!

SIÊU VIỆT

Chập chùng sấm dội tâm kinh
Cõi thiên rung chuyển, cõi tình lặng cảm
Âm ba vi diệu bông trầm
Ba la yết đế giai không trống bờ!

TAN

Lao xao mật ngọt chét ruồi
Xi xâm xóc xiêm hai lời cho đau
Nhẹ cười tâm vút đỉnh cao
Lặng im bóng chiếc tan vào hư không.

TRÚT TRẢI

Lặng im từ độ yêu người
Tường rêu khuya ngấm, mây trời sớm trông
Tim còn thoi thóp đêm đông
Vần thơ trút trải nỗi lòng ghét thương.

HÔI SINH

Hương trầm khói tỏa cay cay
Chuyện xưa nước mắt, chuyện nay bất bình
Đêm dài bia mộ lặng thình
Bình minh sẽ tới, hồi sinh lên đàng!

CÂM LẶNG

Nghe từ núi đá thềm thì
Gọi chân lặng tử đập mây thoát trần
Đập đàn tan tác ăn năn
Ừ, bao hùng biện nay câm lặng hoài.

NHẬP

Vươn lên theo ánh mặt trời
Hương dương rạng rỡ với đời sáng trong
Gió về ru nhịp thông dong
Lặng im vĩnh cửu một giờong như như.

ĐẬM NHẠT

Máng nhạt còn thấy thơ thơ
Máng đậm bỗng thấy mắt mờ hoa văn
Khô cho nhận nghiệp nợ nần
Ngữ ngôn tắt ngúm, điệu vãn lặng im!

HÔN TRANH

Bóng hình treo mảng tường rêu
Vòn mưa đùa nắng gác nghèo lặng cảm
Nét xưa đậm sắc phong trần
Cuối năm hạ xuống ba lần hôn lên.

LIU DẦU

Vó câu in dưới thung vàng
Tình lưu bóng gửi lên đàng hi sinh
Thanh bình ngô lúa mượt xanh
Tiếng người xưa đã lặng thình giữa đồng.

ÔM ĐÀN

Nhện giăng góc tối cũ càng
Âm im thín thít cây đàn lẵng quên
Mai vàng rộ nở chợ đêm
Ôm đàn tôi ngỡ ôm em mà mừng.

HỎI

Hỏi mây, mây chẳng trả lời
Hỏi cây cây nín, hỏi trời trời im
Hỏi đá, đá cũng nín thình
Hỏi tôi, tôi lại quên mình hỏi ai.

NÓI & NÍN

Huyền thiên xấu tốt, đất trời
Cổ kim lưu loát tuôn lời người nghe
Bông trầm hoạt bát khen chê
Tôi chiều gặp vợ lúc về nín cảm.

TÌNH CÂM

Yêu ai, yêu mỗi tình đầu
Trương tư không nói, ưu sầu im hơi
Lặng câm ôm suốt cuộc đời
Phòng đơn bóng chiếc đêm cười hồn nhiên.

ĐÈN

Tắt đèn lặng lặng thình thình
Sớm mai bừng mắt thấy mình đến nơi
Đường xa rong ruổi suốt đời
Chong đèn sáng lóa muôn lời lặng cảm.

CHON

Mây trôi nước chảy dòng đời
Phù sa danh lợi đắp bồi nhân tâm
Thôi về tay rửa lặng cảm
Hồn hoang huyền bí truy tâm chữ Chon!

Qua bờ kia

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Chú tiểu đang ngồi thiền. Vá tóc tém nơi vành tai. Mắt nhìn xuống. Đôi chân xếp bằng bán già. Đôi tay xếp êm trước bụng. Chú ngồi bất động. Dù ai có đi qua chú vẫn bất động. Dù có tiếng động, chú vẫn bất động. Bất động trong tiếng động. Cái động không ngoài cái bất động nên là chú. Vì chú là chú nên không liên quan gì đến cái động và bất động, chú chìm sâu vào tình thức. Tâm chú sáng trong như hạt sương mai trên đầu ngọn cỏ. Vì tâm sáng nên Phật hiện tiền. Phật ở trước mặt chú. Phật ở trong tâm chú, Phật hiện bây giờ, nơi đây. Lòng chú thấy an. Ý chú thấy lạc. Chú qua bờ kia. Một thứ Triết lý thiền bất động. Triết lý thiền rung động, giữa biển đời tử sinh.

*Một ngày nữa, ta sống thêm một ngày nữa
Để cho đời một hương vị đậm tình thương
Bấy lâu nay ta cứ ngỡ giấc mộng thường
Người sẽ ở và ta ra đi vĩnh viễn*

*Ta đang sống giữa muôn trùng hiểm họa
Hãy cho đi tất cả sự yêu thương
Nhỡ mai kia ta cất bước lên đường
Lòng thanh thản ta chẳng bao giờ hối tiếc*

Chú tiểu đang vượt bờ và chú tiểu yêu bờ bên kia. Chú tiểu có đôi chút muộn phiền bờ này. Ồ! Nhưng không, chú tiểu gạt mình. Đôi vai nhúc nhích. Tâm của chú tiểu lý giải bờ kia, bờ này. Đôi bờ đều không. Sao mình lại yêu bờ này, muộn phiền bờ kia. Chú tiểu chơi vơi, giữa dòng nước xoáy. Trời rồi sụp. Lặn rồi trôi. Dòng nước cuốn đi. Vì động của dòng nước, chú mở mắt nhìn thấy tượng Phật đang nhìn chú, Phật mỉm cười. Mắt Phật Từ Bi, chú nhìn Phật. Chú mỉm cười. Mắt chú Từ Bi. Phật và chú tiểu hiện ở nơi đây. Ở giữa chánh điện trầm hương, lan tỏa. Mùi thơm của trầm, chú ngửi. Mùi thơm của hương Phật ngửi. Tất cả đều hiện bày... để thấy cái thật, chân như, hay cái sống, chết, làm choáng ngợp trong tâm hồn chú. Chú mở to mắt. Chú hít thở thật sâu, làm tâm êm dịu, lắng trong. Chú buông xả, dòng chảy của tâm thức. Chú đọc lời thi ca:

*Sống để biết ngày mai ta sẽ chết
Vây hôm nay ta có được những gì
Hãy trao tặng cho gió ngàn mây trắng
Vui với mình xanh đậm hàng mi*

*Tĩnh tọa, dòng suy tư chẳng tỉnh
Tâm mình mà thức của riêng ai
Bầu trời, mặt đất nhiều thơ mộng
Điểm xuyết vầng trăng gánh trên vai.*

Đọc xong thi ca, chú dụi đôi mắt. Chú xoa đôi chân. Chú nắn đôi tay. Chú đứng dậy lạy Phật. Lòng chí thành, thâm lặng. Thâm lặng như không khí chánh điện. Chùa dài lâu như tự thuở nào mà hôm nay chú mới cảm nhận. Có lẽ nhờ chú vượt bờ mê mà cảm nhận sự tịch nhiên, như nhiên.

Chú nhẹ lùi sau đôi bước rồi ra bậc thêm tam cấp chùa dẫn xuống sân, bách bộ. Tâm hồn chú nhẹ. Bước chân chú vui. Dường như sáng nay chú an lạc. An lạc bằng cái nhìn. An lạc nơi tự thân. An lạc của người đi qua nhìn thấy. Một nỗi bình yên từ đó. Làm vui lây những viên đá bên đường. Những chiếc lá xanh bên hàng đậu. Những cánh bướm vàng hút nhụy hoa. Như là một kinh nghiệm sống của bản thân. Của vạn vật trăm hồng, nghìn tía đang dần trải trước mặt chú.

*Một ngày sống là một ngày thêm an lạc
An lạc cho mình an lạc đến tha nhân
Mở vòng tay ta ôm ngọn lửa hồng
Làm ấm lại bao nỗi lòng giá buốt*

*Ngày mai vác cuốc lên rừng
Trồng cây cỏ dại, vun từng khóm hoa
Đêm nghe giọt nước nhạt nhòa
Đơm bông kết nhụy một tòa kim cương*

Cứ thế chú đi. Đi như mình đang đi. Đang chuyển động. Đang hướng về. Cội nguồn tâm linh. Mặc cho lá hoa đón chào. Mặc cho giọt mưa và hạt nắng tung tăng, rơi rụng trên vai chú. Trên vạt áo bạc màu hương khói. Bóng chú mờ dần và mất hút tít chân mây. Chú đã qua bờ kia. Chú đã để lại khoang thuyền nan dưới bến. Con thuyền nằm im bất động. Buổi sáng hừng nắng sớm. Buổi chiều đượm màu hoàng hôn dưới rặng dừa xanh biêng biếc.



*Dòng đời trôi như dòng sông
trôi
Đục trong lượn khúc vượt núi
đồi
Khi lên tới đỉnh Trời Đâu Suất
Lúc xuống phạm tình lửa
ngục sôi
Con ốc sên bò bên hàng đậu
Đôi bướm vàng đậu hút nhụy
hoa
Vườn trà ngát hương bay
ngào ngạt
Dẫn lối về thiền thất ngày
qua*

Xa bờ kia bỏ lại sau lưng Bờ này. Giữa lòng sông lặng lẽ trôi. Bất tận. Miên man. Bao tháng ngày nào ai biết. Sức sống buồn hiện hữu nơi đó. Đứng để nghe dòng sông thì thầm. Dòng sông nói. Dòng sông kể chuyện đời mình. Qua bao thác ghềnh lòng sâu, bãi cạn, lau lách, cỏ dại ven sông. Quả thật vô minh như bóng đêm tăm tối. Tăm tối như dòng nước đục nuôi lớn tôm cua, ốc, hến. Tôm cua phải vượt Bờ. Ốc hến phải vượt Bờ. Nếu không sẽ lại bị dòng nước đục ôm trọn đời mình dưới lòng sông sâu bất tận.

Người đứng trên bờ thấy mặt nước dòng sông mát. Nước dòng sông trong. Yên tĩnh, lặng lẽ. Có ai thấy được dưới đáy sông xưa, có bao sự sống. Buồn vui lẫn lộn. Sống còn như mộng. Như hư. Buổi sớm, nước sông bốc khói, làm mờ đục mặt nước sông, chìm xuống, căng ra. Màn sương như mơ, khói sương như màn, dệt thành lời thơ của lão ngư.

*Bầu trời đục khói mờ sương
buổi sớm*

*Nhập nhô chèo chiếc thuyền
nhỏ trên sông.*

*Bềnh bồng sóng gợn từng cơn
nhẹ*

*Bếp lửa hương trà làm ấm lão
ông.*

Không gian ấy. Mái chùa xưa. Chánh điện trầm. Chú tiểu vượt Bờ. Chiếc thuyền nan còn thấp thoáng, như sông lại ngày nào. Ngày xưa mới xuống tóc đi tu.



TÂM

(Thuận nghịch độc – Bát điệp TÂM)

Thuận:

*TÂM tịnh để cùng rõ khắp phương,
Đạo hoá TÂM cảm thấy người thương.
Cần TÂM sáng, tuệ sinh oai tướng,
Thấu pháp an, TÂM mở rộng đường.
Chân lý vững, TÂM phạm tục rã,
Hiêm TÂM ngại, nghiệp khổ sâu vương.
Trần đời xả hết TÂM trong lắng,
Gần đến đích TÂM rõ lạc thường.*

Nghịch:

*Thường lạc rõ, TÂM đích đến gần,
Lắng trong TÂM, hết xả đời trần.
Vương sâu khổ, nghiệp ngại TÂM hiêm,
Rã tục phạm, TÂM vững lý chân.
Đường rộng mở TÂM an pháp thấu,
Tướng oai sinh tuệ sáng TÂM cần.
Thương người, thấy cảm TÂM hoà đạo,
Phương khắp rõ cùng để tịnh TÂM.*

thơ MINH ĐẠO

TRỤ TÍCH TRẦN VƯƠNG KỲ

Huệ Trân

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

"*Vạn Hạnh dung tam tế
Chơn phù cổ sấm cơ
Hương quan danh Cổ Pháp
Trụ tích trần vương kỳ*"

Đây là bài kệ đầy cảm kích, vua Lý Nhân Tông đã làm để truy tán Thiên-sư Vạn Hạnh, nhà sư đã mang đạo vào đời, góp phần cực kỳ quan trọng dựng nên triều Lý, một triều đại dân giàu nước mạnh suốt hơn hai trăm năm trong chiều dài lịch sử vàng son của dân tộc Việt Nam.

Thầy Huyền Không đã dịch bài kệ ngắn, ghi dấu ấn công đức vô lượng này như sau:

"*Vạn Hạnh thông ba cõi
Thật hợp lời sấm xưa
Quê nhà tên Cổ Pháp
Gây công giữ nghiệp vua*"

Một nhà sư chân trần, áo vải, ôm bình bát du hoá đó đây mà góp công trị nước an dân, không phải chỉ hơn hai trăm năm triều Lý, mà ảnh hưởng còn sâu đậm đến ngày nay, thoát nghe như huyền sử thần thoại, mà sự thật còn bi tráng gấp bội thần thoại.

Đạo pháp luôn gắn liền với vận mệnh dân tộc. Khi đất nước thái bình, Đạo vun bồi, nuôi dưỡng đời sống tâm linh trăm họ. Khi đất nước suy vong, Đạo chia sẻ đau thương qua hình ảnh những Bồ Tát hoá thân mà lịch sử đã chứng minh, không thời nào không có, nếu chúng ta lắng tâm quán chiếu, khai mở trí tuệ để nhìn bằng tuệ nhãn.

Thời tiền Lê có Sư Vạn Hạnh như thế nào mà sử Việt có những trang đại hùng, đại lực, đại từ bi cho cả một triều đại huy hoàng hơn hai trăm năm như thế? Địa danh Cổ Pháp được ghi nhận nơi Sư chào đời, có gì đặc biệt để trở thành linh địa? Bối cảnh thời vua Lê Đại Hành rồi ren thế nào mà Sư phải xuống núi?

Thiên-sư Vạn Hạnh người làng Cổ Pháp, thuộc phủ Thiên Đức. Ngài được sanh ra trong một gia đình mộ Đạo Phật. Từ thuở ấu thơ Ngài đã tỏ lộ sự thông minh xuất chúng, lâu thông kinh sử, liễu ngộ Lão Giáo, Nho Giáo, nhưng thay vì bị gò ép trong giáo điều, Ngài đã uyển chuyển kết tụ những tinh hoa của Lão, của Nho, hoà hợp với tinh thần từ bi, giác ngộ của Đạo Phật, tự khai mở cho mình con đường hành trì ưu việt, để vừa chấn hưng Đạo Pháp, vừa cứu nước độ dân.

Với sự khai mở tuyệt luân đó, Ngài đã chính thức xuất gia năm vừa 21 tuổi.

Phải chăng Ngài quyết định xuất gia như một sứ mạng vì đã thấy trước, phải khởi bước bằng đường Đạo mới cứu được đường đời?

Theo tài liệu lịch sử thì tình trạng đất nước Việt Nam thật suy đồi khi vua Lê Đại Hành đã già yếu mà vẫn chưa lập Thái Tử nối ngôi, trong khi nhà vua có rất nhiều con trai, và ai cũng rắp ranh thừa kế ngai vàng.

Mầm tranh chấp, hỗn loạn đã thấy rõ, chưa kể

sư áp bức, đô hộ thường xuyên của Bắc Phương. Những vị anh hùng dân tộc như Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, khi can trường đứng lên chống ngoại xâm, thường phải đến cửa chùa, tìm minh sư để vấn kế, vì trong thời buổi nhiễu nhương đó, nhiều nhân tài đã phải ẩn thân nơi cửa Phật để chờ thời cơ cứu dân, giúp nước.

Ngay như vua Lê Đại Hành cũng được sự trợ giúp của thiên-sư Pháp Thuận, một vị Sư thuộc thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, đời thứ mười.

Sau khi xuất gia, Sư Vạn Hạnh hoằng hoá đó đây, sưu tầm, tra cứu kinh điển để dịch thuật, phổ biến rộng rãi thêm trong dân gian. Nhưng đó chưa phải là mục đích duy nhất của một người uyên bác, không chỉ phụng sự Đạo Pháp mà còn hành trì Bồ-Tát-hạnh trước tai ương thống khổ của đất nước, của dân tộc.

Một buổi chiều, khi Sư Vạn Hạnh dừng chân trước chùa Cổ Pháp, lòng bỗng đứng náo nức lạ kỳ! Không phải vì cây hoa gạo đang trở bông đỏ rực góc sân chùa, không phải vì ngọn tháp rêu phong phủ đầy lá thông khô, cũng không phải tàng-kinh-các im sững, ẩn dụ muôn lời-không-lời, mà là không gian phẳng phất hào khí của bình Nam đẹp Bắc, của thanh gươm-trí-tuệ Văn Thù.

Sư Vạn Hạnh bước vội qua cổng tam quan thì được Sư Khánh Vân đích thân ra đón. Hai vị đành lễ nhau rồi cùng bước vào trai đường. Sư Vạn Hạnh nồn nóng, hỏi ngay:

- Lâu nay chùa có gì lạ không?
- Thưa sư huynh, đệ vẫn ngày đêm lo kinh kệ, chăm bón dầm luống cải, ít gốc hoa mà thôi.

Sư Vạn Hạnh nhìn quanh rồi hỏi tiếp:
- Sao vắng vẻ quá! tiểu Công Sơn đâu rồi?
- Thưa sư huynh, tiểu Công Sơn đi xách nước, còn tiểu Công Uẩn thì đi nhặt củi chùa về.

Sư Vạn Hạnh nhướn mày hỏi:
- Tiểu Công Uẩn? Sư đệ có thêm một tiểu nữa ư? Hồi nào thế?

Sư Khánh Vân vừa rót trà, vừa trả lời:

- Đã lâu sư huynh không ghé qua nên đệ chưa có dịp thưa. Tiểu Công Uẩn là đứa bé bị thân nhân đem bỏ trước cổng chùa. Đệ đã nhờ làng xóm tìm tông tích mà năm này tháng khác vẫn mù mịt nên đành nuôi trong chùa, lấy họ của đệ là họ Lý mà đặt tên là Lý Công Uẩn. Cũng may, đứa bé này rất thông minh đỉnh ngộ, kinh kệ học đâu nhớ đó mà văn chương ứng đáp có phần vượt trội tiểu Công Sơn.

Vừa lúc đó, một chú tiểu ôm bó củi bước vào sân chùa. Sư Khánh Vân gọi:

- Công Uẩn, vào chào Sư Bá đi con.
Tiểu Công Uẩn đặt bó củi ngoài sân, vào trai đường cúi đầu, vòng tay thưa:

- Tiểu Lý Công Uẩn xin cung kính đánh lễ Sư Bá và Sư Phụ.

Sư Vạn Hạnh nhìn chú tiểu nhỏ, cảm giác nao

nức lạ kỳ khi vừa dừng trước cổng chùa lại dấy lên mạnh mẽ, hoan lạc vô biên! Cảm giác này đang xoáy mạnh vào lời trần trối của Sư Phụ là Sư Thiên Ông, rằng làng Cổ Pháp là linh địa. Chính nơi đây sẽ có người anh hùng họ Lý xuất hiện tại Đạo, cứu đời.

Sư Thiên Ông nổi tiếng uyên thâm về phong thủy, địa lý, đã hết lòng truyền dạy cho đệ tử mình là Sư Vạn Hạnh nên bấy lâu nay, Sư Vạn Hạnh đã âm thầm ôm mối u uẩn, du hoá đó đây, mong chứng nghiệm được lời căn dặn của Sư Phụ mình, mà Sư tin rằng đã được ân cần truyền lại từ đời Sư Định Không, thuộc dòng thứ ba của thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi.

Tiểu Công Uẩn đã khuất sau cửa trai đường mà Sư Vạn Hạnh vẫn ngồi lặng. Tách nước đã cạn mà lòng Sư bùng bùng cháy khát.

Cảm nhận được có điều nghiêm trọng, Sư Khánh Vân đứng lên, đóng cửa phòng. Tới giờ Sám Hối, cánh cửa trai đường vẫn lặng thềm khép kín. Tiểu Công Sơn bồn chồn lo lắng nhưng không dám tới gõ, còn tiểu Công Uẩn thì bình tĩnh lên chánh điện, thắp nhang lạ Phật rồi an nhiên thiền tọa.

Sáng sớm hôm sau, tiểu Công Uẩn vâng lệnh Sư Phụ, theo Sư Vạn Hạnh về chùa Lục Tổ để được tu tập, rèn luyện thêm về giáo pháp cũng như văn học.

Sư Khánh Vân gạt lệ nhìn theo người đệ tử mà Sư hết lòng thương yêu nhưng không thể ích kỷ giữ mãi bên mình vì biết rằng Công Uẩn theo Sư Vạn Hạnh sẽ phát triển được trọn vẹn tài trí tiềm ẩn trong tâm hồn khí phách. Tuy Sư Khánh Vân rất bình dị nhưng Sư cũng nhận ra trí tuệ và uy dũng diệu kỳ nơi Công Uẩn. Sư tâm sự với Sư Vạn Hạnh rằng, một lần tiểu Công Uẩn phạm lỗi, tuy là lỗi nhỏ thôi, nhưng để nghiêm minh giới luật, Công Uẩn vẫn bị phạt quỳ hương dưới bệ thờ. Tối hôm đó, tình cờ đi ngang qua, Sư nghe Công Uẩn xuất khẩu thành thơ. Tuy chỉ có hai câu mà tiềm ẩn sức mạnh của thanh gươm Bát Nhã khiến Sư giật mình. Chính Sư Vạn Hạnh cũng sửng sốt khi nghe Sư Khánh Vân nói lại hai câu thơ đó:

*"Đêm khuya chân mới, không dám đuổi
Chỉ sợ sơn hà xã tắc nghiêng!"*

Thời gian qua như bóng câu, vị sư trẻ không phụ lòng thầy Bổn-sư, thầy Y-chi. Lý Công Uẩn luôn hiển lộ trí tuệ tuyệt luân và tâm tử bi vô lượng nên được sự ngưỡng phục từ triều đình tới dân chúng khắp nơi. Chưa ba mươi tuổi, Lý Công Uẩn được tiến cử giữ chức Tả Thân Vệ Điện Tiền Chỉ Huy Sứ, và Sư Vạn Hạnh là vị cố vấn, như bóng với hình.

Tháng ba năm Ất Tỵ, vua Lê Đại Hành băng hà. Thái tử Long Việt được làm lễ đăng quang nhưng không bao lâu, bị em là thái tử Long Đĩnh sai thuộc hạ thân tín lên vào cung, ám sát.

Khi sự việc này xảy ra, hầu hết quan lại trong triều đều hoảng kinh, sợ liên lụy nên bỏ chạy hết! Duy chỉ có Thân Vệ Lý Công Uẩn ở lại, lo tắm liệm, chôn cất vị vua vẫn sống với đầy đủ nghi thức cho một vị quân vương.

Hành động can đảm này đã khiến vua Long Đĩnh nể phục vị tu sỹ trẻ, sắc thái nhu hoà mà tiềm ẩn khí phách vô song!

Long Đĩnh là ông vua tàn bạo, vô luân, có một không hai thời đó. Trong triều thì nịnh thần lũng đoạn, bên ngoài thì dân chúng bị hà hiếp, đói khổ

điều lịnh, tiếng oán than thấu trời xanh mà nhà vua vẫn làm ngơ, ngày đêm đắm chìm trong tửu sắc!

Với cái nhìn bén nhạy của người có viễn kiến, Sư Vạn Hạnh biết đây chính là lúc phải chuẩn bị tạo ra thiên thời, địa lợi, nhân hoà mà cứu nước, cứu dân. Trong sự sắp đặt đó có chuyện một cây cổ thụ ở làng Diên Hồng bị sét đánh trốc gốc. Hôm sau dân làng ra thu dọn thì thấy sau lớp vỏ, trên thân cây khắc đậm hàng chữ:

*"Hoà đao mộc lạc
Thập bát tử thành"*

Dân chúng thỉnh các vị cao tăng tới giảng giải thì được biết rằng, chữ Hoà, chữ Đao và chữ Mộc viết gộp lại thành chữ Lê; chữ Thập, chữ Bát và chữ Tử viết gộp lại thành chữ Lý. Câu sấm đó, giảng nôm na có nghĩa là "Lê sụp, Lý thành", là điềm báo trước nhà Lê sẽ tận và nhà Lý sẽ chấn hưng đất nước.

Lời sấm được nhanh chóng loan truyền trong dân gian. Lòng người nao nức chờ sự đổi thay. Đó là "nhân hoà" đã có sẵn. "Thiên thời, địa lợi" thì do chính nghiệp của vị vua tàn ác tạo ra.

Bởi hoang dâm quá độ, vua Long Đĩnh chết sớm. Thái tử mới bốn tuổi lên ngôi, là môi ngon cho Bắc phương thôn tính! Đây chính là thời cơ Sư Vạn Hạnh tải Đạo vào đời, ân cần thuyết phục Lý Công Uẩn noi gương vua Thang, vua Võ thời xưa, dùng trí tuệ uyển chuyển tình thế để cứu muôn dân.

Đồng thuận với Sư Vạn Hạnh là các quan đại thần trong triều và quan trọng hơn hết là lòng muôn dân khắp nơi thịnh cầu.

Cuộc chính biến diễn ra êm ả, không một sự phản kháng, chống đối nào.

Chủ tiểu Lý Công Uẩn, người con rơi bị bỏ trước cổng chùa năm nào, được hai vị sư cứu mang, rèn luyện, đã lên ngôi vua, lấy hiệu là Lý Thái Tổ, mở đầu triều đại nhà Lý suốt hơn hai trăm năm. Trong suốt triều đại hoàng kim này, các vị vua nhà Lý đều được truyền thừa tinh thần Bì Trí Dũng của Đạo Phật, lấy lễ Đạo mà chấn dân, lấy lòng nhân mà đối xử với kẻ xâm lăng khi phải phá Tống, bình Chiêm để bảo vệ bờ cõi.

Bồ Tát thường xuất hiện nơi địa ngục trần gian, nơi người hành hạ, huỷ diệt người. Trước những bất công, những thống khổ bị bạo quyền ức hiếp trên quê hương non nửa thế kỷ nay, người con Phật đã thấp thoáng thấy bao Bồ Tát hoá thân. Với dũng khí của những trưởng tử Như Lai, Bồ Tát đã nói thay cho những ai không dám nói, đã làm thay cho những ai không dám làm và sẵn sàng nhận mọi sự tàn độc của kẻ cầm quyền, từ ngôi tù, bỏ đói, tra tấn, tới những bản án chung thân, tử hình.....

Bao án tử đã trở thành Bát Tử vì thanh gươm Bát Nhã tuy vô hình mà hiện hình rực rỡ mười phương, mang tinh thần tải Đạo vào đời, toả sáng linh khí của pháp hội trên núi Thấu năm xưa cho muôn người còn đang đau khổ, nghe được Trống-Pháp vang, thấy được Mưa-Pháp lớn mà chấm dứt trầm luân nơi cõi ta-bà khổ lụy!

Huệ Trân

*(Tào-Kê tịnh thất- Chắp tay dâng lễ Chư Bồ
Tát hoá thân đã và đang tải Đạo cứu đời, đến như
đi, nhẹ tựa mây trời mệnh mang...)*

ƯNG VÔ SỞ TRÚ NHI SANH KỲ TÂM

Thích Nữ Trí Hải

THIÊN HỌC

Tra lời một câu hỏi của Tôn giả Tu Bồ Đề mở đầu kinh Kim Cương: “Các trai lành gái lành đã phát tâm Bồ Đề, làm sao giữ vững (trú) tâm ấy, và làm sao hàng phục tâm xấu cho khỏi nổi lên?” Phật dạy, có bao nhiêu chúng sinh đủ loại, bỏ tất đều phát tâm cứu vớt cho chúng vào Vô dư Niết bàn, tuy cứu độ nhiều vô lượng chúng sinh như vậy mà bỏ tất không thấy mình là người độ, chúng sinh là kẻ được độ... nghĩa là không chấp ngã, không sanh tâm kiêu mạn. Lại nữa khi hành thiện bố thí thì không nên dính mắc sáu sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Trong không chấp ngã, ngoài không dính mắc sáu đối tượng, như vậy là vô sở trú. Còn bố thí, cứu giúp là sanh kỳ tâm hay phát tâm Bồ đề.

Vô sở trú gồm:

1. Không chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả là bốn thứ phát sinh từ ngã chấp, bốn kiểu chấp về chủ thể.

2. Không chấp sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là sáu đối tượng ở ngoài liên hệ đến chủ thể.

Sanh kỳ tâm là phát tâm Bồ đề, tu hạnh Bồ tát, gồm có sáu hạnh ba la mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí tuệ.

“Vô sở trú” thì khỏi các chấp thủ như chấp tài lợi, danh tiếng, chấp tự ngã, vì chính từ sự chấp thủ ấy mà có ra thân sơ thương ghét, mất công bằng.

Thông thường, người tu hạnh thiếu dục tri túc không tham cầu danh lợi thì ưa sống một mình trong núi rừng tịch tịch; còn người ham danh lợi thì ưa sống chỗ ồn náo, quen biết nhiều, xã giao rộng. Cả hai hạng người này đều có chỗ trú trước, chưa được gọi là vô sở trú mặc dù hạng người ưa tịch tịnh có vẻ thanh cao hơn. Ngược lại, người tu hạnh lợi tha thì dễ sinh ra chấp ngã (ta đây là người cứu nhân độ thế) và dính mắc sáu trần, hồng phần tự lợi. Lời Phật dạy: “Ưng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm” là một pháp tu giúp cho mình và người đều lợi lạc.

Lục Tổ khi nghe qua câu ấy đã hoá nhiên đại ngộ, thốt năm câu “nào ngờ” nổi tiếng: “Nào ngờ bản tánh vốn tự thanh tịnh, vốn tự đầy đủ, vốn bất sinh diệt, vốn không lay động, vốn sinh muôn pháp.” Đây có thể xem là cách Lục Tổ giải thích câu kinh “ưng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm”, tóm thâu tất cả yếu chỉ của Phật pháp, và yếu chỉ ấy chính là trung đạo lìa hai chấp cực đoan như có-không, thường-đoạn, sinh-diệt, hữu-vô, v.v...

Vì Phật pháp là pháp “không hai” nên để trả lời câu hỏi của Tu Bồ Đề gồm hai phần “làm sao giữ vững Tâm Bồ Đề” và “làm sao hàng phục tâm xấu đừng cho nó khởi lên”, đức Phật chỉ dạy một chuyện “hàng phục tâm xấu” bằng cách cứu giúp chúng sinh mà không nổi tâm kiêu mạn, dính mắc. Vì hàng phục tâm xấu tức là đã an trú tâm

Bồ đề, cũng như đưa ánh đèn vào một phòng tối thì bóng tối đã trở thành ánh sáng, không cần xua đuổi bóng tối thì ánh sáng mới hiện ra. Hai chuyện xảy ra đồng lúc không có trước sau, nên gọi là bất nhị. Trong câu hỏi của Tu Bồ Đề, ta thấy dường như có hai tâm: một tâm tốt cần giữ gìn, và một tâm xấu cần đàn áp, hàng phục. Nhưng khi Phật chỉ dạy cách hàng phục tâm xấu mà không nói tới chuyện duy trì tâm tốt, tức Ngài đã ám chỉ lý bất nhị: chân tâm và vọng tâm không phải là hai tâm, mà là hai khía cạnh của cùng một cái tâm ấy. Sóng và nước không phải là hai thực thể khác nhau, mặc dù tướng trạng có khác. Sống-chết, mê-ngộ, thiện-ác, sinh tử-Niết bàn, và tất cả những cặp đối đãi khác cũng đều như vậy cả.

Bất nhị chính là nghĩa trung đạo trong tất cả mọi sự, và trung ở đây có nghĩa là siêu việt cả hai khái niệm đối nghịch thường tình của thế gian như có-không, sống-chết, khổ-vui, mê-ngộ, v.v... Có vượt qua cả hai thế đối nghịch ấy mới thực sự giải thoát, nếu không, ta sẽ mắc kẹt vào nhị biên, hoặc chấp không, hoặc chấp có, vĩnh viễn vướng vào tranh chấp.

1. Trong sự tu thiền, vì định và tuệ không hai, nên chỉ và quán phải đồng thời. Nếu chấp định trước tuệ sau, thì định có thể trở thành chướng ngại cho tuệ, nhất là khi hành giả tu đã đắc định tới trình độ có thần thông. “Vô sở trú” là tịnh chỉ, “sinh kỳ tâm” là tuệ quán, là thái độ tỉnh giác bén nhạy trước mọi sự xảy ra mà không trú trước bất cứ một cảnh nào. Trú trước là đã rơi vào mê hồn trận của các cảm thọ lạc, khổ, hay lưng chừng (vô ký). Như khi ngồi thiền, tuệ quá nhiều thì rơi vào trạo cử, suy nghĩ đủ thứ; định quá nhiều thì rơi vào hôn trầm hoặc lười biếng. Ba hoàn cảnh thuận, nghịch và bình thường đưa tới ba cảm thọ lạc, khổ và lưng chừng; tất cả đều có thể đưa đến nguy hiểm cho người không tu; gặp thuận cảnh dễ sinh tham, gặp nghịch cảnh dễ sinh sân hận, còn nhịp điệu đời sống nếu cứ lạng lờ trôi chảy thì con người đắm ra biếng nhác, mất tính sáng tạo và rơi vào thói quen nhàm chán. Nhưng với một người biết tu, thì gặp thuận cảnh sẽ dễ phòng tham sanh khởi, gặp nghịch cảnh sẽ dễ phòng sân sanh khởi, và nếu nhịp điệu đời sống trôi qua bình thường thì luôn luôn tự cảnh giác, lay mình dậy để khỏi mê ngủ trong vô minh bất giác, biến mọi hoạt động trở thành máy móc, dễ sinh nhàm chán và dần dần thối thất đạo tâm.

2. Trong hành động, đó là tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, dung thông chân đế và tục đế, như thiền sư Qui Sơn dạy chúng: “Giá biên na biên ứng dụng bất khuyết.”

3. Trong đời sống, bất nhị là một nghệ thuật sống, như câu chuyện ông già họ Tái mất ngựa. Người liễu ngộ bất nhị thì lúc nào cũng bình an, tự

tại vì biết rõ hai cái đối nghịch nào cũng hàm chứa lẫn nhau: trong sống có chết, trong khổ có vui v.v... nên không lấy không bỏ, được không mừng, mất không buồn. Hơn nữa, người hiểu đạo còn biết cách lợi dụng những khổ đau, thất bại trong cuộc đời, chuyển hóa chúng thành nguồn an vui hạnh phúc, gọi là "hỏa diệm hóa hồng liên" (lửa đỏ thành sen hồng). Sen mọc trong nước không lấy gì làm lạ, nhưng sen mọc được trong lửa mới thực là kỳ quan, nên Phật pháp được gọi là "điều pháp" chính vì lẽ ấy.

4. Tất cả kinh điển cùng dạy một chuyện ấy bằng nhiều cách khác nhau, hiển giáo cũng như mật giáo. Hiển giáo như Diệu Pháp Liên Hoa nói: "Chư Phật lưỡng túc tôn, tri pháp thường vô tánh, Phật chủng tòng duyên khởi, thị cố thuyết nhất thừa." Mật giáo thì hoa sen và ngọc ma ni trong thần chú OM MANI PADME HUM cũng diễn đạt lý bất nhị: Hoa sen biểu trưng cho nguyên lý mềm yếu, hiện tượng nhân duyên sinh diệt của thế gian; còn ngọc ma ni là nguyên lý cứng chắc, hay bản thể bất sinh diệt xuất thế gian. Trong hiện tượng sinh diệt vốn sẵn tiềm tàng bản thể bất sinh diệt hay Phật tính. Vì thấy rõ như vậy nên thiền sư có thái độ an nhiên trước sống chết: "Thiền tọa an nhiên ngắm rụng hồng."

Đối với Phật tử, "quay y" cũng bao hàm nghĩa bất nhị: Quay là quay về, y là nương tựa. Nương tựa là hướng ngoại tìm cầu một nơi nâng đỡ tinh thần, ở đây là Phật, Pháp và Tăng. Nhưng, nương tựa chưa đủ, cần phải "quay về" trước đã, đó là quay về với tự tánh Tam Bảo nơi chính mình, đó là hướng vào trong tâm để tìm ông Phật trong mình trước. Khi đã biết "quay về" với tự tánh thanh tịnh thì mới biết được đâu là Phật thật, đâu là Pháp thật và đâu là Tăng thật. Nếu không quay về, không nội quán mà chỉ hướng ngoại tìm cầu thì ta chỉ gặp những bản sao của chính dục vọng thấp hèn trong ta mà không phải là chánh đạo: ham tiền tài thì Phật hóa thành ông thần tài ban phúc giáng họa, pháp trở thành phương pháp làm ra tiền, tăng trở thành thầy tướng số gieo quẻ cầu tài. Như vậy, "quay về" là tự, là hướng nội, "nương tựa" là tha, là hướng ngoại; không được bỏ bên nào mới là trung đạo vì cả hai chỉ là một, cho nên tục ngữ nói: "Thầy nào trò nấy, cha nào con nấy."

Tóm lại, vô sở trú và sanh kỳ tâm là hai phương diện của tâm giác ngộ, vắng lặng mà chiếu soi, chiếu soi mà vắng lặng. Đó cũng là yếu chỉ của thiền, được tóm tắt trong câu khẩu quyết:

Tịch tịnh tinh tinh thị
 Vô tình tịch tịch phi
 Tinh tịnh tịch tịnh thị
 Vọng tưởng tịnh tịnh phi

(Nghĩa là: vắng lặng mà sáng suốt thì đúng; trở trở mà vắng lặng là sai. Sáng suốt mà vắng lặng là đúng; sáng suốt trong vọng tưởng thì sai.)

(trích tác phẩm Đường Về
 của cố Ni trưởng Thích Nữ Trí Hải)



NHÂN QUẢ

*Giáo pháp căn bản nhất
 Không ngoài nhân và quả
 Dù bất cứ là ai
 Hiểu tận tường nhân quả
 Thâu suốt đạo lý này
 Tâm không còn mê muội
 Vị ấy có tuệ giác!*

*Thọ khổ là nhân ác
 Lạc thọ là nhân lành
 Trồng dưa được ăn dưa
 Trồng bồ hòn trái đắng
 Hiện nhiên là như vậy
 Nhân quả không sai chày.*

*Mọi hành động, nói, suy (tam nghiệp)
 Đều trở thành chủng tử
 Gieo vào A-lại-da
 Đủ các loại hạt giống
 Chúng không bị tiêu diệt
 Khi hội đủ trợ duyên
 Tức khắc liền sinh khởi
 Không cách gì cản nổi*

*Nhân quả luôn vận hành
 Như dòng nước luân lưu
 Không bao giờ ngừng chảy
 Còn chủng tử hữu lậu
 Là vẫn còn đời sau*

*Những người xưa năm cũ
 Giờ tái sinh cả rồi!
 Sáu ngã đời luân hồi
 Người tới, lui nườm nượp.*

thơ **DIỆU VIÊN**

BÁT CHÁNH ĐẠO

“CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ”

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH “Way to the End of suffering”

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: **Tỳ khuru Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG IV

Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng

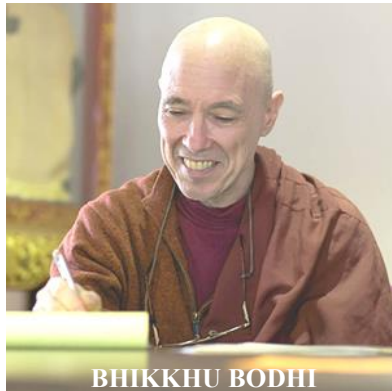
(Sammā Vācā, Sammā Kammanta, Sammā Ajīva)

Ba nhân tố tu tập tiếp theo: chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng, có thể nghiên cứu cùng nhau vì cả ba nhân tố này tạo thành phần đầu của con đường tu tập ba phần, phần huấn luyện về đạo đức (sīlakkhandha - nhóm giới). Mặc dầu những nguyên tắc đặt ra trong phần này ngăn chặn những hành vi trái đạo đức và thúc đẩy đức hạnh nhưng mục tiêu cuối cùng của chúng thuộc về tinh thần nhiều hơn là đạo đức. Chúng không chỉ là những qui định để hướng dẫn cho hành động mà chính là để giúp tâm được thanh lọc. Là một biện pháp cần thiết cho sự bình an của con người, đạo đức có nguyên nhân chính đáng riêng của nó trong giáo lý của Đức Phật và chúng ta không thể xem thường sự quan trọng của nó. Nhưng trong văn cảnh đặc biệt của Bát Chánh Đạo, nguyên tắc đạo đức phụ thuộc vào mục tiêu chính của con đường tu tập, đó là giải thoát khỏi đau khổ. Như vậy, việc rèn luyện đạo đức trở thành một phần thích hợp của con đường tu tập. Nó phải được áp dụng dưới sự hướng dẫn của hai nhân tố đầu tiên, chánh kiến và chánh tư duy và sau đó dẫn xa hơn đến những phần tu tập về định và tuệ.

Mặc dù sự tu tập về đạo đức chỉ được xem là bước đầu trong ba nhóm thực hành (giới, định và tuệ. ND) nhưng chúng ta không thể xem thường nó. Chính đạo đức là nền tảng của trọn con đường tu tập, rất quan trọng cho sự thành công của những giai đoạn tu tập khác. Chính Đức Phật thường khuyên dạy đệ tử của Ngài phải giữ giới, "Phải thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất." Có lần, một vị sư đến gặp Đức Phật và xin Ngài dạy cho một cách vắn tắt về sự tu tập. Ngài bảo: "Trước hết, con hãy tự củng cố bước đầu bằng những trạng thái thiện. Nghĩa là, phải rèn luyện

đức hạnh cho trong sạch và có chánh kiến. Sau khi sự rèn luyện đức hạnh đã được thanh tịnh và có chánh kiến chính xác, con nên tu tập về bốn nhiệm xứ" (Tương ứng bộ kinh, 47:3).

Danh từ Pali "sīla", chúng ta dịch là "kỳ luật rèn luyện về đức hạnh" được dùng trong kinh điển với nhiều nghĩa trùng hợp nhưng tất cả đều liên quan đến tư cách chân chính. Trong một số văn cảnh, nó có nghĩa là hành động hợp với nguyên tắc đạo đức, trong những văn cảnh khác, tự nó có nghĩa là nguyên tắc đạo đức, trong những văn cảnh khác nữa, nó là phẩm chất đức hạnh của nhân cách do kết quả của hành động tuân thủ các nguyên tắc đạo đức. Trong những ý nghĩa của học giới hay nguyên tắc đạo đức, "sīla" đại diện về mặt hình thức của sự huấn luyện đạo đức. "Sīla" với nghĩa đức hạnh là sự cố võ tinh thần và "sīla" như tư cách đúng đắn diễn đạt đức hạnh trong đời sống thực tế. Thông thường, trên định nghĩa chính thức, "sīla" là sự ngăn chặn những hành vi bất thiện của hành động và lời nói. Định nghĩa này, với ý nhấn mạnh trên hành



động bề ngoài, có vẻ nông cạn. Tuy nhiên, có những giải nghĩa khác bổ túc cho sự khiếm khuyết này và cho thấy "sīla" có nhiều nghĩa sâu sắc hơn ý nghĩa dễ hiểu như được trình bày ở trên. Ví dụ, Vi Diệu Pháp (The Abhidhamma - Văn học luận tạng của Phật giáo. ND) xem "sīla" như những nhân tố tinh thần của sự ngăn chặn (Viratiyo) — chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng— sự so sánh tương đồng này cho thấy rõ tâm chính là những gì thật sự được tu tập thông qua sự tuân thủ giới luật. Như vậy, trong khi tu tập với "sīla" đem đến lợi ích cho "công chúng" ngăn chặn những hành động có hại cho xã hội. Nó cũng đem lại lợi ích cho cá nhân làm cho tâm trong sạch, ngăn chặn không cho các phiền não bắt chúng ta phải theo chúng.

Danh từ (morality) "luân lý" trong Anh ngữ và những từ ngữ phát sinh từ nó gợi lên ý niệm bốn phần và ép buộc rất xa lạ với khái niệm "sīla" của Phật giáo. Ý nghĩa rộng này chắc có lẽ du nhập vào đạo đức Tây phương từ chủ nghĩa hữu thần.

Phật giáo, trong khuôn khổ phi thần học (khác với vô thần. ND) đặt căn bản của đạo đức không phải trên khái niệm tuân phục mà trên khái niệm hài hòa. Thật vậy, những bản chú giải kinh Phật giải nghĩa danh từ "sila" bằng một danh từ khác, "samàdhanà", có nghĩa "hoà hợp" hay "phối hợp."

Sự giữ giới dẫn đến sự hoà hợp ở nhiều lãnh vực: xã hội, tâm lý, nghiệp đạo và thiền chỉ quán. Trong lãnh vực xã hội, những nguyên tắc của giới giúp thiết lập những mối liên lạc hoà hợp giữa cá nhân với nhau, kết nối những thành phần khác nhau trong xã hội thành tập hợp, đem quyền lợi và mục đích riêng của họ phối hợp nhau vào trật tự chung của xã hội. Trong đó, những sự tranh chấp, nếu không được xóa bỏ hoàn toàn thì ít ra cũng được giảm thiểu. Trong lãnh vực tâm lý, giới ngăn chặn những nguyên nhân làm nội tâm bị tán loạn bởi tội lỗi và hối hận vì những vi phạm đạo đức. Trong lãnh vực nghiệp đạo, sự giữ giới đảm bảo được sự hoà hợp giữa nghiệp đạo và qui luật (nhân quả. ND) của vũ trụ và từ đó đưa đến kết quả tốt đẹp trên tiến trình hướng về tương lai trong chu kỳ luân hồi sinh tử. Và trong lãnh vực thứ tư, tu tập thiền, trong bước đầu, giới giúp cho tâm thanh tịnh, để tâm được thâm sâu và hoàn hảo hơn bằng cách phát triển thiền chỉ và thiền quán.

Trong định nghĩa văn tắt, những nhân tố của sự tu tập về đạo đức thường được trình bày trong thể thụ động khi nói về sự ngăn chặn. Nhưng giới có ý nghĩa rộng hơn là cố gắng không làm những việc xấu ác. Mỗi nguyên tắc chứa đựng trong các học giới, như chúng ta sẽ thấy, thật ra có hai khía cạnh, cả hai đều rất quan trọng cho tất cả việc tu tập. Một là ngăn chặn những điều ác, hai là quyết tâm làm điều thiện. Khía cạnh thứ nhất được gọi là "không làm ác" (vāritta) và khía cạnh thứ hai gọi là "làm thiện" (cāritta). Ngay khi bắt đầu tu tập, Đức Phật nhấn mạnh khía cạnh không làm ác. Ngài dạy như vậy, không phải vì ngăn chặn những điều ác là đủ nhưng vì để thiết lập những bước đường tu tập theo thứ tự liên tiếp hợp lý. Những bước tu tập được sắp đặt theo trình tự tự nhiên của chúng (theo thứ tự luận lý nhiều hơn thứ tự thời gian. NT) như câu kệ nổi tiếng trong kinh Pháp cú: "*Không làm điều ác, trưởng dưỡng những việc thiện và thanh lọc tâm ý, đây là giáo pháp của Chư Phật*" (Kệ 183). Hai bước sau, trưởng dưỡng những việc thiện và thanh lọc tâm ý, cũng có vị trí quan trọng của chúng, cần phải chú ý. Nhưng để đảm bảo sự thành công của hai bước này, chúng ta phải có quyết tâm không làm điều ác. Nếu không có quyết tâm bỏ ác mà nỗ lực phát huy điều thiện thì chắc chắn sẽ tạo ra một đường hướng phát triển sai lệch và mô hình kim hầm sự phát triển. Sự tu tập về giới luật kiểm soát hai đường chính của hành động bên ngoài, thân và khẩu, cũng như một địa hạt hết sức quan trọng, nghề nghiệp sinh sống. Như vậy, việc tu tập gồm ba nhân tố: chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Từ đây, chúng ta sẽ xem xét từng nhân tố một, đi theo thứ tự thường được sắp xếp khi trình bày về con đường tu tập.

Chánh Ngữ (sammā vācā)

Đức Phật chia chánh ngữ thành bốn thành phần: không nói dối, không nói chia rẽ vu khống, không nói lời hung ác, không nói lời vô ích, thêm

thật. Vì hiệu quả của lời nói không thể hiện rõ ràng ngay tức khắc như hiệu quả của hành động, cho nên sự quan trọng và tiềm năng của nó ít khi được nhận thấy. Nhưng suy nghĩ kỹ, chúng ta sẽ thấy lời nói và bà con của nó, chữ viết, có thể có hậu quả cực kỳ sâu rộng tốt cũng như xấu. Thật ra, trong khi đối với những sinh vật như động vật không có ngôn ngữ thì động tác của thân thể là sự kết nối chính yếu của chúng nhưng đối với loài người luôn luôn sống với truyền thông bằng miệng thì lời nói chiếm địa vị quan trọng hơn. Ngôn ngữ có thể phá hoại cuộc đời, tạo kẻ thù và gây ra chiến tranh nhưng nó cũng có thể đem đến sự hiểu biết, hàn gắn sự chia rẽ và xây dựng hòa bình. Xưa nay điều này vẫn xảy ra như thế. Tuy vậy, trong thời đại tân tiến ngày nay tiềm năng tích cực cũng như tiêu cực của ngôn ngữ đã sinh sôi nảy nở vô bờ bến bằng sự tăng trưởng khủng khiếp trong phương tiện, tốc độ và tầm hoạt động của truyền thông. Khả năng diễn tả bằng ngôn ngữ, nói hay viết, đã từng được xem như là đặc điểm khác biệt của loài người. Trên phương diện này, chúng ta có thể thấy được nhu cầu làm cho khả năng này thành phương tiện để con người hoàn thiện hơn, thay vì có quá nhiều trường hợp từ ngôn ngữ, như đã thấy, là dấu hiệu sa đọa của loài người.

(1) Không nói dối (musāvāda veramani)

Ở đây, vị ấy tránh xa sự nói dối và tự mình không nói dối. Vị ấy nói sự thật, trung thành với sự thật, xác thực, đáng tin tưởng, không lừa dối người khác. Khi hội họp hay giữa những người khác, bà con họ hàng, xã hội, triều đình và được gọi đến yêu cầu làm chứng để vị ấy trả lời những gì vị ấy biết. Nếu không biết, vị ấy trả lời: "Tôi không biết gì cả" và nếu biết, vị ấy trả lời: "Tôi biết"; nếu không thấy gì cả, vị ấy trả lời: "Tôi không thấy gì cả" và nếu thấy, vị ấy trả lời: "Tôi có thấy." Như thế, vị ấy không bao giờ cố ý nói dối, hoặc vì mục đích có lợi cho mình, cho người khác hay vì bất kỳ lợi nhuận nào. (1)

Lời tuyên bố này của Đức Phật cho thấy cả hai mặt tích cực và tiêu cực của học giới không nói dối. Mặt tiêu cực là không nói dối; mặt tích cực là nói sự thật. Nhân tố quyết định đứng sau sự phạm giới là ý định lừa gạt. Nếu ai nói điều không thật nhưng tin rằng đó là sự thật thì sẽ không vi phạm học giới này vì người ấy không có ý định lừa gạt. Mặc dù ý định lừa gạt luôn luôn có trong tất cả những trường hợp nói sai sự thật nhưng nói dối có thể xảy ra dưới nhiều hình thức đối trá khác nhau tùy thuộc vào động cơ gốc, tham, sân hay si. Khi tham lam là động cơ chính, kết quả sẽ là lời nói dối nhằm mục đích kiếm lợi cho chính mình hay cho những người gần gũi với mình về vật chất, giàu sang, địa vị, tôn trọng hay ngưỡng mộ. Khi sân hận là động cơ chính, lời nói sai sự thật mang hình thức một lời nói dối hiểm độc với mục đích làm đau đớn hay tổn hại kẻ khác. Khi si mê tà kiến là động cơ chính, hậu quả là một loại nói dối ít độc hại hơn: nói dối một cách vô lý, nói dối bốc đồng, phóng đại để được để ý, nói dối với mục đích lừa dối.

Đức Phật có thái độ nghiêm khắc chống lại nói dối dựa trên nhiều lý do. Thứ nhất, nói dối phá vỡ sự đoàn kết trong xã hội. Con người chỉ có thể sống chung trong một xã hội có bầu không khí tin

cậy lẫn nhau, nơi họ có lý do tin tưởng rằng người khác sẽ nói thật; bằng cách tiêu diệt những lý do để tin nhau và gây sự nghi kỵ sâu rộng trong đại chúng, thường xuyên dối trá trở thành dấu hiệu của sự thoái hóa từ một xã hội đoàn kết đến tình trạng hỗn loạn. Nhưng dối trá còn có những hậu quả khác in sâu vào bản chất cá nhân gây ra những bất hạnh tương xứng. Sự dối trá theo tự nhiên có khuynh hướng tăng lên nhanh. Nói dối một lần và thấy người khác nghi ngờ, chúng ta bắt buộc nói dối thêm lần nữa để bênh vực uy tín của mình, bằng cách vẽ ra một bức tranh với những sự việc giả dối đồng nhất với nhau. Như vậy tiến trình này tiếp tục lặp lại: những lời dối trá tăng thêm lên, sinh sôi nảy nở và tiếp nối nhau cho đến khi chúng nhốt chúng ta vào nhà tù dối trá ấy rất khó thoát ra. Như thế, lời nói dối là một cái mấu thu nhỏ của cả một quá trình ảo tưởng chủ quan. Trong mọi trường hợp, những người bịa đặt những điều nói dối đầy tự tin, tất cả đều bị hút vào những lửa đao của chính mình và cuối cùng trở thành nạn nhân của chính họ.



Những suy nghĩ như thế chắc có lẽ nằm sau những lời khuyên của Đức Phật nói với con trai của Ngài, Ràhula, một sa di trẻ, ngay sau khi thiếu niên này xuất gia. Một hôm, Đức Phật đến gặp Ràhula, chỉ vào một cái chậu có ít nước bên trong và hỏi: "Này Ràhula, con có thấy chút nước còn trong chậu không?" Ràhula trả lời: "Thưa Ngài có." "Này Ràhula, cũng rất ít là sự thành đạt về tâm linh của một người xuất gia (samañña—sa môn, nghĩa đen là 'người xuất gia, ẩn sĩ'. TG) mà không biết sợ lỗi và cố ý nói dối." Nói xong, Đức Phật đổ hết nước trong chậu ra, đặt chậu xuống và hỏi: "Này Ràhula, con có thấy nước bị đổ đi như thế nào không? Cũng như vậy, người cố ý nói dối thì xem như bỏ đi sự thành đạt về tâm linh mà họ đã đạt được." Ngài hỏi lại một lần nữa: "Con có thấy chậu bây giờ đang trống không? Cũng như vậy, một người không biết hổ thẹn khi nói dối thì cũng trống rỗng đối với sự thành đạt tâm linh." Nói xong, Đức Phật lật úp chậu xuống và hỏi: "Này Ràhula, con có thấy chậu bị lật úp như thế nào không? Cũng như vậy, người cố ý nói dối làm lật úp những thành đạt về tâm linh của họ và trở nên bất lực không thể tiến bộ được." Chính vì vậy, Đức Phật kết luận, chúng ta không nên cố ý nói dối ngay cả khi nói để mua vui. (2)

Theo truyền thuyết, trong quá trình tu tập lâu dài qua bao nhiêu kiếp để trở thành vị toàn giác, một vị bồ tát có thể vi phạm tất cả các học giới đạo đức khác ngoại trừ lời nguyện nói sự thật. Lý do của nó rất sâu sắc và thể hiện rằng trung thành với sự thật có ý nghĩa vượt lên trên lãnh vực của đạo đức và chính là sự thanh tịnh về tinh thần, đưa chúng ta đến trí tuệ và sự sống. Lời nói đúng sự thật sẽ đem lại sự truyền thông giữa người

người với nhau trong sinh hoạt; nó cũng đưa đến trí tuệ trong phạm vi hiểu biết cá nhân. Cả hai là những thể thức khác nhau, bên ngoài và bên trong, nhưng có cùng một quyết tâm trung thành với sự thật. Trí tuệ hình thành trong sự nhận thức đúng về sự thật và sự thật (sacca) không chỉ là sự xác nhận bằng lời nói mà là bản chất của sự vật đúng như chúng đang là. Để nhận thức được sự thật, toàn bộ đời sống của chúng ta phải được giáo dục phù hợp với sự thật, với sự vật đúng như chúng đang là. Nó đòi hỏi trong khi truyền thông với người khác, chúng ta phải tôn trọng sự việc đúng như chúng đang là, bằng cách nói thật. Lời nói đúng sự thật thiết lập một sự tương giao giữa con người bên trong

của chúng ta và bản chất thật sự của pháp, làm cho trí tuệ phát triển và hiểu biết chính xác về bản chất của pháp. Như vậy, hơn cả nguyên tắc đạo đức, trung thành với lời nói thật là sự kiện quan trọng để giữ quan điểm của chúng ta trên thực tế thay vì ảo tưởng, dựa trên sự am hiểu sự thật bằng trí tuệ thay vì dựa trên những ảo tưởng do dục vọng thù dết.

(2) Không nói vu khống (pisunàya vàcàya veramni)

Vị ấy tránh xa lời nói vu khống và không nói lời vu khống. Điều gì vị ấy nghe ở đây, vị ấy không lặp lại chỗ khác để gây bất hòa ở đó; và điều gì vị ấy nghe ở đó, vị ấy không lặp lại ở đây để gây bất hòa. Như vậy, vị ấy tạo đoàn kết cho những người chia rẽ và khuyến khích mọi người đoàn kết. Vị ấy vui vẻ với sự hòa thuận, sung sướng và hoan hỷ trong hòa thuận và khuyến khích mọi người đoàn kết. Hòa thuận làm vị ấy vui; vị ấy sung sướng và vui sướng trong hòa thuận và vị ấy đem hòa thuận đến khắp nơi bằng lời nói của mình. (3)

Lời vu khống là lời nói cố ý tạo thù nghịch và chia rẽ, làm cho người này hay nhóm này xa lánh người kia hay nhóm kia. Nguyên nhân đứng sau những lời nói như vậy thường là sân hận, oán thù với thành công hay đức độ của đối thủ, chủ ý hạ bệ người khác bằng cách dùng những lời dèm pha. Tình huống này còn có những động cơ khác nữa: ý định tàn ác muốn hại người khác, tham vọng xấu xa muốn giành tình cảm cho riêng mình, niềm vui bất chính khi thấy bạn bè bị chia rẽ.

Vu khống là một trong những vi phạm đạo đức trầm trọng nhất. Gốc rễ của sân hận làm cho nghiệp bất thiện đã đủ nặng rồi, nhưng vì hành động thường xảy ra sau khi đã cân nhắc kỹ nên cường độ xấu xa càng trở nên mạnh hơn bởi vì có sự mưu tính trước làm cho hành động vu khống thêm trầm trọng. Khi lời vu khống là dối trá thì cả hai sự sai lầm là dối trá và vu khống phối hợp nhau tạo thành ác nghiệp cực mạnh. Kinh điển có

ghi chép lại nhiều trường hợp người nào vu khống cho những người vô tội thì bị tái sinh ngay vào cảnh giới đau khổ.

Ngược lại lời vu khống, như Đức Phật đã chỉ dạy, là ngôn ngữ khuyến khích tình bạn và hòa hợp. Ngôn ngữ này bắt nguồn ở tâm tử và đồng cảm. Họ chiếm được lòng tin và sự yêu mến của người khác và làm cho họ yên tâm có thể tâm sự với người khác mà không sợ những tiết lộ ấy bị dùng để chống lại họ. Ngoài những cái lợi ích hiển nhiên mà ngôn ngữ như vậy đem lại cho cuộc đời này, kinh điển dạy rằng không nói lời vu khống sẽ hưởng được kết quả của thiện nghiệp ấy, là có nhiều bạn bè thân cận và họ không bao giờ chống lại mình bằng những lời vu khống của những kẻ khác. (4)

(3) Không nói lời thô lỗ (pharusàya vàcàya veramani)

Vị ấy tránh xa ngôn ngữ thô lỗ và không dùng nó. Vị ấy nói lời dịu dàng, nghe êm tai, dễ mến, những lời thăm vào trong tim, lịch sự, thân thiện, làm vui lòng nhiều người. (5)

Ngôn ngữ thô lỗ là ngôn ngữ nói ra khi giận dữ, cố ý làm đau lòng người nghe. Ngôn ngữ như vậy mang nhiều hình thức và chúng ta có thể liệt kê ba hình thức. Một là ngôn ngữ chửi mắng: là rầy, nhục mạ hay quở trách một người khác một cách giận dữ với lời lẽ gay gắt. Hai là sỉ nhục: làm đau lòng người khác bằng cách gán cho những tính xấu làm mất phẩm giá của họ. Ba là châm biếm: nói với người khác bằng cách ra vẻ khen ngợi nhưng với giọng nói hay cách nói xuyên tạc với ý định mỉa mai để làm đau lòng người nghe.

Căn nguyên chính của lời nói thô lỗ là thù ghét, mang tính chất giận dữ. Bởi vì, trong trường hợp này, phiền não liên kết cùng lúc với hành động theo bản năng, không tính toán trước nên sự vi phạm ít nghiêm trọng hơn là vu khống và hậu quả của nghiệp ác này thường nhẹ hơn. Tuy thế, lời nói thô lỗ vẫn là một hành động bất thiện gây hậu quả bất mãn cho chính mình và cho người khác, cho hiện tại và tương lai. Vì vậy, nó phải bị ngăn lại. Thuốc giải độc lý tưởng cho lời nói thô lỗ là kiên nhẫn, học cách nhẫn nại trước sự khiển trách và phê phán từ người khác, thông cảm với khuyết điểm của họ, tôn trọng dị biệt về quan điểm, chịu đựng sự lăng mạ mà không cảm thấy cần phải trả thù. Đức Phật kêu gọi kiên nhẫn ngay cả trong những tình thế khó khăn nhất:

"Này các tỳ kheo, ngay cả khi kẻ cướp, kẻ giết người của chân hay tay các vị. Người nào không ngăn được giận dữ thì đó là chưa thực hành theo lời dạy của ta. Vì vậy, các vị phải tự rèn luyện: 'Chúng ta sẽ giữ tâm bình tĩnh, với trái tim đầy tình thương và hoàn toàn không có chút ác ý. Chúng ta sẽ truyền tải thật nhiều (tâm tử) đến người đó bằng những ý nghĩ đầy tình thương, sâu, rộng, vô bờ bến, không giận dữ và thù ghét.'"(6)

(4) Tránh không nói chuyện phù phiếm (samphappalàpa veramani)

Vị ấy tránh xa lời nói phù phiếm và không nói lời ấy. Vị ấy nói đúng lúc, nói theo sự thật, nói những gì có ích, nói về Pháp và luật. Lời nói của vị ấy như một kho báu, nói lên đúng lúc, nói theo lý lẽ đúng, ôn hòa và đầy ý nghĩa. (7)

Nói phù phiếm là nói không chủ đích, nói

không mục tiêu hay thiếu chiều sâu. Lời nói như vậy tuy rằng chỉ truyền đạt những điều vô giá trị nhưng lại khuấy động những phiền não nhiễm ô trong tâm mình và tâm người khác. Đức Phật khuyên chúng ta nên tránh xa lời nói phù phiếm và hạn chế tối đa sự phát ngôn và chỉ nói những vấn đề thật sự quan trọng. Trong trường hợp của tu sĩ Phật giáo, chủ đề tiêu biểu trong đoạn vừa trích dẫn trên, lời nói của các vị ấy nên được chọn lọc và chủ yếu liên quan đến Giáo Pháp. Người Phật tử tại gia cần phải nói chuyện thân mật với bạn bè và gia đình, nên nói nhã nhặn với người quen biết và nói chuyện về sinh kế của mình. Nhưng ngay cả trong những trường hợp đó, họ cần lưu ý đừng để cho câu chuyện đi lạc vào các địa hạt làm tâm ý bồn chồn luồn luôn hăm hở thêm vào những chuyện hấp dẫn, kích thích, có thể gặp trường hợp đam mê vào những khuyh hướng sa đọa.

Theo truyền thống, cách giải thích không nói lời phù phiếm chỉ cho cá nhân về sự cam kết tránh xa nói lời bịa đặt. Nhưng thời nay, có thể càng hữu ích nếu đưa thêm một quan điểm nữa vào nhân tố trên, tạo sự cần thiết cho một số các biến chuyển đặc thù trong thời đại của chúng ta mà không được biết đến trong thời của Đức Phật và của các nhà chú giải thời xưa. Đó là tránh xa những chương trình nói chuyện vô ích dồn dập tấn công chúng ta qua những phương tiện truyền thông kiểu mới của kỹ thuật hiện đại. Hàng loạt máy móc ngoài sự tưởng tượng như là vô tuyến truyền hình, máy phóng thanh, báo chí, tạp chí lá cải, điện ảnh không ngừng đưa ra những dòng thông tin vô bổ và rối trí làm điên đầu mà hậu quả cuối cùng làm cho tâm ta trở nên thụ động, trống rỗng và khô cạn. Tất cả những phát triển này, được chúng ta ngây thơ chấp nhận cho là "tiến bộ," có nguy cơ làm suy giảm sự nhạy cảm về thẩm mỹ và tinh thần của chúng ta, và làm cho tai của chúng ta không nghe được tiếng gọi cao thượng của đời sống định tĩnh. Những người thật sự có nguyện vọng đi trên con đường hướng về giải thoát phải vô cùng sáng suốt để chấp nhận phải từ bỏ những gì. Họ sẽ giúp cho những nguyện vọng của chính họ rất nhiều khi xếp tất cả những nguồn giải trí và thông tin vô ích này vào loại lời nói phù phiếm và phải cố gắng tránh xa chúng.

(còn tiếp)

Chú thích Chương IV:

1. Tăng chi bộ 10:176; Word of the Buddha, trang 50.
2. Trung bộ kinh 61.
3. Tăng chi bộ 10:176; Word of the Buddha, trang 50.
4. Subcommentary to Dīgha Nikāya.(Chú giải Trường bộ)
5. Tăng chi bộ 10:176; Word of the Buddha, trang 51-52.
6. Trung bộ kinh 21; Word of the Buddha, trang 51.
7. Tăng chi bộ 10:176; Word of the Buddha, trang 51.

HAI CHIM BỒ CÂU

Chim bồ câu trống trên cây
Cùng bồ câu mái sống đây êm êm
Khi mùa thu đến trong miền
Trái cây chín đỏ thắm trên núi đồi
Đôi chim sát cánh tung trời
Bay đi lượm trái khắp nơi đem về
Chứa đầy một tổ thoả thê.
Vài ngày trời tựa như hè, nóng hanh
Trái cây khô lại, teo nhanh
Trái đầy ắp tổ nay thành ít đi
Xếp chừng một nửa còn chi
Khiến bồ câu trống tức thì không vui
Trách bồ câu mái ngay thôi:
“Chúng ta lượm trái khắp nơi nhọc nhằn
Cùng nhau lao động khó khăn
Mà nay nằng lại lên ăn một mình
Nhìn trong tổ thấy quả tình
Trái còn phân nửa rành rành, hãy xem.”
Bồ câu mái phân trần liền:
“Em không hề lên ăn riêng bao giờ
Trái cây tự nó teo mà.”
Nhưng chàng chim lại ngủ ngờ không tin
Đùng đùng nổi giận quát lên:
“Nếu nằng không lên ăn trên tổ này
Sao voi đi một nửa đây,
Mất đi phân nửa trái cây rõ ràng.”
Nói xong chim trống phũ phàng
Dùng luôn mỏ nhọn mỏ sang toi bời
Khiến cho chim mái tàn đời
Chết ngay tức khắc thấy thời đờn đau.
Nhưng rồi chỉ ít ngày sau
Con mưa tâm tã giăng mau đây trời
Toả hơi nước lạnh khắp nơi
Trái cây thắm ướt tức thời nở thêm
Nhiều như cũ, đầy y nguyên
Chàng bồ câu lúc đó liền nhận ra
Mình tồi tệ, mình xấu xa
Giết oạn chim mái thật là tang thương
Ăn năn, hối hận, đau buồn
Lòng vang tiếng thảm, mắt tuôn giọt sầu
Gọi thắm nằng mái canh thâu:
“Em ơi! Em ở nơi đâu bây giờ!”
*

Người điên đảo, kẻ dại khờ
Lợi danh, đục lặc kể như tham hoài
Không phân đen trắng, đúng sai,
Vô thường cuộc sống muôn đời chẳng tin
Bòn chôn, nông nổi triền miên
Nghĩ suy như vậy tạo nên lỗi lầm
Chuồn bao thất bại bản thân
Rồi vì tội lỗi sa chân vào vòng
Ăn năn đâu kịp mà mong.

A DOVE

Once upon a time, there were two doves, male and female, which lived together in a nest. They filled their nest with fruit seed that grew up during the fall. Later, the fruit dried and shrank to fill but half of the nest. The male was in a temper and said to the female, "We have been working hard together for the fruit. Now you have eaten it alone. It's half of what it was.

The female replied, "I haven't eaten it alone. For the fruit has shrunk by itself."

Incredulous, the male angrily said, "If it has not been you alone who had eaten, how could it grow so much less now?"

Then he pecked the female to death.

A few days later, it happened to rain heavily. The fruit got moist and grew to its former size. On seeing it, the male regretfully realized that she really had not eaten and that he had wrongly killed her. He then cried bitterly and called out to her: "Where have you gone?"

This is also held to be true with the common people.

Leading a disorderly life, people indulge in wild pleasures. They think nothing of impermanence when breaking major commandments. It will be too late for them to repent afterwards. It only remains for them to give vent to their sadness with sighs like the stupid dove.

(Trích dẫn “SAKYAMUNI’S ONE HUNDRED FABLES” do Tetcheng Liao, Tiến Sĩ Luật Khoa Viện Đại Học Paris dịch).



thơ

TÂM MINH —
NGÔ TẶNG GIAO



TÂM TỊNH

(*Câu Chuyện Cuối Tuần*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em (ACE) Lam viên thương mến,
Đức Phật nói: Khi tâm ta thanh tịnh, ta thấy
thế giới thanh tịnh."

Làm sao để tâm được thanh tịnh? – Có nhiều
cách nhưng cách tốt nhất là được nghe và hiểu
Chánh Pháp.

Sau đây là câu chuyện nàng Kana ở xứ Ấn độ
nhờ được nghe Pháp mà tâm trở nên thanh
tịnh. Chuyện do đức Thế Tôn lúc ấy đang ở chùa
Kỳ Viên nước Xá Vệ kể lại.

Nàng Kana là con gái của một nữ cư sĩ Phật tử
rất mộ đạo. Kana có chồng ở làng bên cạnh,
thường về nhà thăm mẹ và cùng mẹ làm bánh
mứt, thực phẩm dâng cúng chư Tăng. Hôm đó,
đáng lẽ nàng trở lại nhà chồng nhưng mẹ nói ở lại
vài hôm vì có lễ, chư Tăng về đông nên Kana ở lại
nhà mẹ. Hôm sau nhà chồng nhắn nàng phải về
gặp nếu không chồng nàng sẽ lấy vợ khác. Mẹ
Kana nói: ở lại vài hôm không sao đâu, sẵn tiện
mẹ làm thêm bánh mứt đem về cho chồng con. Ai
ngờ chồng Kana giận và cưới vợ khác thật. Kana
buồn rầu và cho rằng vì chư Tăng mà nàng bị
chồng bỏ. Tiếng đồn vang xa đến tai chư Tăng, từ
đó không ai tới khát thực nữa.

Đức Phật nghe chuyện, Ngài cùng với vài vị tỷ

keo đến trước nhà mẹ Kana để khát thực. Bà cụ
cung kính mời phái đoàn vào nhà thọ trai. Sau khi
thọ trai xong, Đức Phật cho mời Kana đến, ngài
hỏi rằng: "Này Kana, chẳng hay khi đến đây khát
thực, các thầy tỷ keo có ai lấy những gì không
được cúng dường hay không?" Kana thưa: "Bạch
Thế tôn, không có ai nhận những gì không được
cúng dường đâu ạ! Trước đây, vì đau buồn do bị
chồng con bỏ con nên con đã có những lời vô lễ
với chư Tăng, nay con xin thành tâm sám hối, xin
đức Thế Tôn tha lỗi cho con." Đức Phật vui vẻ
nhận lời sám hối của Kana và giảng một bài Pháp
về hạnh bố thí. Kana nghe xong liền chứng được
quả vị Tu Đà Hoàn.

Liên đó, đức Phật nói lên bài kệ:

*"Như hồ nước sâu, yên lặng trong sạch
Những người có trí sau khi nghe Pháp
Tâm họ cũng thanh tịnh và yên lặng."
(Kinh Pháp Cú, phẩm Hiền Trí, câu 82)*

Kính chúc ACE Áo Lam một mùa lễ Giáng Sinh
và Năm mới thanh tịnh và an lạc.

Trân trọng,
NAL



[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)

NHỮNG BÀI LỤC BÁT TUỔI HAI MƯƠI

Đây là những bài thơ của tuổi trẻ, người viết tìm lại được trong sổ tay. Cả một khoảng trời u mê mà rực rỡ. Riêng chọn sáu bài lục bát, những vần điệu ru nôi vào đời, với một vài chỉnh sửa câu từ nhỏ, nhưng nguyên vẹn ý tứ của ngày xưa. Nay gửi lên trang thơ cũng là để giữ lại cho mình một chút tình hiu hắt... (Hoàng Long)

LỜI RU KHUẤT LẬP

Tôi trở lại tìm dòng sông
Ngàn năm lau trắng lạnh không bóng người
Tóc dài ru tuổi hai mươi
Em ru tôi suốt một thời nhớ quên
Thời gian khuất lấp lời nguyện
Thương em thương cả đôi bên lở bồi
Nhìn nhau để nhớ mà thôi
Thuyền tôi không bến lặng trôi xuôi dòng
Tôi về tìm trắng dòng sông
Để rồi đi biệt, đi không neo về.
(23/11/1999)

BÊN ĐỜI RU TA

Một đời quạnh quẽ da xương
Một mai từ tạ quê hương loài người
Thiên thu lời sẽ đáp lời
Xin ta nằm xuống bên đời ru ta
Suốt mùa mây gió đi qua
Chìm trong mộng寐 có ta đi về
Ru tình lạnh trắng bên kia
Trăng lên lặng lẽ trong khuya âm thầm
Lênh đênh xương trắng từ phần
Yêu thương trút hết một lần qua đây
Đường trần mỗi một hai vai
Đuối thân nghe ngóng làm mây ngang tàng.
(21/6/2001)

THU BÍCH LỆ

Anh về xứ lạnh có hay
Lang thang mặt đất đám mây dã quỳ
Cỏ hoa xưa tiễn người đi
Rưng rưng gặp lại thấy gì nữa đâu
Thị thành huyễn hoặc sắc màu
Qua đi mưa nắng đã nhàu môi xưa
Về đây tìm chút hương thừa
Người em năm cũ bây giờ ở đâu?
Về đây soi dấu tìm nhau
Bắt con bướm bướm qua cầu thả chơi
Ru ta còn mãi ngâm ngùi
Chênh vênh bóng nắng chân trời hoàng hôn
Ngàn năm rét mướt còn buồn
Gót chân chưa mỏi mộng hồn chưa tan
Chiều phố núi
hiu hắt tàn....
(Đà Lạt, 14/11/2000)

MỘNG DU CA

Bờ kia điệp nở hoa vàng
Bỏ mây dấu điểm thiên đàng phía sau
Hồng nhan tức tưởi sang giàu
Búa rơi sương trắng trên đầu tóc xanh
Cô phong tuyết đỉnh giao tranh
Nhìn sương gió động lướt nhanh trong mình
Cổ nguồn trường mộng điêu linh
Đời làm lỡ dở cho mình phiêu pha
Giã từ sa mạc bước ra
Nhìn mây vẫn trắng nhìn ta vẫn người
Cỏ hoa về đến trường đời
Đừng mong trở lại chân trời miền du.
(17/3/2001)

CUÔNG NGÔN

Da xương bờ cõi ngục tù
Chuông biêng biếc cháy xuyên mù mịt sương
Hư không vương bóng con đường
Từ bao năm trước đoạn trường xin kham
Hàng cây đưa tiễn khóc than
Trùng dương cuộn sóng dư vang cuối cùng
Trang hồng mở giữa thương khung
Tài hoa ngậm hận riêng chung nỗi gì
Tắc lòng gửi gió mang đi
Sinh phân lưu lãng xương di máu đào
Bóng hồn tận tuyệt tiêu dao
Lối mòn mây trắng đi vào thiên thu.

THÂN PHẬN

Trong tôi nóng bỏng mặt trời
Cửa nhân gian, cửa một đời lưu vong
Mùa đời gió xé qua sông
Một mai cát bụi về mộng lung nào
Sương càng lạnh, núi càng cao
Cổ nhân gặp lại không chào mà đi
Không còn ai, không còn gì
Hồn hoang du mục dã quỳ từ lâu
Một bờ vực, một khe sâu
Bài ca tuyệt vọng chìm đầu cuối trời
(7/2001)

thơ

HOÀNG LONG

Rừng Thiên lưu dấu

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Gió chiều hiu hiu thổi, không gian im lặng, thả hồn theo những đợt sóng nhấp nhô trên biển. Từng ngọn sóng trắng xoá ào ạt vào bờ rồi vội vã chạy ra khơi, không ngừng nghỉ, vào rồi ra, ra lại vào. Biển thì bao la, nước cũng vô cùng, trong xanh vắt thật đúng là đại dương vô tận. Những vật nhỏ theo ngọn sóng dập vào bờ. Nhìn hình ảnh đó bất giác nhớ đến câu "*Biển cả không dung thân chết, chánh pháp không nạp người bất tịnh.*" Có những lúc cho thân tâm thư giãn nghỉ ngơi sau những tháng ngày rong ruổi, một mình ra biển ngồi nhìn biển khơi bao la, tâm bình thản, ngắm mình dưới nước cũng thật là thú vị. Chung quanh yên tĩnh, nhưng rồi dòng ký ức lại lôi tâm nhớ về miền đất xa xôi của quê hương thân yêu, nơi đã nuôi dưỡng đào tạo bao thế hệ Tăng Ni góp phần làm rạng danh cho dòng sử Việt trong hiện tại và tương lai. Mái ấm Đại tông Lâm – Ni Viện Thiện Hoà không thể nào phai nhòa trong lòng những người con mang ân nặng đã từng sống trên mảnh đất Thánh dù đã cách xa ba mươi năm dài đằng đẵng.

Cách đây ba mươi năm (1998) nghe tin trường Đại Tông Lâm mở lớp chiêu sinh, cùng với chị N.T., hai chị em khăn gói lên đường đi đến vùng đất mới. Từ Hàng Xanh đón xe ra Bà Rịa thời đó đi rất là vất vả, chen nhau mà ngồi, không có xe nhiều như bây giờ, đường sá toàn là ổ voi, cũng phải mất 4 giờ đồng hồ mới ra tới. Đến cổng Đại Tông Lâm vừa bước xuống xe, hai chị em nhìn nhau cười ngất, vì lỗ mũi ai cũng đen thui như hai ống khói..., mặt đầy lọ nghe, thời đó xe chạy bằng than, trên xe nóng như lửa đốt. Vào cổng Đại Tông Lâm ngôi chánh điện nép mình bên hàng cổ thụ cao vút, trong chánh điện vang tiếng công phu chiều, thỉnh thoảng điểm nhẹ tiếng chuông, khiến người nghe niềm bình an đang len nhẹ vào tâm hồn. Trời chiều khung cảnh

Tông Lâm vắng vẻ, tiếng chim kêu gọi đàn bay về tổ ấm, muốn đi vào trong kia phải đi qua cầu Ly Trần. Đúng thật là Ly Trần! Vào đây mọi suy nghĩ viển vông đều tiêu tan, khung cảnh hoang vu, không một bóng người, dưới hồ những bông sen màu hồng phấn, màu trắng mây đám lục bình xanh rì có điểm hoa màu tím cổ vươn lên khoe sắc cùng các bạn súng như để nuôi tiếc một ngày đã qua nhanh; xung quanh toàn là cây tràm, bạt ngàn tận trời xa. Tượng Đức Bốn Sư màu trắng uy nghiêm thiên tọa dưới cây bồ đề, nhìn xa hơn có những ngôi tịnh thất nép mình trong chiều tà, Viện chuyên Tu, Thiền viện Huệ Chiếu, chùa Viên Thông, cũng may cô N.T. biết đường dẫn đi không thì chẳng biết đâu mà bước. Từ ngoài đường vô Ni trường, hai chị em liú lo nói chuyện, nghĩ có một ngôi trường khang trang như ni trường Từ Nghiêm, Dược Sư... để chiêu hiền đãi sĩ, nhưng khi vô đến nơi bốn bề vắng lặng, trước sân chỗ lồi chỗ lõm, nước ngập đất bùn sinh, có đại mộc dày, đi cẩn thận từng bước, mấy ngôi nhà tranh vách đất nhìn mà muốn khóc, một thoáng bỏ ngỡ... Nhưng chiều rồi đi về thành phố cũng không còn xe, thôi thì... đành nhắm mắt đi theo chị N.T. Qua tịnh thất một vị Sư cô xin nghỉ lại, cũng may là vì này cùng quê với chị N.T. nên được ăn cơm và ngủ một giấc ngon lành cho đến khi ông mặt trời xuất hiện.

Những ngày đầu mọi thứ đều xa lạ, nhưng Ni sư quản viện và ban điều hành đã khéo léo làm cho tâm của đại chúng thật bình an, những ngày mới bắt đầu, cuộc sống mới đã khai sinh. Hơn tháng sau bắt đầu ổn định được đi học, buổi sáng xếp hàng ngay thẳng đi ra Đại Tông Lâm học, đi trong im lặng hình ảnh đó chẳng khác gì Chư Ni tiền bối thời Đức Phật còn tại thế dưới sự lãnh đạo thanh tịnh

của Ngài Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di Mẫu. Một năm, sáng đi trưa về không kể nắng mưa. Chư Tăng thì sướng hơn học và ở một chỗ, lớp học thời đó chưa chính thức, được gọi là lớp bổ túc giáo lý của tỉnh Đồng Nai, nhưng vô học được lớp đó không phải là dễ, phải trải qua một kỳ thi, ai trúng tuyển mới được vinh dự vào học.

Có những ngày mưa lụt nước lên trên đường vẫn khăn gói tới lớp, hai bên là ruộng bước chân xuống nước đĩa đeo vô chân, tiếng hét, tiếng chạy thật là kinh khủng, nếu không đủ duyên bền tâm thì khó mà ở lại được. Liều Tinh Tấn chỗ ni chúng ở cũng là nơi sử dụng làm chánh điện, tọa thiền, họp hành, ăn cơm cũng ở trên đó, từng dãy dài được làm từ những cây tre đan vào nhau, y như đoàn tàu bắc nam thời bao cấp. Năm ngủ nhiều người trở mình chẳng khác chi đoàn tàu bắt đầu chuyển bánh rời ga. Nhà tắm lộ thiên nên khi tắm phải nhờ bạn bè đứng canh cửa. Có đêm đang ngon giấc mọi người giật mình vì tiếng la thất thanh của một ni sinh, ban đầu không ai biết là chuyện gì xảy ra, thắp đèn dầu lên mới hay một bạn mới bị bò cạp cắn làm quen và hỏi thăm sức khỏe.

Bao nhiêu gian khổ từ ngày đầu khai mở, Ni chúng sống đùm bọc thương yêu tu học dưới sự hướng dẫn của ban giám đốc Đại Tông Lâm. Thầy hiệu trưởng, chư vị giáo thọ sư, Ni sư quản viện, ban lãnh chúng, rồi những dãy nhà ngôi khang trang được mọc lên nhờ sự ủng hộ của chư vị mạnh thường quân gần xa, tiếng vang của trường bắt đầu được nhiều người biết đến. Ấn tượng nhất là hai ngày đêm do bề tổng chánh điện Ni Viện: chư Tăng Ni các tự viện quanh khu vực Tông Lâm và Vạn Hạnh làm không ngưng nghỉ, thợ và chư Tăng trộn xi măng đưa lên tầng cao, chư Ni thì gánh nước trộn hồ, không khí náo nhiệt cả một góc trời Tông Lâm. Các dãy nhà ngôi chư Ni đều cùng nhau lợp

ngồi không thua gì các chú thợ chuyên nghiệp. Có những đêm đang ngon giấc bị đánh thức bởi tiếng gọi của ban lãnh chúng là ngồi gạch đá về các em nhanh chân ra phụ. Một hàng dài tay chuyên tay trong tích tắc những xe gạch tay ngồi đã bốc xuống hết, ni sinh lại về phòng an giấc tiếp; khi có tiếng hô canh thức chúng lại tinh tấn lên chánh điện tọa thiền công phu.

Thỉnh thoảng những đêm có trăng Ni sư quán viên và ni chúng ra ngoài trời chắt củi đốt lửa nướng khoai mì khoai lang, bắp rang thầy trò quây quần bên nhau vang tiếng cười đầy tình đạo vị. Ni sư kể những nghịch cảnh và những thuận duyên trong lúc ra làm phật sự. Đại chúng sống âm áp trong tình thương của Ni sư như mẹ hiền đối với đàn con dại. Tuy nhiên Ni sư rất nghiêm nghị, kêu ai làm việc gì thì không có một lý do gì để từ chối. Tiếng gọi thương yêu nhất của đại chúng dành cho Ni Sư là Thầy Nhất. Có những đêm chia nhau trực Ni viện, khoảng hơn một giờ thấy Thầy Nhất đi đốt nhang trước tượng Quan Âm lộ thiên và chung quanh trường mấy chị em hỏi, "còn sớm sao Thầy không ngủ?" Vẫn chiếc áo tràng lam bạc màu Thầy nói "Thầy đốt nhang cầu mẹ hiền Quan Âm và Hộ Pháp gia hộ cho các con luôn tinh tấn tu học và bình an."

Những kỷ niệm đọng đầy trong những ngày êm đềm sống đời Ni sinh dưới mái trường Cơ Bản Phật Học Đại Tông Lâm của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, tuy cũng có những thoáng buồn giận vu vơ nhưng vội tan biến khi bình minh ló dạng bắt đầu một ngày mới. Tuyển Phật Trường năm 1993 là Đại giới đàn đầu tiên được chính thức mở còn in đậm trong tâm của chư vị giới tử đặc giới sau bao năm chờ đợi được thọ giới, và rồi cách ba năm nhiều đại giới đàn được mở tiếp. Vô số giới tử mang ân vị Tổ khai sáng Thánh Địa Đại Tông Lâm-Hoà Thượng thương Thiện hạ Hoà. Ngài đã có cái nhìn cao rộng, hy sinh tất cả tạo dựng mảnh đất thiêng để cho hôm nay chúng ta được an tâm thừa hưởng gia tài quý báu này. Quý thầy giáo thọ học trò tặng ni sinh đã cùng nhau chặt cây trầm, dựng nhà tranh trét vách đất, cùng ăn cơm sống trộn lẫn với cát khi cơn gió mùa hè đi

ngang, trồng mai làm cỏ đậu, gánh nước tưới khoai, đi lên tận núi Thị Vải trồng trà, không biết những cây trà năm xưa còn lưu dấu những dòng chữ được khắc trên đó hay không? Những nỗi cháo năm trăm ngày nào bây giờ ngồi đây vẫn còn hương vị thơm thơm như đang nếm được vị đắng đắng của năm, vị cay cay của gừng sả ớt, vị bùi bùi của gạo trắng và tình yêu thương của những người đang học làm Phật.

Lớp học năm năm đi qua nhanh chóng. Ngày ra trường cũng đã tới, chia tay trong tình lưu luyến. Mỗi người chọn cho mình một đường đi khi đôi cánh đã vững chãi hơn. Các bậc ân sư cũng vui hơn khi thấy những cánh chim đầu đàn bắt đầu bay vào vũ trụ bao la, chăm lo tu học trang nghiêm giới thân huệ mạng để dẫn thân phụng sự chúng sanh báo Phật ân đức, thầy tổ. Có vị lên thành phố vào các trường đại học, có vị trở lại bản trường học tiếp lớp cao đẳng chuyên khoa. Những phần thưởng, những tấm bằng là biết bao công sức của thầy hiệu trưởng, ban giáo thọ, Ni sư quán viên và rất nhiều tấm lòng hộ trì chánh pháp của chư thiện nam tín nữ trong nước đến hải ngoại. Thầy hiệu trưởng bỏ ăn mất ngủ mỗi khi đi họp về có chuyện liên quan đến trường lớp, bây giờ cũng đã nở nụ cười mãn nguyện. Quý thầy giáo thọ cũng đỡ khô hơi khan cổ vì giảng hoài mà học trò không hiểu bài. Ni sư quán viên cũng thấy nhẹ lòng bớt đi lo âu, tất cả đều đã được đền bù tuy chưa hoàn hảo nhưng tạm gọi là vui mừng khi thấy đàn con trưởng thành hơn.

"Hữu hình hữu hoại lễ thường

Hoà Đàm dẫn rụng mùi hương vẫn còn

Công lao ghi tạc nước non

Một đời vì đạo dấu son rạng ngời."

Rồi có vị ra đi khi nhân duyên trần thế đã mãn, một sự mất mát lớn trong mấy năm, ba vị trong ban giám đốc Đại Tông Lâm viên tịch, có vị giáo thọ sư đã về hầu Phật. Quý Ngài ra đi trong sự bàng hoàng của đám học trò, chúng con còn nhỏ dại đang cần sự che chở của quý Ngài. Những phật sự, hạnh nguyện, danh thơm, bóng hình, bước chân... của quý

Ngài còn in đậm dấu trong rừng thiền Đại Tông Lâm. Chư vị tăng Ni sinh cũng nối tiếp theo, có vị mất khi khoá học chưa mãn! Ai không đau lòng trước cảnh sinh ly tử biệt khi nghe tin những người bạn đã một thời chịu thương chịu khó cùng chung hưởng những ngọt bùi khi mới bước chân đến Thánh Địa này, bao kỷ niệm còn đây bao ân tình còn đó mà người thì đã xa rồi. Có nhiều vị giáo thọ, nhiều bạn bè từ ngày rời trường đến giờ chưa gặp mặt, hy vọng trong ngày kỷ niệm ba mươi năm thành lập trường, thầy trò chúng ta sẽ gặp nhau không thiếu một ai. Ba mươi năm đi qua rất nhiều thành tựu của bản trường, từ đào tạo nhân tài gánh vác việc giáo hội từ quốc nội đến hải ngoại, cơ sở vật chất quá khang trang bề thế đã thay đổi hoàn toàn, đó là công đức to lớn của chư vị Thầy Tổ đã cống hiến công sức xương máu của mình để tô điểm ngôi nhà Phật Giáo sánh vai cùng các nước Phật Giáo trên thế giới.

"Thoáng hiện trong sương một chữ Thầy

Với cùng chữ Bạn thuở nào đây

Trăng mờ sương xuống in cành lá

Thấp thoáng rơi rơi nặng ân Thầy."

Rừng thiền Đại Tông Lâm một dấu ấn in đậm trong tâm hồn đứa học trò khoá I, dù đi xa nơi nào nhưng mỗi lần nghe đến Đại Tông Lâm - Ni Viện Thiện Hoà, hoặc nghe vị nào xuất thân từ đó lòng không khỏi bồi hồi, dễ làm quen, dễ gần gũi, dễ thương yêu. Tiếng hát của bạn chung lớp ngày nào thoáng hiện trong tâm... "Nguyên thủy trường tôi mang tên Hoà Thương, vì đất chốn này công lao là Thầy, Thầy là người khai sơn đó, người sống trong lòng tặng ni tình thương với ân sâu dày..."

Xin chia tay, hẹn có dịp trở về rừng thiền đánh lễ chư vị ân sư, thăm lại trường xưa, gặp lại bạn bè, đi lại trên mảnh đất Tông Lâm-Thiện Hoà vô vàn kính quý.



THEO ÁNH ĐẠO VÀNG

Thơ Nguyễn An Bình

Nhạc Phan Bá Kiệt

$\text{♩} = 65$

Andante-Thư thái



Về đây dưới bóng Phật đài. Hương thơm gửi gió mây bay trên



ngàn. Niềm tin gửi ánh đạo vàng. Nghe kinh Pháp cú thanh tâm sáng



ngôi. Sen hồng nở dưới chân người. Soi đường đạo học một đời thiện



nhân. Cõi người lạc dấu mê hương. Bên ngôi Tam Bảo bồ đề vững



tâm. Vô thường qua cõi nhân sinh. Nước trong mới biết bóng hình như



gương. Nương dòng cam lộ cảnh dương. Nhang trầm thoảng



giác mộng dưỡng khí sương Bốn mươi năm một chặng



đường Hoa vô ưu nở gửi hương dâng đời. Thiên môn xanh đóa xuân

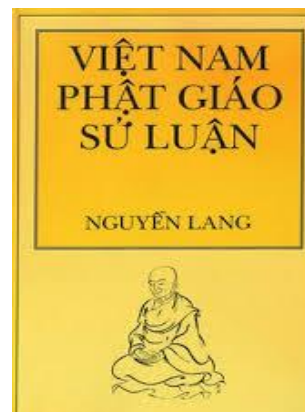


ngôi. Sáng trong kinh kệ ngọt lời từ tâm.

PHẬT TỬ ĐÒI THỰC THI THỐNG CÁO CHUNG

(Chương XXXIX,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

CUỘC TUYỆT THỰC TẠI CHÙA XÁ LỢI

Thông Bạch của đại lão thiền sư Tịnh Khiết được đưa ra ngày 15.7.1963 thì chiều ngày 16.7.1963 khoảng trên 150 vị tăng ni đã tổ chức biểu tình trước tư dinh đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam. Họ trưng biểu ngữ kêu gọi Hoa Kỳ và các nước bạn của Việt Nam Cộng hòa thuyết phục chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành những điều đã được ký kết trong bản Thông Cáo Chung.

Từ ngày 15.7.1963 chư tăng tại chùa Xá Lợi, kể cả các vị lãnh đạo phong trào trong Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, đã bắt đầu một cuộc tuyệt thực. Rạng sáng ngày 17.7.1963, một cuộc diễn hành ôn hòa được phát xuất từ chùa Giác Minh, đường Phan Thanh Giản. Đoàn người này lúc bắt đầu đi thì chỉ có trên 1.000 người và chỉ giăng một biểu ngữ: "Chúng tôi đi thăm thầy chúng tôi đang tuyệt thực để đòi hỏi thực thi Thống Cáo Chung". Họ vượt qua được mấy lớp rào cảnh sát và kêu gọi quần chúng gia nhập vào lực lượng diễn hành của họ. Những biểu ngữ sau đây được trưng lên:

"Chúng tôi bị lường gạt quá nhiều."

"Cờ Phật giáo phải là cờ của tất cả Phật giáo đồ."

"Yêu cầu chính phủ giữ đúng lời thành tín đã hứa."

Đoàn biểu tình đã mấy lần phá được những hàng rào dây thép gai để tiến tới, nhưng lực lượng cảnh sát và mật vụ đã được huy động đến quá đông đảo. Được trang bị đầy đủ, họ thiết lập những hàng rào kẽm gai rất kiên cố và dàn ra phía sau những chiếc xe cứu hỏa. Thiền sư Quảng Độ, người điều động cuộc diễn hành, đề nghị quần chúng ngồi xuống mặt đường và tĩnh tâm niệm Phật. Đoàn người lúc bấy giờ chỉ cách chùa Giác Minh có năm trăm thước. Sau nửa giờ niệm Phật, quần chúng lặng yên nghe thiền sư Quảng Độ đứng lên nói về cuộc vận động của Phật giáo đồ toàn quốc. Dùng loa phóng thanh, ông chậm rãi nói về chính nghĩa của cuộc tranh đấu. Từ hai đầu đường Phan Thanh Giản và các đường phố lân cận như Nguyễn Thiệu Thuật, quần chúng đều đứng lại lắng tai nghe. Các cửa sổ các tầng lầu đều được mở ra; đồng bào xuất hiện trên sân thượng của nhà cửa hai bên khu phố để nghe thiền sư thuyết giảng. Lực lượng cảnh sát dùng ống loa định che

lấp tiếng nói của ông, nhưng máy phóng thanh chùa Giác Minh khá mạnh: Tiếng nói của thiền sư Quảng Độ vẫn còn được nghe rất rõ. Vào lúc 10 giờ 30 cuộc đàn áp thật sự bắt đầu. Cảnh sát và mật vụ xông vào cướp giật biểu ngữ. Tăng ni và những người điều động cuộc diễn hành bị tấn công bằng báng súng và gậy gộc trước con mắt của giới báo chí và quan sát viên quốc tế. Tiếng la hét của phụ nữ và trẻ em vang dậy. Có nhiều vị tăng ni bị đánh ngã quỵ. Có nhiều vị khác bị liệng lên xe cảnh sát và bị chở đi. Bị đàn áp dữ dội, đoàn biểu tình rút lui từ từ về chùa Giác Minh và chùa Từ Quang sát cạnh. Cảnh sát theo sát họ tới cổng chùa và thiết lập một hàng rào dây thép gai để phong tỏa chùa. Trên 600 tăng ni và Phật tử bị cõng lập trong chùa hơn hai ngày hai đêm như thế.

BIỂU TÌNH DIỄN HÀNH

Cũng vào sáng ngày 17.7.1963 khoảng 400 vị tăng ni đến tập họp tại chùa Xá Lợi. Sau khi lễ Phật và mặc niệm tại chánh điện chùa, họ sắp hàng diễn hành từ đường Bà Huyện Thanh Quận qua đường Lê Văn Thạch đến đường Nguyễn Thông, Ngô Thời Nhiệm, Lê Văn Duyệt và đi về hướng chợ Bến Thành. Họ vượt qua được mấy hàng rào dây kẽm gai và tiến được về vườn hoa của Nam chợ Bến Thành. Cuộc diễn hành này, nhờ tính cách bất ngờ của nó, đã làm cho các lực lượng cảnh sát đối phó không kịp trong bước đầu. Đến khi các lực lượng này được huy động đầy đủ thì đa số chư tăng ni đã đến được chợ Bến Thành và chỉ có khoảng mười vị đi sau bị kẹt và bị bắt lại. Đến chợ Bến Thành, tăng ni trưng lên những biểu ngữ: "Yêu cầu chánh phủ thực thi bản Thông Cáo Chung". Lúc này các lực lượng cảnh sát chiến đấu đã vây quanh đám biểu tình, dưới quyền chỉ huy của viên giám đốc cảnh sát Trần Văn Tư. Ông Trần Văn Tư yêu cầu chư tăng ni hạ cờ Phật giáo cùng các biểu ngữ xuống, nhưng không ai tuân lệnh. Vị đại diện tăng ni đứng lên xin nói về mục đích của cuộc biểu tình diễn hành. Ông giám đốc nha cảnh sát chỉ cho phép vị này được nói trong năm phút, "Mau lên còn để chúng tôi thi hành nhiệm vụ". Đại diện cho chư tăng ni nói: "Chúng tôi tới đây để tỏ cùng quốc dân đồng bào biết rằng: Bản Thông Cáo Chung đã ký kết hơn một

tháng nay nhưng chính phủ đã không thực thi nghiêm chỉnh mà còn dùng đủ mọi cách để khủng bố, bao vây, bắt bớ, đàn áp, xuyên tạc Phật giáo đồ”.

Lúc này, đồng bào trong chợ đã đổ ra rất đông, và từ các ngã đường quần chúng cũng kéo tới chật ních. Sau khi phát biểu xong, vị đại diện yêu cầu lực lượng cảnh sát giải tỏa để chư tăng được tự do diển hành về chùa Xá Lợi. Ông Trần Văn Tư không chịu, quyết định dùng “những biện pháp thích nghi” để ngăn chặn cuộc diển hành trở về chùa Xá Lợi mà ông biết là sẽ vô cùng đông đảo. Trong khi chờ đợi sự giải tỏa của cảnh sát, các vị tăng ni ngồi xuống đất và bắt đầu niệm Phật. Cuộc đàn áp bắt đầu. Cảnh sát xông vào, bắt liệng các vị tăng ni lên xe buýt bùng. Chư tăng chống cự lại bằng cách quàng lấy tay nhau thành từng chuỗi dài. Tinh thể trở nên hỗn loạn.

Thấy cuộc đàn áp xảy ra trước mặt quần chúng đông đảo như vậy là không hay, ông giám đốc cảnh sát đổi sách lược. Ông ra lệnh ngừng sự bắt ép và đích thân tới điều đình với các vị điều động cuộc diển hành, hứa sẽ dùng xe cảnh sát chở tất cả chư tăng ni về chùa Xá Lợi.

Thấy cuộc biểu tình đã đạt được nhiều kết quả và chư tăng ni nhiều người đã bị mất sức, thêm nữa thấy ông giám đốc cảnh sát đã lấy danh dự mà hứa sẽ chở chư tăng ni về chùa Xá Lợi, vị đại diện bằng lòng để cho tăng ni lên xe. Nhưng những chiếc xe này, khi đến ngã tư Tổng Đốc Phương, thay vì chạy về chùa Xá Lợi, lại rẽ về hướng Lục Tỉnh. Thấy mình bị lừa, chư tăng ni đập cửa xe rầm rầm. Các vị ngồi phía trước lấy chân đạp thẳng xe, và gạt tay lái cho xe đâm vào lề đường. Nhiều vị mở cửa xe phóng xuống đường trong khi xe đang chạy. Thấy vậy các xe cảnh sát phải ngừng lại. Tất cả các vị tăng ni đều tập hợp lại thành một khối giữa công lộ. Cảnh sát lại dùng dây thép gai vây họ lại. Hai vị cảnh sát trưởng đến gần chư tăng, xưng là đại diện ông giám đốc cảnh sát, hứa lần này sẽ thực sự cho chư tăng về chùa Xá Lợi. Sợ bị lừa gạt lần nữa, chư tăng ni không ưng thuận, chỉ yêu cầu được tự do đi bộ về chùa Xá Lợi. Họ ngồi xuống đất để đòi hỏi sự giải tỏa của lực lượng cảnh sát. Nhưng cảnh sát không giải tán. Cuộc đàn áp lại xảy ra, khốc liệt gấp mấy lần trước: Chư tăng ni bị đánh đập và ném lên xe như những con thú vật. Quần chúng ở đây không đông đảo như ở chợ Bến Thành và giới báo chí không có mặt, vì vậy chư tăng ni bị hành hung một cách tàn nhẫn: có vị bị thoi vào những nơi hiểm yếu, có vị bị bóp họng, có vị bị dấm đá túi bụi.

TĂNG NI BỊ GIAM GIỮ

Các xe cảnh sát chở đầy tăng ni phóng nhanh khỏi thành phố đến chùa Hoa Nghiêm ở An Dưỡng Địa, một khu nghĩa địa lớn nằm giữa khoảng đồng trống miền Phú Lâm. Tại đây cảnh sát đã được túc trực và dây thép gai đã được giăng thành hàng rào bốn phía. Tất cả tăng ni đều bị cô lập tại đây. Chiều đến, lực lượng bố phòng của cảnh sát được tăng cường hùng hậu.

Vào khoảng nửa đêm, cảnh sát có vũ trang súng ống đột nhập vào phòng chư tăng để xét hỏi, điều tra lý lịch và tra hỏi xem ai là những người đã xúi giục họ đi biểu tình. Những vị tăng sĩ Việt gốc Miên được tra hỏi cẩn kẽ hơn cả.

Chiều ngày hôm sau, 18.7.1963, nhân viên công quyền đến bắt tăng ni khai lý lịch, in dấu tay

và chụp hình: Họ bảo đó là thủ tục thông thường phải làm trước khi các vị tăng ni được trả tự do và hứa là vào ngày mai 19.7.1963 họ sẽ mời Ủy ban Liên phái tới để trao trả chư tăng ni về chùa Xá Lợi.

Trưa 19.7.1963, nhiều xe cảnh sát được đưa tới và cảnh sát đòi chở chư tăng ni về chùa Xá Lợi. Không thấy có vị đại diện nào của Ủy ban Liên phái, chư tăng ni không chịu ra xe, cương quyết ở lại chờ lệnh.

Sáng ngày 20.7.1963, đột nhiên tất cả những hàng rào dây thép gai và những lực lượng cảnh sát phong tỏa An Dưỡng Địa biến mất, và các ông Ngô Trọng Hiếu, bộ trưởng Công Dân Vụ và Trần Văn Tư giám đốc cảnh sát xuất hiện với một đoàn báo chí Việt Nam và ngoại quốc. Trước mặt các ký giả và nhiếp ảnh viên, ông Trần Văn Tư giải thích rằng sở dĩ chư tăng ni được giam giữ ở đây là vì họ biểu tình bạo động, bất hợp pháp và đã hành hung các nhân viên công lực. Thiền sư Chánh Lạc đại diện cho chư tăng ni đứng lên giải thích cho báo chí nghe về mục đích và lập trường tranh đấu bất bạo động của Phật tử, cải chính những điều vu khống của ông giám đốc cảnh sát, rồi trả lời rành rẽ từng câu hỏi của các phóng viên đặt ra.

Sau đó, đoàn tăng ni quyết định theo phái đoàn báo chí về Sài Gòn. Đoàn người đến Phú Lâm thì, sau khi để cho giới báo chí đi khỏi, một toán cảnh sát chiến đấu ngăn chặn tất cả tăng ni lại. Thiền sư Chánh Lạc đề nghị toàn thể ngồi xuống mặt đường niệm Phật. Trong khi vị đại diện tăng ni đối thoại với cảnh sát thì một phái đoàn của Ủy ban Liên phái do thiền sư Thiện Minh hướng dẫn, đến kịp. Kết cuộc là chư tăng được đưa về chùa Xá Lợi bằng xe đò, có một đoàn xe bình bịch của cảnh sát dẫn lộ.

Vào lúc 12 giờ 15, đoàn xe tới cổng chùa Xá Lợi. Bảy giờ họ được thiền sư Tịnh Khiết, các thiền sư khất trong Ủy ban Liên phái và quần chúng túc trực sẵn ở đây đón tiếp. Thiền sư Tâm Châu, chủ tịch Ủy ban Liên phái, cảm động trước những hy sinh và chịu đựng của chư tăng ni trong bốn ngày bốn đêm vừa qua, đã đứng ra lay tạ đại chúng. Cử chỉ này đã làm cho mọi người xúc động.

Những vị tăng ni trong thương được đưa ngay vào chăm sóc. Sau khi kiểm điểm, số tăng ni bị bắt hoặc mất tích lên gần tới năm chục vị. (1)

Báo chí và các đài truyền thanh, truyền hình quốc tế đã đăng tải đầy đủ về những cuộc biểu tình nói trên tại Sài Gòn. Quần chúng tại quốc nội theo dõi các đài B.B.C, V.O.A, biết rõ tất cả những gì đã xảy ra tại Sài Gòn và những dư luận xôn xao trên thế giới.

DƯ LUẬN QUỐC TẾ CHẤM ĐÔNG

Trong lúc đó, tất cả các cấp lãnh đạo trong Ủy ban Liên phái vẫn tiếp tục tuyệt thực tại chùa Xá Lợi.

Chính quyền Ngô Đình Diệm biết rõ những gì đang xảy ra trên dư luận quốc tế, nhất là dư luận người Mỹ. Những ký giả như David Halberstam của tờ *New York Times* viết trên báo này rất nhiều bài bất lợi cho chế độ Sài Gòn. Ký giả này nói rằng chính phủ Ngô Đình Diệm đã bị nhân dân ghét bỏ và vấn đề lật đổ chính quyền Diệm chỉ là vấn đề thời gian. Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ Wayne L. Morse tuyên bố ngày 19.7.1963 rằng ông không đồng ý cho Hoa Kỳ viện trợ thêm một đồng nào nữa cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Tin tức những ký giả

Hoa Kỳ bị cảnh sát hành hung được các báo chí ở Hoa Thịnh Đốn và Nữ Ước đăng tải. Tờ *Hoa Thịnh Đốn Thời Báo* (Washington Post) đã viết những bài bình luận sau đây ngày 19.6.1963: "*Cuộc tranh chấp không còn là một biến động có tính cách địa phương nữa. Vì chế độ ông Diệm liên hệ mật thiết quá với Hoa Kỳ, nên cái nguy là Phật giáo đồ ở khắp Á châu sẽ có cảm tưởng rằng dù sao Hoa Kỳ cũng dung túng sự kỳ thị tôn giáo. Tuy đó là một cảm nghĩ sai lầm nhưng dù sao đã là đồng minh của một chế độ độc tài và áp bức cho nên Hoa Kỳ cũng bị ảnh hưởng.*"

Tổng thống Ngô Đình Diệm nhìn thấy nguy cơ của mình. Ngày 18.7.1963 ông lên tiếng trên đài phát thanh Sài Gòn. Ông đọc một thông điệp để xoa dịu tình hình. Thông điệp được lặp lại nhiều lần trên đài phát thanh. Ông nói:

"Để tỏ rõ chủ trương của chính phủ cương quyết thi hành đúng đắn và hữu hiệu Thông Cáo Chung và để đánh tan mọi hồ nghi hoặc mưu mô xuyên tạc chia rẽ, chiếu theo đề nghị của Hội đồng Liên bộ, tôi vừa chấp thuận:

1- Chỉ thị của nghị định số 358 ngày 9 tháng 7 năm 1963 ấn định thể thức treo cờ Phật giáo. Thể thức này đã áp dụng riêng cho Tổng hội Phật giáo sẽ được áp dụng cho tất cả môn phái nào tự ý công nhận Phật giáo kỳ.

2- Chỉ thị Ủy ban Liên bộ hợp tác mật thiết với phái đoàn Phật giáo để cùng nghiên cứu điều tra giải quyết hoặc theo hồ sơ hoặc tại chỗ nếu cần những khiếu nại liên quan đến sự thực thi Thông Cáo Chung.

3- Chỉ thị các cấp quân dân chính mỗi người trong lĩnh vực của mình, trong lời nói cũng như trong việc làm, tích cực góp phần vào việc thực thi Thông Cáo Chung.

Tôi mong rằng quốc dân đồng bào ghi nhận ý chí hòa giải tốt bụng của chính phủ trong vấn đề Phật giáo và tôi yêu cầu quốc dân đồng bào từ nay sẽ khách quan phán quyết để có thái độ và hành động, không để ai làm ngăn cản bước tiến của dân tộc trong nhiệm vụ diệt Cộng cứu quốc".

Lời kêu gọi "ghi nhận ý chí hòa giải tốt bụng của chính phủ" được nói lên trong khi các chùa Xá Lợi, Giác Minh, Ấn Quang tại Sài Gòn và nhiều ngôi chùa khác trên khắp lãnh thổ còn bị phong tỏa và trên 300 vị tăng ni đang bị vây hãm tại An Dưỡng Địa, và hơn bốn trăm tăng ni khác rải rác trong toàn quốc đang bị giam giữ. Sáng ngày 19.7.1963, thiền sư Tâm Châu gửi một văn thư cho tổng thống Diệm để đáp lại lời hiệu triệu của ông. Trong lá thư, thiền sư ghi nhận lời hiệu triệu này của tổng thống và yêu cầu ông cấp tốc phóng thích tất cả những ai bị chính quyền giam giữ từ ngày 8.5.1963, ra lệnh cho báo chí được quyền đăng tải các văn kiện của Ủy ban Liên phái, công bố danh sách những người chịu trách nhiệm về cuộc thảm sát ngày 8.5.1963, bồi thường cho các nạn nhân cuộc thảm sát ấy. Đồng thời ông cũng báo tin rằng các chùa Xá Lợi, Ấn Quang và Giác Minh, sau khi được giải tỏa vào khoảng nửa giờ vào sáng 19.7.1963, đã bị các lực lượng cảnh sát phong tỏa trở lại. Ông kết luận: "Các vấn đề trên được giải quyết xong, chúng tôi mới có thể hợp tác với Ủy ban Liên bộ mà nghiên cứu, xem xét những vấn đề khác để cho cuộc hòa giải được hoàn toàn tốt đẹp".

Lập trường của Ủy ban Liên phái, do đó là sẽ không chấp thuận việc cộng tác với chính quyền để thành lập Ủy ban Hòa hợp chừng nào những điều căn bản nhất của Thông Cáo Chung chưa được thực thi. Văn thư trao đổi giữa Ủy ban Liên phái và Ủy ban Liên bộ trong thời gian từ ngày 18.7.1963 đến ngày 30.7.1963 phần lớn là để đề cập tới vấn đề này. Về phía Phật giáo, Ủy ban Liên phái tiếp tục công bố những tài liệu vi phạm Thông Cáo Chung của chính quyền: những vụ mất tích tăng sĩ, những vụ ám sát và đả thương Phật tử, những vụ rải truyền đơn giả tạo để chống phong trào tranh đấu cho năm nguyện vọng, v.v... (2)

HỆ THỐNG THÔNG TIN CỦA ỦY BAN LIÊN PHÁI

Các báo chí thủ đô đều nằm trong tay của chính quyền, cho nên Ủy ban Liên phái phải thiết lập một hệ thống truyền tin đặc biệt. Các thiền sư Quảng Độ và Đức Nghiệp là những người phụ trách liên lạc với các ký giả quốc tế và các tòa lãnh sự ngoại quốc tại Sài Gòn: Mỗi khi có tin tức gì cần thông báo, các vị dùng điện thoại, hoặc của chùa, hoặc của những tư gia quanh chùa. Nhiều khi bản tin được truyền đi trên những mảnh giấy nhỏ và được điện thoại cho giới báo chí từ những địa điểm rất xa chùa. Cùng với những vị thông thạo sinh ngữ khác, họ dịch những bài báo ngoại quốc có liên hệ đến cuộc tranh đấu để phổ biến. Họ còn thu thanh những bản tin do các đài phát thanh ngoại quốc truyền đi và chép thành những bản tin. Thiền sư Châu Toàn điều động một số nhân viên ngày đêm ấn hành những bản tin này bằng máy in phức bản (stencils). Tài liệu được chuyển đi các trung tâm khác ở thủ đô để được in lại và phổ biến. Tại Huế và các trung tâm đấu tranh khác như Quảng Trị, Quảng Nam, Nha Trang, Đà Lạt, Bình Long, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Định, v.v... đường lối thông tin và tranh đấu cũng được phỏng theo phương thức này.

Trong suốt thời gian tranh đấu, ngày nào quần chúng cũng đến chùa rất đông đảo để lễ Phật, ngồi tuyệt thực và ủng hộ Ủy ban Liên phái. Các thiền sư Giác Đức và Hộ Giác phụ trách thuyết giảng trong các buổi tập hợp và tuyệt thực này. Họ giải thích cho quần chúng rõ lập trường của Phật giáo, thái độ của chính quyền, tố cáo những hành động vi phạm Thông Cáo Chung và nói về dư luận quốc tế đối với cuộc tranh đấu đòi thực thi năm nguyện vọng. Hai vị đều là những thiền sư trẻ và có tài hùng biện.

[1] Sách *Phật Giáo Tranh Đấu* do Quốc Oai biên soạn (Tân Sanh, 1963) có in danh sách 21 vị tăng ni bị cảnh sát đả thương trầm trọng ngày 17.7.1963. Theo Quốc Oai, tất cả các vị tăng ni trong cuộc biểu tình ngày 17.7.1963 đều bị đánh đập, không nhiều thì ít. Cảnh sát xé nát áo nhiều người. Có vị bị thương máu me đầy người.

[2] Bản kê khai một số những hành động vi phạm Thông Cáo Chung, *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*, Quốc Tuệ, trang 276 - 278.

[3] *Phật Giáo Tranh Đấu*, Quốc Oai, trang 135 - 137.

HOÀNG TỬ MƯỜNG

Cả khóa gọi anh là Hoàng tử Mường
Dòng đời chín đời quan lang
Trần thủ cả một dãy giang san vùng cao Thanh hóa
Từ Cẩm Thủy trở lên
Đến tận đầu nguồn sông Mã
Dân các bản cung kính gọi anh là cậu
Hoàng tử nhóc con sẽ kế vị vua Mường
Suốt tuổi ấu thơ
Học cùng lớp với cô bé tóc thề thôn Bá Thước
Tình bạn mấy năm tiểu học dưới hiên trường
Hương rừng xưa một dãy trắng hoa đào
Việt Minh cướp chánh quyền
Anh vượt tuyến qua Lào
Tìm vào miền Nam đất hứa
Lớn lên anh cùng bạn bè trang lứa
Tình nguyện đầu quân bảo vệ quê hương
Trên khắp nẻo chiến trường
Vết xích xe cày toai đất núi
Rừng Tây nguyên quen cả lối đi mòn
Cho đến ngày mất Sài Gòn
Anh đi tù đất Bắc
Đằng đằng mấy năm đốn gỗ trên rừng
Đau kiệt lỵ cả tuần
Khó khăn lắm mới được một lần khai bệnh
Cô bác sĩ trại giam
Nhìn anh trần trối
Tìm hiểu ngọn nguồn
Mới nhận ra cậu hoàng tử ngày xưa
Bây giờ là người tù
Áo rách vá vai già nua trước tuổi
Cô tìm ra mọi lỗi
Giúp đỡ người bạn ấu thơ
Khỏi vác gỗ rừng sâu
Bằng một chân nấu bếp anh nuôi
Trong lòng họ mừng mừng tủi tủi
Nói chẳng nên lời
Bây giờ họ đã có lứa đôi
Tình bạn ấu thơ vẫn trinh nguyên như tờ giấy trắng
Hai cuộc sống như hai tầng cách biệt
Gặp người quen mà chỉ biết nhìn nhau
Chi xiết ghen ngào
Bên thắng cuộc
Còn bên kia thân tù cải tạo
Sau đó đoàn tù chuyển trại
Từ đó xa nhau
Như đoàn tàu rời ga xếp
Bánh thép rập rình cọ xát đường ray
Mất hút trong đêm
Để lại vết khói dài
Tan lặng lẽ bên hàng cây đầu gió
Anh ra tù
Kiếm sống bằng chiếc xích lô
Một buổi chiều rước khách đường xa



Đoàn tàu Bắc Nam xinh sịch đến sân ga
Người khách nữ
Cứ quay đầu nhìn lại
Người đàn ông đạp công lưng dưới nắng
Hỏi có phải ngày xưa
Anh học ở trường Bá Thước?
Bây giờ họ mới nhận ra nhau
Qua bao năm tháng dãi dàu
Họ ghé vào quán nước
Nói chuyện nhiều hơn ngày trước trong tù
Cô bác sĩ ngân ngữ
Tặng anh hai chỉ vàng dành khi túng thiếu
Anh lắc đầu không lấy
Năn nỉ mãi anh mới cầm một chỉ
Gọi là giữ chút ân tình sót lại lúc còn thơ
Chờ bạn đến chợ Bàn Cờ
Anh vòng xe trở về hướng cũ
Lòng thấy nao nao
Như buổi gặp tình cờ
Trong trại giam ngày xưa trên đất Bắc
Hai đường ray... vẫn vĩnh viễn song song
Trông chẳng còn gặp nhau
Người bạn tốt vùng cao
Mới hay số phận cũng cơ cầu
Họ lại gặp lần sau trên đất Mỹ
Cô bác sĩ một lần đi tu nghiệp
Cuối tuần tới thăm bạn cũ học y khoa
Họ đi dạo công viên
Tiện bước ghé vào tiệm mua vài tờ vé số
Cũng cầu may cho một lần xuất ngoại
Lại gặp hoàng tử Mường đang bán tiệm liquor
Cũng khéo thay cho số phận tình cờ
Họ lại gặp nhau
Cũng trinh nguyên tình cảm lúc ban đầu
Ba lần họ gặp nhau
Trong ba thời gian cách biệt
Tình bạn thủy chung mấy chục năm trời
Không nồng ấm mà hình như tha thiết
Giữ hai cuộc đời
Hai số phận song song.

thơ

HỒ THANH NHÃ

Đầu thu đọc truyện ‘Chớm Thu’ của Nhà văn Mỹ Louis Bromfield

HUỲNH KIM QUANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

*Rừng thu ngập lá vàng.
Đêm thu lành lạnh –
Tôi đi ra ngoài,
Và nhìn mặt trăng hồng hào gác trên hàng
giậu
Giống như một nông phu mặt đỏ...*

Thi sĩ người Anh Thomas Ernest Hulme (1883 -1917) đã viết về đêm trăng mùa thu như thế trong bài thơ “Autumn” [Mùa Thu] của ông được viết vào năm 1908. Bài thơ có cái nét nên thơ của một đêm trăng tròn mùa thu nơi miền quê thanh bình ở Việt Nam.

Nước Mỹ đã chính thức bước vào mùa thu ngày 22 tháng 9, với đêm đã bắt đầu dài thêm và bầu trời vào ban đêm và sáng sớm lành lạnh. Ở Miền Nam California dường như hiếm thấy cảnh lá vàng rục rờ vào mùa thu nhưng ở những tiểu bang cao hơn về phía bắc thì mùa thu đã bắt đầu về những bức tranh màu vàng màu đỏ tuyệt đẹp. Mùa thu có lẽ là mùa thơ mộng nhất của năm.

Mùa thu còn là nguồn cảm hứng bất tận của các nhà thơ và nhà văn. Trong văn học nước Mỹ có nhà văn Louis Bromfield đã viết cuốn tiểu thuyết “Early Autumn” [Chớm Thu] vào năm 1926 và nhờ cuốn sách này mà ông đã đoạt Giải Pulitzer Prize vào năm 1927. Nhân đầu thu xin đọc cuốn “Chớm Thu” của Bromfield. Nhưng Bromfield là ai?

Vài nét về Louis Bromfield

*Nhà văn Louis Bromfield
do Carl Van Vechten chụp
vào năm 1933.*



(nguồn: www.en.wikipedia.org)

Louis Bromfield sinh ra vào ngày 27 tháng 12 năm 1896 tại Mansfield thuộc Ohio với cha là Charles Brumfield, một thư ký ngân hàng và là nhà đầu cơ bất động sản, và mẹ là Annette Marie



Coulter Brumfield, con gái của một nông dân Ohio. Sau này ông đã đổi tên của mình thành Louis Bromfield bởi vì ông nghĩ nó có vẻ khá hơn, theo www.en.wikipedia.org.

Lúc còn là một cậu bé, Bromfield thích làm việc ở nông trại của ông ngoại. Vào năm 1914, ông vào Đại Học Cornell để học về nông nghiệp. Tuy nhiên, vì tình trạng tài chính sa sút của gia đình buộc ông bỏ học chỉ sau một khóa. Nợ nần nhiều quá, cha mẹ ông phải bán căn nhà của họ ở trung tâm Mansfield và dọn tới nông trại của ông ngoại của Bromfield ngoại ô thị trấn này. Từ năm 1915 tới 1916, Bromfield đã chật vật để vực dậy nông trại gia đình không sinh lợi, một kinh nghiệm mà sau này ông đã viết một cách cay đắng trong cuốn tiểu thuyết tự truyện “The Farm.” Trong năm 1916, ông đã ghi danh vào Đại Học Columbia để học ngành báo chí, nơi ông được vào hội kín Phi Delta Theta. Thời gian học của ông ở Columbia ngắn ngủi. Ông đã rời khỏi trường sau chưa tới một năm để tình nguyện vào American Field Service trong Thế Chiến Thứ Nhất.

Bromfield đã phục vụ trong Khóa 577 của Quân Đoàn Cứu Thương của Lục Quân Hoa Kỳ và gắn liền với quân đội Pháp. Ông đã chứng kiến hoạt động quan trọng trong Cuộc Tấn Công Ludendorff và Cuộc Tấn Công 100 Ngày và đã bị bắt một thời gian ngắn bởi quân đội Đức vào mùa hè 1918.

Bromfield đã được giải ngũ vào năm 1919. Ông đã tìm việc làm tại Thành Phố New York với chức vụ ký giả, nhà phê bình và quản trị viên, trong số nhiều việc làm khác. Vào năm 1921, ông kết hôn với Mary Appleton Wood trong một lễ cưới nhỏ gần nhà của gia đình cô này tại Ipswich,

Massachusetts. Họ có 3 người con gái, Ann Bromfield (1925-2001), Hope Bromfield (1927-2016) và Ellen Bromfield (1932-2019).

Vào năm 1924, Bromfield đã xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tiên của ông, "The Green Bay Tree," mô tả nữ nhân vật chính cứng đầu, độc lập – một đặc tính mà đã tái diễn trong nhiều cuốn sách sau đó của ông. Cuốn tiểu thuyết thứ hai, "Possession," được xuất bản vào năm 1925. Những nhà phê bình hàng đầu thời bấy giờ gồm Stuart Sherman, John Farrar và những người khác đã ca ngợi chất lượng của cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông, theo John Farrar trong bài viết "The Fiction Reader in the New Season" được đăng trong The Bookman số 201 vào tháng 4 năm 1926.

Tháng 11 năm 1925, Bromfield sang Paris, nơi ông liên kết với nhiều nhân vật chính của phong trào Lost Generation, đặc biệt là Gertrude Stein và Ernest Hemingway. Cuốn tiểu thuyết thứ ba của ông, "Early Autumn" [Chớm Thu], một bức chân dung khắc nghiệt của bối cảnh Thanh Giáo New England của vợ ông ấy, đã thắng Giải Pulitzer năm 1927. "Trong tất cả những tiểu thuyết gia trẻ người Mỹ, ông ấy là người giỏi nhất và quan trọng nhất," theo John Carter đã viết như thế vào năm đó trên Báo The New York Times số ra ngày 31 tháng 7 năm 1927.

Bromfield tiếp tục viết các cuốn tiểu thuyết bán chạy nhất vào cuối thập niên 1920s và đầu thập niên 1930s, gồm "A Good Woman," "The Strange Case of Miss Annie Spragg," và "The Farm," một cuốn tiểu thuyết tự truyện lãng mạn hóa quá khứ làm nghề nông của gia đình ông. Ông cũng làm việc một thời gian ngắn tại Hollywood để viết kịch bản cho Samuel Goldwyn, Jr., theo Florabel Muir trong bài viết "Don't Mention Bromfield to Sam Goldwyn," được đăng trên Báo New York Daily News vào ngày 25 tháng 1 năm 1931.

Năm 1930, ông dời tới ở tại một căn nhà cũ thuộc thế kỷ 16 được tân trang lại, Presbytère St-Etienne, tại Senlis, phía bắc của Paris. Ở đó ông tạo dựng một ngôi vườn công phu trên bờ sông River Nonette, nơi ông tổ chức các bữa tiệc của giới nghệ sĩ, nhà văn và những người có tiếng tăm trong xã hội thời bấy giờ. Những vị khách thường xuyên gồm Gertrude Stein, Alice B. Toklas, Elsa Schiaparelli, Dolly Wilde, Leslie Howard, Noël Haskins Murphy, Douglas Fairbanks, Sir Francis Cyril Rose, F. Scott và Zelda Fitzgerald.

Trong khoảng thời gian này, Bromfield cũng đã thực hiện 2 chuyến du lịch sang Ấn Độ. Ông đã đến thăm viện địa chất của Sir Albert Howard tại tiểu bang Indore nơi Bromfield đã khám phá ra các phương cách làm nông hữu cơ sớm sủa và ở một thời gian tại Thành Phố Baroda mà ngày nay là Vadodara làm khách của Sayajirao Gaekwad III, là Đại Vương của Baroda. Các chuyến đi của ông đã lấy thông tin cho một trong những cuốn sách bán chạy được giới phê bình đánh giá cao nhất, "The Rains Came" xuất bản vào năm 1937, mà đã được đóng thành phim nổi tiếng vào năm 1939 với các ngôi sao Myrna Loy và Tyrone Power. Sau đó ông đã dùng số tiền bán được từ cuốn sách này để tài trợ cho Malabar Farm, nói rằng "không có gì có thể thích hợp hơn là đặt tên Ấn Độ cho nông trại này bởi vì người Ấn Độ đã biến nó

thành khả dĩ."

Vào tháng 12 năm 1938, Bromfield đã mua nông trại cũ rộng 600 mẫu tây nằm gần thị trấn Lucas tại Thung Lũng Pleasant thuộc Quận Richland của Ohio. Ông đã xây một trang trại 19 phòng theo kiểu thời Phục Hưng Hy Lạp mà ông gọi là Ngôi Nhà Lớn. Sử dụng chuyên viên và lao động từ các cơ quan New Deal như Soil Conservation Service và Civilian Conservation Corps, Bromfield đã cải tạo đất của ông trong tiến trình mà ông đã học được các nguyên tắc bảo tồn đất. Sau đó ông đã biến Malabar thành nơi trưng bày cái mà ông gọi là "New Agriculture" [Nông Nghiệp Mới]. Trong các kỹ thuật làm nông mới mà ông quảng bá tại Malabar là việc sử dụng phân bón, cày theo đường viền, "canh tác rác," trộn lá và cắt thành mảnh. Malabar thường được viếng thăm bởi những nhân vật nổi tiếng, gồm Kay Francis, Joan Fontaine, Ina Claire, Mayo Methot và James Cagney.

Sự thích thú khám phá mới trong nông nghiệp và môi trường đã đưa tới sự sụp đổ danh tiếng văn học của Bromfield. Các nhà phê bình như Malcolm Cowley, Orville Prescott và Edmund Wilson đã cho rằng tiểu thuyết sau này của ông là giả tạo và hời hợt. Tuy nhiên các cuốn sách của Bromfield đã tiếp tục phổ biến với các độc giả. Cuốn tiểu thuyết "Colorado" xuất bản năm 1947 đã bán hơn 1 triệu bản. Ông cũng bắt đầu viết một loạt hồi ký về nông nghiệp và môi trường, khởi đầu với cuốn bán chạy nhất "Pleasant Valley" xuất bản vào năm 1945.

Khi sự nghiệp văn học đứng lại, Bromfield bắt đầu gặp khó khăn tài chính, cộng với chi phí cao của việc bảo tồn nông trại thử nghiệm và lối sống sang cả của ông. Trong số nhiều kế hoạch kinh doanh thất bại, ông cố kiếm ra tiền bằng việc tạo ra các phiên bản chi nhánh của Malabar tại Wichita Falls ở Texas và Itatiba tại Ba Tây. Sau cái chết của người vợ của ông là Mary vào năm 1952, ông bắt đầu có quan hệ với người thừa kế tỉ phú Doris Duke, là người có chung thích thú với ông trong nghề làm vườn và bảo tồn. Bromfield nói với một phóng viên báo chí vào đầu năm 1956 rằng ông và Duke "có thể làm đám cưới."

Nhưng mỗi tình lãng mạn của họ đã bất thành bởi vì sức khỏe suy nhược của ông. Ông đã qua đời vì bị nhiều khối u trong tủy vào ngày 18 tháng 3 năm 1956 tại Bệnh Viện của Đại Học Columbia.

Đọc truyện "Chớm Thu"

Hình bìa của cuốn tiểu thuyết "Chớm Thu" của nhà văn Louis Bromfield.
(nguồn: www.en.wikipedia.org)



Cuốn tiểu thuyết "Chớm Thu" đã được nhà văn Louis Bromfield viết vào năm 1926 và đã đoạt Giải Pulitzer về bộ môn tiểu thuyết vào năm 1927.

Cuốn sách lấy bối cảnh thị trấn hư cấu

Durham tại Massachusetts ngay sau Thế Chiến Thứ Nhất. Gia đình Pentland giàu có và thuộc giai cấp thượng lưu, nhưng thế giới của họ đang thay đổi nhanh chóng. Nhà thờ cổ Congregational mà gia đình Pentlands ưa thích từ lâu đã giải tán khi ngày càng có nhiều tín đồ Tin Lành Da Trắng gốc Âu Châu ra đi khỏi Durham, thay vào đó là tín đồ di dân Công Giáo La Mã với các tập quán tôn giáo khác biệt. Gia đình Pentland đã từng thống lĩnh giới giai cấp thượng lưu tại Durham, và vẫn còn. Nhưng giới giai cấp thượng lưu thì đang thay đổi: Nhiều gia đình thuộc "đồng cũ" đã chết hay dời đi nơi khác, trong khi nhiều gia đình giàu có mới đã dọn vào trong vùng là những người không cùng những giá trị kiểu cũ và tuân theo các tiêu chuẩn hành vi kiểu cũ giống như gia đình Pentland.

Trưởng tộc của gia đình là ông John Pentland. Ông sống tại Gia Trang Pentland, một gia trang cất theo kiểu xưa, với người em của ông là Cassie. Cassie là một bà già kiểu cách, đạo đức, đưa đòi hay để ý đến công việc của mọi người và là người kiên quyết để thấy gia đình Pentland giữ gìn "các phong cách cũ." Người đồng hành của bà là Cô Peavey, người kém thông minh nhưng trong tất cả mặt khác lại là một người đạo đức và ngang tàng giống như bà Cô Cassie. Người con trai và thừa kế của John là Anson, đã rời gia đình với người con gái Ai Nhĩ Lan gốc Tô Cách Lan giàu có nhưng địa vị thấp kém là Olivia. Cặp vợ chồng này có một người con trai là John có biệt danh là Jack và người con gái là Sybil.

Gia đình Pentland nói rằng họ có thể truy tìm di sản gia đình của mình từ lúc thành lập Thuộc Địa Vịnh Massachusetts, và Anson đang viết cuốn sách về gia đình. Người cháu gái của John Pentland là Sabine, không được gia đình sủng ái. Cha mẹ của cô đã chết, và căn nhà của cô đã bị mất vào tay các chủ nợ. Cô ấy được bà Cô Cassie giám hộ. Nhưng 20 năm trước, cô đã kết hôn một người đàn ông nghèo, thấp kém tên là Callender và chạy trốn với anh ấy tới Châu Âu. John Pentland hành động như thể ông là một kẻ góa vợ, nhưng về sau này trong cuốn sách độc giả sẽ nhận ra rằng vợ của ông chưa chết. Trải qua hai, ba thập niên, vợ của Pentland là Anger đã mất trí nhớ, và hiện sống trong một phòng ở trên lầu của ngôi nhà. Bà được chăm sóc bởi một y tá, Cô Egan. Mỗi sáng, John Pentland đến thăm bà và nói chuyện với bà dù bà mất trí. Sau đó, ông đến thăm Bà Soames, một bạn lâu năm của vợ ông, và chơi bài. Sự để ý của ông tới bà góa Soames là không thích đáng như Bà Cô Cassie đã nói, nhưng không ai có thể chỉ trích công khai ông về điều đó bởi vì John Pentland là tộc trưởng của gia đình.

Cuốn tiểu thuyết này lấy bối cảnh vào đầu mùa thu. Olivia khoảng 40 tuổi, và cô ngày càng cảm thấy bị mắc kẹt và ngột ngạt bởi cuộc sống của cô. Cô và người chồng có một cuộc hôn nhân không mặn nồng, họ đã không ngủ chung phòng nhiều năm, và con trai của họ là Jack thì bệnh liên miên. Cuốn tiểu thuyết mở đầu khi con gái của Olivia là Sybil trở về nhà từ một ngôi trường ngoại quốc ở Paris. Sabine Callender và con gái của cô ấy, Therese, cũng trở về tới Durham và nghỉ mùa hè tại Gia Trang Pentland. Therese là một tiểu thư, và được "giới thiệu" với xã hội thượng lưu ở Durham. Bà Cô Cassie và Cô Peavey thường chỉ trích Sabine vì là một kẻ lằng nhằng và cô đã

mang tai tiếng cho gia đình. Cùng đến Durham vào mùa thu đó là Jean, người con trai của một người đàn ông Pháp cưới vợ Mỹ và là người mà Sybil đã gặp ở Paris. Sybil đem lòng yêu Jean, và tạo ra nhiều tai tiếng vì bám riết theo chàng ấy không tha.

Một người mới đến Durham nữa là Michael O'Hara, một di dân Ai Nhĩ Lan là người giàu có và nổi tiếng về chính trị tại Boston. Ông ấy đã mua căn nhà cũ của Sabine và đang sửa sang lại. Bà Cô Cassie và Cô Peavey thật kinh ngạc bởi người mới phất lên và thường hắt hủi ông ấy. Anson thì tức giận vì sự để ý của O'Hara dành cho vợ và con gái của ông. O'Hara sau đó không lâu nói với Sabine rằng ông đã yêu Olivia, và Olivia đáp lại. O'Hara nói ông muốn hy sinh mọi thứ cho tình yêu của cô. Trong khi đó, Anson Pentland thì từ chối giúp Olivia ly dị vì sợ nó sẽ phá hoại sự nghiệp của ông và tiếng tốt của gia đình.

Nhiều chuyện xảy ra liên tục: Jack chết, nhưng chỉ Olivia là có mặt ở đó để an ủi ông và giữ gìn tâm chung. Olivia khám phá ra rằng người đầy tớ của Pentland đang ngoại tình với người nào đó trong nhà, mà người đó sẽ nhận ra đó là cô y tá, Cô Egan. Vào buổi tối lúc Jack chết, Olivia tình cờ gặp Bà Pentland, là người nói với cô rằng có một bí mật trên gác mái nhà mà không chỉ có thể phá hủy mà còn giải thoát cho cả gia đình. Cô nhanh chóng bị Cô Egan bịt miệng, và rơi vào tình trạng khó hiểu. Sybil đám cưới với Jean, và Olivia tin chắc rằng con gái của bà sẽ tìm thấy hạnh phúc mà bà chưa bao giờ có.

Nhiều bí mật đã được bật mí vào cuối cuốn tiểu thuyết, cho thấy Gia Đình Pentland là đạo đức giả. Olivia biết được rằng John Pentland yêu Bà Soames. Không biết ông ấy có làm chuyện đó với bà ấy hay không thì không rõ. Nhưng ông đã không ly dị người vợ mất trí của ông. Các chuyện thăm người vợ hàng ngày của ông không phải được làm vì tình yêu mà vì muốn chuyển hướng sự chú ý của thiên hạ khỏi tình cảm của ông với Bà Soames. Olivia tin rằng sự say mê của Bà Pentland về bí mật trên gác trần nhà không phải là điên cuồng. Không lâu bà khám phá ra một gói lá thư cho thấy rằng tổ tiên của gia đình Pentland là một đứa con hoang là người đã ăn cắp tên một gia đình quý tộc mà đã chết không lâu sau khi đến Tân Thế Giới. Bà nghi ngờ Anson biết sự thật này, và đang nói dối về gia đình trong cuốn sách của anh ấy.

John Pentland, đã đau lòng vì cái chết của đứa cháu trai của ông, thay đổi chúc thư và để tất cả tiền bạc lại cho Olivia. Ông ấy tự tử bằng cách lao ngựa xuống khe núi sâu và chết. Olivia từ chối tình yêu của Michael O'Hara, nhận ra rằng cô là người duy nhất đủ mạnh mẽ để giữ gia đình Pentland lại với nhau trong những năm thay đổi sắp tới. John Pentland đã cho cô cơ hội, qua việc cô kiểm soát tài sản của gia đình, để buộc Gia Đình Pentland thích nghi hơn là chết mất giống như quá nhiều gia đình thượng lưu khác. Bằng việc rời khỏi Michael, Olivia tin rằng cô sẽ có một lối thoát dễ dàng và làm cho chính cô nhẹ nhàng thực sự.

Cuốn tiểu thuyết "Chớm Thu" khép lại ở đó. Nhưng lại mở ra một mùa thu man mác buồn trong lòng người đọc.

HEO RỪNG CÓ TRÍ KHÔN VÀ TÌNH THƯƠNG

Nguyễn Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trí tuệ và từ bi có phải chỉ riêng nhân loại mới có? Hay là, loài vật cũng có trí tuệ và từ bi, nhưng ở mức sơ khai hơn? Cuộc nghiên cứu mới đây về heo rừng cho thấy những bất ngờ về mức độ cao của khôn ngoan và tình thương nơi một trường hợp khảo sát.

Cuộc nghiên cứu của các nhà khoa học tại Czech University of Life Sciences Prague cho thấy lần đầu tiên ghi lại đầy đủ hình ảnh về trường hợp được ghi lại trên báo Business Insider hôm 5/9/2021 qua bản tin nhan đề "A family of wild boars organized a cage breakout of 2 piglets, demonstrating high levels of intelligence and empathy" (Một gia đình heo rừng tổ chức phá cũi, cứu 2 heo con, cho thấy mức độ cao của trí tuệ và thương xót). (1)

Các hình ảnh ghi lại cho thấy một heo rừng cái đã giúp 2 con heo nhỏ thoát ra khỏi 1 chuồng bẫy. Con heo rừng cái, dựa theo kích thước và tính phái nên được suy đoán là heo mẹ, đã tìm các chiến thuật để đẩy bật các thanh gỗ chốt đang chặn cửa chuồng bẫy. Các nhà khoa học tại Czech University of Life Sciences Prague nói rằng đây là lần đầu tiên ghi lại được hình ảnh xúm lại cứu heo mắc nạn trong loài heo rừng.

Bài báo trên tờ Scientific Reports nói rằng cách heo rừng cứu 2 heo con trong trường hợp này cho thấy trình độ cao của sự khôn ngoan và lòng thương xót. Chuyện xảy ra vào tháng 1/2020, được ghi lại bởi một nhóm khoa học gia từ đại học Czech University of Life Sciences tại khu vực bảo tồn thiên nhiên Voděradské Bučiny National Nature Reserve.

Một bẫy heo rừng, dùng bẫy làm mỗi bẫy, dựng lên để giúp các nhà khoa học sẽ nghiên cứu về các biện pháp ngăn ngừa dịch African Swine Fever (bệnh dịch tả lợn Châu Phi, viết tắt là dịch ASF). Một máy quay phim ghi lại hình ảnh 2 con heo con lọt vào bẫy và kẹt trong vòng 2 giờ 30 phút. Một nhóm 8 con heo nhỏ khác tới gần chuồng bẫy, lãnh đạo là một con heo rừng cái đã lớn hoàn toàn.

Trong nỗ lực cứu 2 heo con ra khỏi chuồng bẫy, con heo cái lớn đã húc vào, ủi vào, nạy tới, nạy lui các điểm chiến lược, nơi các thanh gỗ gài chặn cửa chuồng bẫy. Hình ảnh cho thấy lông bờm của con heo cái dựng cao lên, hiện tượng gọi là piloerection, mà các nhà khoa học gọi là dấu hiệu của căng thẳng hay nổi giận.

Các nhà khoa học nói rằng có vẻ là những con heo rừng khác cũng đang tìm cách giúp heo mẹ trong chiến dịch cứu 2 heo con ra khỏi cũi.

Trong vòng 6 phút đồng hồ của chiến dịch cứu 2 heo con, con heo cái đẩy bật được thanh gỗ đầu tiên ngăn chặn mặt trước của chuồng bẫy.

Nhưng toàn bộ chiến dịch cứu nguy đã kéo dài 29 phút đồng hồ, sau thời điểm đó, toàn bộ hai then gỗ chèn trước và sau của 2 cửa chuồng được heo mẹ đẩy văng ra, và các heo con chạy ra.

Bản tin Business Insider đăng nhiều tấm hình, trích xuất từ bằng video giải cứu dài khoảng nửa giờ đồng hồ. Hình phổ biến là từ nhà khoa học Michaela Másílková tại đại học Czech University of Life Sciences Prague. Trong đó, có 4 tấm cho thấy thứ tự phá cửa chuồng để giải cứu.

Hình a: Hai heo con dính bẫy do các nhà nghiên cứu dựng lên.

Hình b: Con heo cái, được suy đoán là heo mẹ, dựng lông bờm, dấu hiệu căng thẳng.

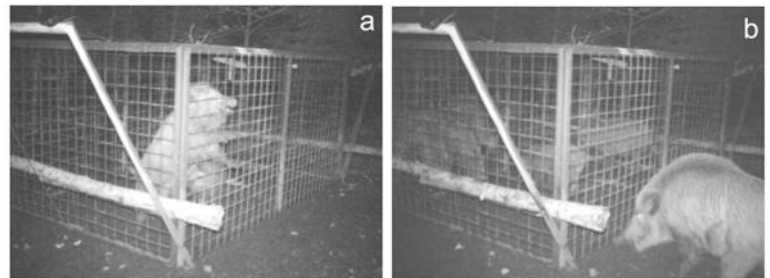
Hình c: Heo mẹ đẩy, ủi bật thanh gỗ mặt trước cửa chuồng.

Hình d: Heo mẹ phá bật các then gỗ mặt trước và mặt sau của bẫy, cho 2 heo con thoát ra.

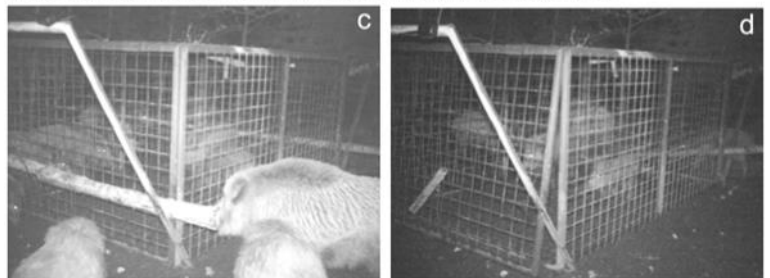
Các nhà khoa học nói đây là trường hợp đầu tiên ghi lại được heo tới cứu nguy heo khác, mà vài người gọi là một "hình thức phức tạp của thấu cảm" ("complex form of empathy"). Bản báo cáo cũng nói, hành vi cứu đồng loại chỉ được ghi nhận trong vài loài vật, trong đó có chuột và kiến.

Các nhà khoa học nói hành vi cứu nguy trong heo rừng không phải là điều ngạc nhiên, nhưng cách loài vật có khả năng suy nghĩ phức tạp và có quan hệ xã hội thương cảm mới là điều bất ngờ.

Để được xem là hành vi giải cứu, cần phải đáp ứng 4 điều kiện. Các điều kiện đó là: con thú



Hình a: Hai heo con dính bẫy do các nhà nghiên cứu dựng lên. Hình b: Heo cái, được suy đoán là heo mẹ, dựng lông bờm, dấu hiệu căng thẳng.



Hình c: Heo mẹ đẩy, ủi bật thanh gỗ mặt trước cửa chuồng. Hình d: Heo mẹ phá bật các then gỗ mặt trước và mặt sau của bẫy, cho 2 heo con thoát ra. (Photo: Michaela Másílková/Czech University of Life Sciences Prague)



Hai heo con kẹt trong bẫy, heo mẹ và các heo khác tới cứu.

gặp nạn phải căng thẳng, đau khổ; con thú hiệp sĩ cứu nguy phải tự chấp nhận đưa mình vào chỗ nguy hiểm; hành động của con thú hiệp sĩ cứu nguy phải thích nghi với tình hình tại chỗ của con thú gặp nạn; và phải không có lợi ích tức khắc nào hay phần thưởng nào cho con thú hiệp sĩ cứu nguy.

Trường hợp này, các nhà khoa học nói, con heo rừng cái đã đáp ứng cả 4 phương diện trên. Bản báo cáo viết, hành vi cứu nguy khác với các hình thức khác của sự giúp đỡ trong các tổ chức phức tạp.

HÌNH ẢNH HEO RỪNG TRONG PHẬT GIÁO

Trong Phật Giáo, giữ truyền thống không sát sanh, nên trong giới luật không cho giết bắt kỳ sinh vật nào. Trong Truyện Bản Sanh, Tundila Jataka (#388), có kể về một kiếp trước của Đức Phật: lúc đó, Bồ Tát là một con heo rừng.

Một hôm, Bồ Tát (lúc đó là một heo rừng) cùng với mẹ và một em heo đang nằm trong một cái hố, thì một cụ bà chống gậy đi tới gần. Heo mẹ kinh hoàng khi nghe tiếng gậy gõ trên mặt đất, đã phóng chạy, để lại 2 con heo nhỏ phía sau. Cụ bà cảm thấy thương xót 2 heo con, đặt vào giỏ và đưa về nhà nuôi như nuôi trẻ con.

Khi 2 heo nhỏ này lớn lên và mập ra, nhiều người đòi mua đều bị cụ bà từ chối, không chịu bán. Cho tới một hôm, trong một lễ hội, khi vài người đàn ông hết thịt, và muốn có thịt ngay. Sau khi bị cụ bà liên tục không chịu bán, những người

đàn ông này mời cụ bà uống rượu cho tới say mèm, và rồi cụ bà đồng ý bán heo em của Bồ Tát.

Cụ bà đổ cơm vào máng và gọi heo em của Bồ Tát tới ăn. Khi heo em thấy những người đàn ông lạ cầm dây thòng lọng đứng gần máng, heo em biết là sắp chết, nên chạy tới heo anh (tức Bồ Tát, tiền thân Đức Phật) và đứng run sợ.

Bồ Tát nói với heo em rằng đó là số phận của tất cả các con heo do người nuôi, do vậy ngài không thấy đau đớn, mà chấp nhận định phận một cách an vui. Rồi Bồ Tát giảng cho heo em về tâm từ vô lượng, lúc đó âm thanh của ngài vang khắp cõi nước, mọi người đều nghe rõ.

Bài giảng của ngài rất thanh tịnh và thuận khiết tới nỗi nhiều người búng ngón tay và vỗ khăn khen ngợi. Nhà vua cho triệu tập 2 heo này tới lâu đài và đối xử như 2 con trai của vua, cho mặc trang phục và mang châu báu.

Bồ Tát trở thành vừa là một thẩm phán, vừa là một cố vấn tinh thần. Sau khi nhà vua từ trần, Bồ Tát viết một cuốn sách về công lý, sách này được cõi nước này tuân phục trong 60 ngàn năm, và rồi Bồ Tát lui về rừng cùng với heo em để sống những ngày cuối đời.

Đức Phật giải thích rằng con heo em kia là tiền thân của một trong các môn đệ của Đức Phật. Vị này có nỗi sợ dầy đặc về cái chết. Nhà sư này đã bỏ chạy, run rẩy mỗi khi nghe những tiếng động nhỏ, như là tiếng một cây gậy rơi hay là tiếng con chim hót. Khi Đức Phật nghe các môn đệ của ngài nói về nỗi sợ của nhà sư kia, Ngài mới kể chuyện này, để họ biết rằng đó không phải lần đầu tiên vị sư kia có nỗi sợ chết.

Nhà vua kia là tiền thân của Ananda, một trong những môn đệ hàng đầu của Đức Phật. Và đám đông từng nghe bài giảng của Bồ Tát nơi kiếp trước về tâm từ vô lượng bây giờ là các học trò của Đức Phật.

GHI CHÚ:

(1) Bản tin trên Business Insider: <https://www.businessinsider.com/wild-boar-rescued-two-piglets-from-a-trap-2021-9>



Hình ảnh hiện lành trong rừng: nai và 2 heo rừng đang lang thang.

Buổi trưa ngòi nhớ bánh đa

TRẦN HOÀNG VY

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

1.

Những buổi trưa hè, cơn mưa thoáng qua, tiếng trẻ tắm mưa, đùa giỡn rượt đuổi nhau la ơi ới. Nắng bỗng bùng lên sắc vàng, khô hanh và nóng ẩm. Chiếc lá sa kê ngoài sân là đà theo cơn gió nhẹ, khẽ khàng rơi rụng xuống nền xi măng. Nhìn chiếc lá, bỗng băng quơ thêm nhớ một thứ gì... vừa vàng rộm, béo giòn. To gần bằng cái quạt máy đang quay... vù vù bên cạnh. Nhìn lên tú thờ, thêm rung rung nhớ mẹ và chiếc bánh đa, thớ bé, ngòi trước cửa ngong ngóng mẹ đi chợ về...

2.

Bánh đa, đó là gọi theo phương ngữ miền Bắc, chính xác ở quê tôi mọi người thường gọi là chiếc bánh trắng. Bởi bánh được làm bằng bột gạo, hoặc bột củ mì, tráng mỏng trên một tấm vải căng ở trên miệng một nồi nước sôi lớn, sau đó đem ra vỉ tre phơi khô. Khi ăn người ta nhúng nước cho mềm để cuốn với cá thịt, rau sống, chấm nước mắm ăn, hay nướng trên bếp lửa than hồng, chín giòn mang ăn, hoặc bẻ ra xúc với các loại thịt cá, tôm, tép, chiên xào ăn rất hấp dẫn...

Để tăng phần thơm ngon cho chiếc bánh đa, người ta có thể chế biến trộn bột với dừa nạo, hay những con tép, ruốc

nhỏ, thêm hạt mè... Và tùy theo từng vùng mà có những chế biến riêng biệt và độ trắng bánh dày mỏng khác nhau. Bánh đa hay bánh trắng nướng là món quà quê rẻ tiền, thường hay bán ở các quán hàng nước ở đầu làng, trong các phiên chợ quê, để người đi chợ ăn vặt, hoặc mua về làm quà cho con cháu. Ca dao cổ xưa cũng từng ghi nhận: *"Ăn quà cho biết mùi quà/ Bánh đúc thì dẻo, bánh đa thì giòn"* và cũng đã có bài vè, đồng dao về các loại quà bánh nhà quê, mà lũ trẻ con chúng tôi thời đó hay ngâm nga hát, có tên nhiều loại bánh như: *"Bánh đứng đầu vè/ Đó là bánh tổ/ Cái mặt nhiều lỗ/ Là bánh tàn ong/ Để nó không đồng/ Đó là bánh trắng/ Ngồi lại đây ván/ Nó là bánh quy..."* v.v...

Kể về bánh đa, bánh trắng phải kể đến những "thương hiệu" bánh đa, bánh trắng nổi tiếng ngoài Bắc, trong Nam như bánh đa Kế ở Bắc Giang, bánh đa nem ở Thổ Hà, rồi bánh trắng Hòa Đa ở Phú Yên, miền Trung, bánh trắng phơi sương của Tràng Bàn, Tây Ninh, bánh trắng Mỹ Lồng, Bến Tre ở miền Nam... Mỗi vùng miền đều có hương vị đặc sắc riêng khó trộn lẫn. Song cái hương vị giòn thơm, cái màu sắc bắt mắt thu hút những ánh nhìn hau

háu, cái chếp miệng thòm thèm của lũ trẻ con thời xưa đón mẹ đi chợ về, vẫn là những chiếc bánh đa nhỏ nhỏ giòn rộm, béo béo, mằn mặn cứ nhớ hoài trong ký ức...

Lớn lên, xuôi ngược đó đây trên những vùng quê nước mình, mới biết thêm chiếc bánh đa với nhiều công dụng làm nem, chả cuốn, bày biện sang trọng trên những mâm tiệc lớn và cũng là những món... mỗi bắt rượi trong các độ nhậu! Bánh đa, bánh trắng còn góp phần trong những cuộc... tình duyên bằng ca dao tục ngữ, chân chất mà... giòn giã những tình cảm đáng trân trọng: *"Em trắng bánh trắng, anh quyết bánh phồng/ Cảm thông đôi má ửng hồng/ Hẹn em chợ Mỹ Lồng ăn cháo vè đêm"* Và chắc rằng trong cuộc "cháo đêm" ấy, thể nào chàng trai cũng nhờ người mai mối để thành duyên chồng vợ, cho xứng cặp với câu *"Bánh trắng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc"...*

Song cái bánh đa thời thơ ấu nhớ hoài cùng với những năm còn khó khăn gian khổ, lương thực thiếu thốn. Ngồi trên xe, bụng đói, chạy ngang vùng Phan Rí, Bình Thuận. Mua cái bánh trắng nướng, trên để cục... mằm ruốc trộn ớt đỏ tươi. Ăn, mà nhớ mãi đến bây giờ!

3.

Bánh đa, bánh trắng đã đi vào âm thực của người dân từ thời rất xa xưa, vào giai thoại là lương khô của quân Tây Sơn khi thần tốc từ kinh thành Huế ra Thăng Long đánh tan quân Thanh. Rồi dân làng ngoài vì kiêng húy tên chúa Trịnh Tráng mà gọi "bánh trắng" là "bánh đa", vào ca dao, tục ngữ, vào bữa ăn từ nghèo hèn đến vua chúa sang trọng. Bánh đa được những nghệ nhân ẩm thực kết hợp pha chế thành những món ăn hợp khẩu vị, song điều thú vị nhất vẫn là những chiếc bánh quê, từ trong làn gió, thúng mủng của những bà mẹ đi chợ về, trao cho con với tất cả tình mẫu tử thâm sâu...



CHÁO ĂN VỚI GỎI BẮP CẢI



Nguyên liệu:

Nước lèo được hầm từ táo ngọt, cà rốt, bắp cải, bí đỏ, cà chua, cần tây, củ hành tây, gừng tươi, nêm muối, đường phen cho vừa ăn

- ♦ 2/3 cup gạo + 1/3 cup nếp, vo sạch để ráo
- ♦ 12-14 cup nước lèo tùy thích cháo lỏng hay đặc (cứ 1 phần gạo là 12-14 phần nước)
- ♦ 1 chén nấm rơm (hay nấm khác tùy thích) xắt nhỏ, đã khử dầu và nêm nếm cho vừa ăn rồi
- ♦ 1 củ cà rốt lớn xắt hạt lựu

Thực hiện:

- ♦ Bắc nồi nước lèo lên bếp nấu sôi.
- ♦ Gạo, nếp đem rang khoảng 20 phút, lửa nhỏ, khi rang xong cho vào nồi nước lèo nấu, nước sôi vặn lửa nhỏ hầm khoảng 45 phút, cho tiếp nấm và cà rốt vào nấu thêm 15 phút nữa là chín, nêm nếm lại xem có vừa ăn chưa, nếu chưa thì nêm lại.

GỎI BẮP CẢI CHAY

(Món này G. Phượng chỉ nhắm chừng)

Nguyên liệu:

Cho 1 đĩa thiết lớn (cỡ đĩa của nhà hàng), nếu dùng để khai vị như ở nhà hàng thì cho khoảng 1 bản ăn, nếu để ăn chơi trừ cơm thì có thể là 6 khẩu phần ăn, nói chung tùy khẩu phần ăn của mỗi người như thế nào...

- 1 trái bắp cải lớn
- 2 củ cà rốt
- 1 chén nấm đông cô đã xắt lát mỏng
- 2 miếng đậu hũ trắng
- 10 miếng đạm chay (tên sản phẩm: "sườn non chay 2")
- 1 muống cà phê gừng tươi băm nhuyễn

- Hỗn hợp nước cốt chanh + đường + muối, pha sao cho đậm đà một chút
- Ớt, rau răm, đậu phộng rang giã nát

Thực hiện:

- ♦ Bắc chảo dầu cho nóng, khử gừng cho vàng, đổ nấm đông cô vô xào cho thơm vàng, nêm chút muối, đường cho vừa ăn, xào cho thấm rồi đổ ra chén.
- ♦ Đậu hũ trắng xắt lát mỏng, chiên vàng rồi xắt sợi mỏng nhỏ
- ♦ Đạm chay ngâm 30 phút cho mềm, vắt kiệt khô nước, xé sợi, bắc chảo dầu cho nóng, đổ đạm chay vô xào cho thiệt vàng có thể nêm chút gia vị cho vừa ăn hay không nêm tùy khẩu vị.
- ♦ Bắp cải rửa sạch, chẻ làm 4, bỏ cùi, xắt sợi, bỏ chút muối vô xóc để cho bắp cải ra hết nước, rồi bỏ vô miếng vải trắng vắt cho thiệt khô nước. Sau đó cho vô thau lớn Cà rốt bào sợi, cũng làm như bắp cải, rồi đổ chung vô thau bắp cải trên Cho đậu hũ, đạm chay vào thau bắp cải, cà rốt, trộn tất cả cho đều, chế hỗn hợp nước cốt chanh vào trộn đều để cho thấm, khi ăn mới cho nấm, rau răm và đậu phộng vào. Dùng làm món khai vị trong các bữa tiệc...

Nếu dùng chanh làm thì phải ăn hết, nếu để tủ lạnh hôm sau ăn tiếp sẽ bị đắng và có mùi không ngon, còn dùng dấm làm thì để qua hôm sau ăn không hề chi.

Cháo vốn đậm đà rồi, nếu không ăn với gỏi thì cho thêm giá, tiêu, ớt, chanh hay hành (nếu hong cử) ngò vào ăn rất là ngon.

(G. Phượng – Món chay thanh tịnh)



CHUYỂN TỪ THỜ SANG NUỐT

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

1. Họng được cấu tạo như thế nào?

Cổ họng là một ống cơ bắp lót bằng một màng nhỡn, chiều dài khoảng 2.7 phân và kéo dài từ phía sau của mũi tới thực quản. Đây là một phần của hai bộ phận khác nhau là bộ phận hô hấp và tiêu hóa. Không khí và thực phẩm đi qua đó và quý vị sẽ rất ngạc nhiên là sự cộng sinh này xảy ra một cách êm ả.

Họng chia ra làm ba vùng:

- ♦ Phần trên cùng là mũi hầu, bắt đầu từ xoang mũi. Từ đây không khí và các chất tiết từ mũi và các xoang sẽ chảy ra.
- ♦ Phần giữa là họng miệng, rộng nhất của họng. Chính tại đây, ngay ở dưới vòm miệng, là đường dẫn không khí nối với cơ quan chuyên trở thực phẩm.
- ♦ Ở phần thấp nhất của họng là hầu thanh quản với các đường hô hấp và tiêu hóa. Vì chúng gặp nhau, có người cho rằng thực phẩm và nước thường thường đi nhầm đường.

Các ống dẫn không khí, bắt đầu từ phía sau của họng, uốn cong về đằng trước. Ở đó nó trở thành thanh quản với các dây thanh âm. Thanh quản mở vào khí quản rồi lên phổi. Cùng với ống dẫn thực phẩm và ngay đằng sau là thực quản và cuối cùng là bao tử.

2. Cái gì ngăn thực phẩm vào khí quản?

Họng có đường dẫn không khí-khí quản- và thực phẩm- thực quản. Nếu cả hai cùng mở khi quý vị nuốt, không khí có thể vào bao tử và thực phẩm vào phổi. May mắn thay là khí quản khép lại trong khi nuốt.

Bộ phận của cơ chế an toàn đó là tiểu thiệt và nó chuyển động mỗi khi quý vị nuốt. Tới lúc quan trọng, tiểu thiệt, một mẫu nhỏ giống như sụn, làm việc như một cái vung cùng với thanh quản. Thanh

quản nhô lên về đằng trước để đóng khí quản. Các cử động này phân chia thực phẩm lỏng và đặc. Rồi sau mỗi lần nuốt, tiểu thiệt lại di động lên, khí quản trở lại vị trí cũ, và làn không khí sinh tử tới thanh quản và khí quản lại tiếp tục.

Đôi khi quý vị có thể “nuốt sai”, và một vật cứng nào đó rơi vào đường không khí và bị chặn. Bình thường, một cơn ho làm văng vật lạ ra ngoài và mở ống không khí trở lại. Nhưng nếu ho không công hiệu, cần phải cấp cứu mới có thể ngăn nạn nhân khỏi bị nghẹt thở và chết.

3. Tại sao cái banh miệng tongue depressor lại làm quý vị nghẹt thở hoặc nôn ọe?

Nôn ọe khan có thể là một điều khó chịu nhưng nó cũng cứu đời sống của quý vị bằng cách ngăn không để chúng ta vô tình nuốt một vật lạ khiến bị nghẹt thở. Quý vị không thể ngưng được khi nôn ọe vì đó là một phản ứng tự chủ. Nó xảy ra khi một vật lạ tấn công một vài đoạn cuối của dây thần kinh nằm trong vùng lạnh tạo ra giới hạn giữa miệng và phần giữa của họng.

Cái que thăm bằng gỗ của bác sĩ chỉ là vật lạ. Khi đụng vào các dây thần kinh này, nó gây ra một phản ứng để tổng vật sắp bị nuốt ra phía trước của miệng rồi được nhổ ra. Tất nhiên phản ứng này sẽ không cần trong khi bác sĩ khám họng. Nhưng có nó ít nhất cho quý vị hay rằng phản ứng sinh tử đó hoạt động đúng.

4. Cái nắp nhỏ ở đằng sau cổ họng dùng để làm gì?

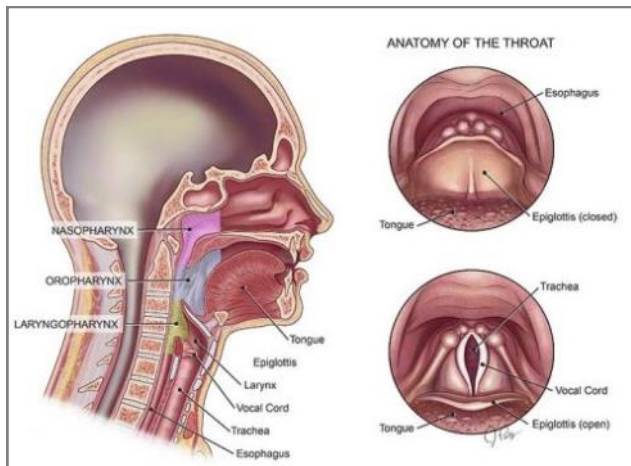
Lưỡi gà là miếng thịt đỏ. Đây là mô bào tiếp nối uvula, và màng nhỡn như xuống từ cạnh của vòm miệng mềm. Đó là phần mà lúc thường chuyển động lên khi quý vị nói “a”. Nếu nó chuyển động sang một phía thì có gì bất thường.

Lưỡi gà đứng là bộ phận bật lên và giúp khép lại các lối đi của mũi khi quý vị nuốt. Nhưng nhiệm vụ đó được coi như không quan trọng, vì nhiều người không có lưỡi gà vẫn không than phiền thức ăn ra ngoài bằng lỗ mũi. Các nhà hoạt họa truyện tranh miêu tả cục thịt dư rung lên khi hát và hét, nhưng thực ra cục này không liên quan gì tới tiếng nói.

5. Chuyện gì xảy ra nếu quý vị có một cục ở họng?

Một điều rõ ràng là cảm giác khó chịu của một tảng nào đó ở họng ít khi gây ra do u bướu hoặc bất cứ vật nào khác. Trong các trường hợp, nó chỉ là triệu chứng của lo âu.

Cảm giác này bắt nguồn từ một rối loạn ở dây thần kinh số chín và ở cơ bắp kiểm soát thực



quản. Đôi khi các rối loạn này có thể lại lúc ta bực mình. Đây chỉ là những triệu chứng tạm bợ có nhiều liên quan tới các hoàn cảnh gây căng thẳng và cần thời gian để giải quyết. Tuy nhiên trong những trường hợp hiếm, miếng đồ vẫn còn và người này phải tới bác sĩ để được khám bệnh. Đôi khi một nhỏ giọt ở đằng sau lỗ mũi hoặc quá nhiều chất chua ở bao tử cũng gây ra triệu chứng này.

6. Im lặng vì e thẹn nghĩa là gì?

Mặc dù thành ngữ im lặng vì thẹn tongue-tied- thường thường chỉ được dùng như một nhóm chữ để gây ra xúc động mạnh, nhưng đó cũng là sự thật. Lưỡi của một em bé ít cử động hơn lưỡi người lớn. Đó là vì lớp màng nhện gọi là cái hãm frenum nó cột phần dưới của lưỡi vào phía đáy của miệng gần hết chiều dài của lưỡi, nhờ đó đầu lưỡi được tự do.

Trong năm đầu của em bé, đầu lưỡi lớn lên rất mau và cái hãm "cột" dần dần phần nhỏ của lưỡi. Tuy nhiên trong các trường hợp rất hiếm, cái hãm còn bị hạn chế và đứa bé gặp khó khăn để nói và ăn. Bác sĩ bèn khuyên nên cắt bớt phần sau của nếp gấp và như vậy lưỡi được tự do di động.

7. Nghẹt thở có tránh được không?

Ăn và uống nhiều không đi đôi với nhau; lượng rượu lớn có thể làm tê liệt việc nuốt, làm cho thực phẩm rơi vào khí quản thay vì thực quản. Tuy nhiên đa số các trường hợp nghẹt thở choking xảy ra chỉ vì quý vị "nuốt sai" hoặc cười to với thức ăn đầy miệng và nhai nhồm nhoàn là điều nên tránh.

Một số nhỏ nạn nhân của nghẹt thở có thể đã bị khó khăn nuốt mà không biết cho tới khi họ thở hỗn hển để sống. Rối loạn này có thể gây ra do bất thường của cuống họng hoặc các tật khác từ khi mới sinh. Hay có thể nó xảy ra sau này vì u bướu, rối loạn cơ bắp hoặc thần kinh. Nếu quý vị bị nghẹt thở thường xuyên thì nên cho bác sĩ hay./.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.

www.bsnguyenyduc.com



THU SANG NHỚ BẠN

*Hôm nay trời đã sang thu
Heo may nhẹ thổi tâm tư chạnh buồn
Trời thu lạnh không người tâm sự
Nhớ quê nhà biệt biệt phương xa
Bạn xưa từ cách quan hà
Tứ phương chia biệt lòng ta ngậm ngùi
Nhớ những lúc cùng ngồi tựa vách
Phin cà-phê từng giọt nhẹ rơi
Tâm tư cùng bạn giải bày
Cùng nghe, cùng tỏ buồn vui nỗi niềm
Nay biệt biệt bên trời xa thăm
Dù nhớ nhau chỉ thấy trong mơ
Tình quê thao thức từng khuya
Bạn xưa biết đến bao giờ gặp đây?
Từ cách biệt mỗi người một ngã
Ly cà phê thiếu vắng bạn hiền
Thuốc xưa vẫn giữ mùi hương
Ra vào thơ thẩn bên thềm mình ta!
Niềm thổn thức khôn lời phân tỏ
Kỷ niệm xưa từng phút hiện về
Vầng mây băng lãng trời xa
Hương về quê cũ lòng ta chạnh buồn
Nơi đất khách dù ngàn hoa lệ
Vẫn không quên những lối bước mòn
Người xưa cảnh cũ còn không?
Cố hương mãi nhớ trong lòng người đi!*

thơ

Minh Giới NGUYỄN THIỆU

Cali. một chiều nhớ quê hương

Thầy Tôi

QUẢNG PHƯỚC TRẦN THỊ THỌ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thầy tôi từ bỏ tuổi thơ, rời xóm giềng, xa lìa cha mẹ đi vào cửa Phật.

Tôi không kể về Thầy trong nhà Phật mà là Thầy giáo dạy Toán lớp Tám của chúng tôi tại trường Trung học Bồ Đề Đà Nẵng năm 1972.

Buổi mai hôm ấy, bầu trời xanh trong vắt, Thầy bước vào lớp chúng tôi trong chiếc áo nâu sồng, dáng người dong dỏng cao với cặp mắt kiếng đen tuyền.

Cả lớp đứng lên chào, Thầy khoát tay bảo các con ngồi xuống. Thầy nói Thầy sẽ phụ trách dạy môn Toán lớp chúng tôi năm này, rồi hỏi chúng tôi có biết ngân hàng lớn nhất ở đây tên gì không?

Tôi thì thầm bên tai bạn Hồng ngồi kế bên. Mình có biết hai ngân hàng một là Tín Nghĩa và ngân hàng còn lại là Đại Nam, nhưng không biết nó lớn cỡ nào và bạn Hồng cũng thăm thẳm thì, không biết Thầy hỏi để làm chi hi!

Cả lớp im phăng phắc, Thầy bước đến bên góc tấm bảng lấy viên phấn viết thật rõ nét Đại Đức Thích Tín Nghĩa là tên Thầy. Tôi nghe có tiếng bạn nam nói nhỏ nhỏ Thầy vui tính hi!

Thầy bắt đầu điểm danh và dặn khi Thầy đọc đến tên mình các con dạ có, rồi đứng lên cho Thầy nhận diện nghe. Thầy bắt đầu dạy bài học đầu tiên. Nhân đơn thức với đa thức, cho rất nhiều ví dụ. Cả lớp chăm chú tập trung lắng nghe say sưa như đang xem một cuốn phim hay; xong Thầy ra bài tập về nhà.

Tiếng keng báo hiệu hai giờ học đã trôi qua. Thầy chưa nắm được trình độ của mỗi học sinh trong lớp, sợ học trò mình không tiếp nhận kịp, trước khi rời khỏi lớp Thầy dặn:

- Nếu các con không hiểu hay có điều gì thắc mắc cứ đến chùa, Thầy sẽ giảng lại cho.

Một bạn nam nhanh nhẹn hỏi chùa Thầy ở đâu?

Thầy trả lời:

- Ra khỏi cổng trường băng qua đường sẽ thấy chùa Thầy.

Nói xong Thầy nhẹ nhàng thông thả bước đi.

Giờ là ra chơi, nam nữ chụm nhau lặp lại câu nói của Thầy: Ra khỏi cổng trường băng qua đường là cái nhà thương! Quả thật chúng tôi không biết trong bệnh viện có Chùa.

Trưa hôm ấy sau giờ tan trường, chúng tôi bốn đứa Lan, Lại, Hồng và Thọ rủ nhau băng qua đường. Lúc này cổng bệnh viện mở, chúng tôi đi vào trong không xa lắm khoảng chừng 50 mét, trước mắt tôi là một ngôi chùa nhỏ tên Từ Tâm được gói gọn trong bệnh viện Đa khoa, có tên là Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng.

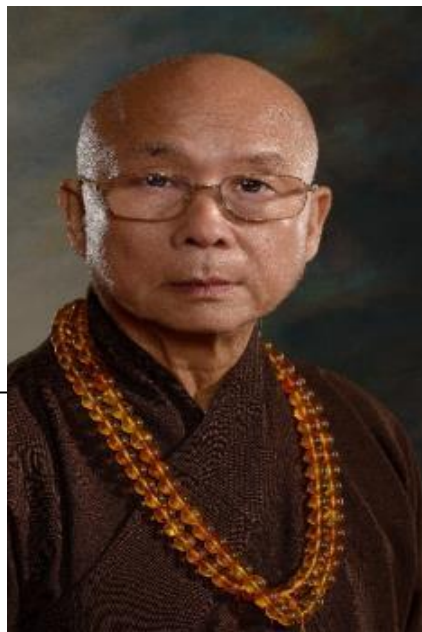
Sở dĩ Thầy tôi sống ở đây để có thể giúp cầu siêu hay cầu an cho những bệnh nhân quá cố không có người thân, không gia đình hoặc an ủi những bệnh nhân đang nằm rên la trên giường bệnh,...

Ài cũng nói môn Toán khó khan, cứng ngắt khó học nhưng Thầy kiên nhẫn chỉ bảo rất tận tình với bài giảng, ân cần với học sinh và tận tụy với từng con số làm chúng tôi không chán nản. Chính vì Thầy có cách dạy của riêng mình nên các phương trình ẩn số và hằng đẳng thức quan trọng sau này không làm khó học trò của Thầy nữa.

Ngoài giáo sư dạy Toán ra, Thầy còn dạy cho chúng tôi nhiều điều hay lẽ phải theo giáo lý nhà Phật, biết hy sinh và chia sẻ khó khăn, giúp đỡ bạn bè...

Trong lớp chúng tôi có bạn nữ tên Hồng Yến bị khuyết tật ở chân, đi lại rất khó khăn, thường xuyên bị té ngã. Hôm đó bạn cũng bị ngã trước mặt Thầy và chính Thầy đã không ngần ngại giúp bạn Yến đứng dậy và nói cổ lên con!

Trong giờ học Thầy nói có ai thuận đường với bạn Yến, sau



giờ tan học có thể dìu bạn về và sáng đi sớm đến nhà đưa bạn đi học giúp Thầy. Sự quan tâm của Thầy đối với học trò làm tôi chạnh lòng.

Thế là hôm đó và sau này tôi đưa đón bạn ấy đi học thường xuyên. Nếu không nhờ Thầy tôi khuyến tấn những điều hay lẽ phải, thì tôi đã không làm được một việc có ý nghĩa, mà đã hai năm qua rồi tuy cùng chung lớp mà tôi lại vô tâm quá!

Mùa hè năm sau, trường chúng tôi tổ chức cắm trại với các trường Bồ Đề khác trong quận huyện, và toàn lớp của chúng tôi được làm quen với bạn mới ở trường Bồ Đề Hòa Vang và chính Thầy tôi cũng dạy môn Toán ở đây.

Tôi hỏi các bạn mới có biết Thầy Tín Nghĩa dạy Toán người Huế không?

Các bạn trả lời có Thầy Tín Nghĩa, nhưng không phải người Huế mà là người Quảng chính gốc luôn!

Chúng tôi kéo nhau đi tìm Thầy để xác minh. Bạn Nam nói sao Thầy già giọng Quảng chộc què chúng con?

Thầy bảo không phải chộc mà nhập gia tùy tục! Thầy về quê mang theo những con số mà nói đúng giọng làm *reng hén* hiểu. Từ *hén* Thầy nhấn mạnh theo giọng Quảng...

Thầy muốn nói con số tám phải *núa là tòm* chứ nói tám *hén* tương tằm, tức là ra sồng tằm hết mần *reng*, con số ba phải *núa là boa!* Thầy vui tính và nói giọng Quảng Nam chuẩn luôn!

Thế là tối hôm đó, chúng tôi sinh hoạt và đốt lửa trại thật ấm cúng bên Thầy dạy Toán chung

của hai trường Bồ Đề Hòa Vang và Đà Nẵng,... Thầy tôi đã đưa chúng tôi về một mái ấm Bồ Đề...

Trước khi chia tay kết thúc niên học, Thầy không quên tặng chúng tôi bài thơ Toán hình học về lượng giác lớp Chín như sau:

*Tìm Sin lấy đối trên Huyền,
Cos thì lấy Kề Huyền chia nhau,
Còn Tang ta hãy tính sau,
Đối trên Kề dưới chia nhau ra liền.*

Cotang bằng một trên tang...

Nhờ vậy mà năm lớp Chín Thầy không đứng lớp chúng tôi nhưng các bài toán hình về lượng giác không làm khó chúng tôi được.

Tháng Tư năm 1975, đất nước có biến cố lớn, thay đổi chế độ; lúc bấy giờ không được tự do tín ngưỡng, chùa Từ Tâm không còn nữa. Khá nhiều Tăng Ni hoàn tục vì nhiều áp lực. Thầy tôi vẫn kiên cường một lòng hướng Phật và chúng tôi gặp lại Thầy trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, khốn đốn nhưng thân tâm Thầy vẫn tự tại an lạc, vui vẻ với những câu nói đùa: "Thầy mất dạy rồi con ơi! Thầy giáo là Tháo giấy hay Giáo chức là Giức Cháo".

Tôi kính trọng, thán phục Thầy và phát nguyện làm đệ tử của Thầy vào năm nghiệp ngã đó!

Năm nay tuy Thầy đã ngoài 80, nhưng không ngừng quan tâm, thăm hỏi, cũng như cảm thông nỗi thống khổ của học trò cũ còn ở quê nhà với những lời an ủi động viên sâu sắc để giúp bạn học cũ của tôi có thêm nghị lực sống.

Dù trong mỗi chúng tôi đã là ông bà nội, ngoại. Nhưng tôi vẫn tự hào về Thầy, tự hào về mình được làm học trò và đệ tử của Hòa thượng Thích Tín Nghĩa bây giờ!

MN. Tháng 11 năm 2021

Học trò cũ và là đệ tử

Quảng Phước Trần Thị Thọ



PHÁP HỘI CHƯA TAN

Tịch xưa ngài Trí Khải

Tham thiền Tổ Huệ Tư

Luyện "Pháp Hoa Tam Muội"

Bồng nhập định chân như

Trong định, sư thấy Phật

Ngự trên đỉnh Linh Sơn

Thuyết Pháp Hoa huyền nghĩa

Pháp Hội vẫn chưa tan...

Pháp Hội vẫn chưa tan?

Ôi nhiệm mầu từ ái

Pháp Hội chưa từng tan

Vì chúng sanh còn đây

Nào chỉ Linh Sơn hội

Còn diễn đến hôm nay

Mà hàng hàng châu ngọc

Pháp Hội đang hiển bày

An trú trong chánh niệm:

"Thập phương Phật độ trung

Duy hữu Nhất Thừa pháp"

Là Pháp Hoa trong tâm

An trú trong chánh niệm:

"Sắc thực tức thị không

Không thực tức thị sắc"

Là Bát Nhã mênh mông

An trú trong chánh niệm:

"Bào, ảnh, huyền, mộng thôi

Ứng tác như thị quán"

Là Kim Cang hiện đời

An trú trong chánh niệm:

"Giải thoát Bất Tư Nghị"

Là Duy Ma Pháp Hội

Vườn Yên-La xa gì!

Hóa thân Phật tịch diệt

Pháp thân hằng thênh thang

An trú trong chánh niệm

Muôn Pháp Hội chưa tan

An trú trong chánh niệm

Thân, tâm, hướng đạo quang

Sẽ thấy muôn Pháp Hội

Chưa từng một lần tan...

thơ

HẠNH CHI

(Thất Thành Thơi)



ÃN LỆ CA

(Dựa theo ý lời thơ Lâm Anh
Kính viếng hương hồn cố thi sĩ Lâm Anh)

*Thềm cầm quả núi trên tay
Giờ nằm trên núi giữa ngày cuối đông
Vì người trở hết mùa bông
Bông chờ trở nốt xuân không kịp về...
Đời chân cầu thực về quê
Như một hoang miếu đời về cố hương
Mặc giùm áo cũ tang thương
Máu xương trùm khắp vạn phương mặc vào
Mừng như con nít qua mau
Bóng người thua trận cười nào điêu linh
Mỗi người tự biết đóng đinh
Cành điều hiu vãn giật mình – Dế than
Linh hồn in dấu quan san
Chí xanh gào thét đông tàn khuyết hao
Quê nhà ai khắc chiêm bao
Ôm lòng viễn xứ đi vào thiên thu
Chiều đông nào để di thư
Vung gươm chém mặt trời mù rách bướm
Viết vào đời những đường gươm
Nghiêng mình cười với muôn phương một tràng.*

ĐÊM MƯỜI HAI THÁNG CHẠP

*Đêm nay! Sao rụng rời như mới được hay tin
Người anh em đã về bên kia thế giới
Cứ mỗi độ cuối đông lòng ta buồn vời vợi
Bởi chẳng còn ai xin cạn nốt hồ trường
Chẳng còn ai luận kim cổ thế thường
Cho tới đã như người anh em ấy
Bởi chẳng còn ai người sao thơ vậy
Chữ nghĩa sắc như gươm lời bi tráng kiêu hùng
Đêm nay! Ta như kẻ đại khùng
Ngát ngưỡng “Bên chén rượu đời bạc thếp”
Ai tri âm! Ai nổi lòng chung
Ngưng tay rót như một lời vĩnh biệt
Nỗi nhớ nào khôn xiết
Phổ tàn khuya nhớ “Buổi ngựa xa người”
Nhớ “bóng trường chinh” nhớ “màu vạn lý”
Nhớ “mũi tên đời mặc kệ đến sau lưng”
Bởi đêm nay! Đêm mười hai tháng chạp
Đêm đau thương cả núi Ấn sông Trà
Nỗi mát mát lấy gì bù đắp được
Nước non này dành tiễn một tài hoa.*

(trong ngoặc kép là tựa đề và thơ Lâm Anh)

thơ LƯU LÃNG KHÁCH

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



ÔN

Ôn giữ ngôi pháp chủ trong lúc ngặt nghèo hung hiểm, quan quyền hăm he ép uổng, đồng đạo mạnh nha nhị tâm, lòng người phân ly chia chẻ. Những người cũ ngòi đời cùng những kẻ hưởng lộc quốc gia vịn vào chuyện xưa ôn bắc hành và nhận phẩm vị mới mà hạch tội, mắng nhiếc, phi báng. Ôn vẫn nhàn nhục ngày đêm giữ vững ngọn đèn chánh pháp, lèo lái con thuyền đạo, duy trì giáo hội quốc dân. Nhiều người trách ôn sao đứng cả hai bên, ông chẳng thanh minh nhưng cũng có đồ đệ hiểu ôn nên viết:

Bên này chánh pháp truyền thừa

Bên kia chịu nhục nắng mưa đổ dầm

Dem thân che chắn xa gần

Giữ con thuyền đạo muôn phần gian nan.

Người đời cảm kích công hạnh ôn nên học theo lối người xưa viết cặp câu đối kính dâng:

ĐỒN *đốc hàng thức giả dẫn thân vì nghĩa lớn hộ quốc hộ dân mưu sự hòa bình*

HẬU *dưỡng chúng xuất gia đồng mãnh hành đạo cả nổi pháp truyền ấn lá thuyền thống nhất.*

TÍN TÂM

Cha bệnh, mỗ thêm kinh Dược Sư vào trong khóa lễ mỗi cuối tuần, tụng đến phẩm có hướng dẫn cầu cho thân nhân hết bệnh hoặc cận tử bằng cách: "Treo phan tục mạng, thả đèn diên thọ..." lòng mỗ sanh nghi bèn hỏi sư huynh:

- Điều này là Lão giáo, Phật giáo là đạo nói nhân duyên quả, tuyệt đối không có cái này.

Sư huynh bảo:

- Phẩm kinh Hán dịch phải có kinh Pali để đối chiếu, một số tổ

sư Tàu dịch kinh có thêm bớt, tự diễn hoặc viết mới... nhằm hóa độ người bản địa.

Mỗ ngẫm nghĩ thấy cũng có lý nhưng vẫn còn nghi hoặc. Sư huynh dạy thêm:

- Tín tâm đạo nguyên công đức mầu, người biết giáo lý thì tu huệ, người chưa hiểu giáo lý thì tu tín tâm.

Mỗ gật gù:

- Nhà có nhiều cửa vào, thành đô có nhiều lối đến, pháp môn tùy căn cơ và quốc độ.

LỄ NÀO CŨNG ĐÚNG

Thành đô có nhà phú quý kia làm đám ma cho thân nhân lớn lắm, kèn trống cờ xí rợp trời luôn, nhạc ngũ âm, kèn tây, thậm chí còn có cả bà bóng hát chầu khóc mướn nữa. Con cháu bên tây bên Tàu về dự đông đảo. Người theo lối Tàu thì mặc áo sô đội mào gai, kẻ giữ lối Việt thì chít khăn trắng, riêng mấy đứa cháu bên tây về thì mặc áo vét và sơ mi đen. Thiên



hạ xì xầm bàn tán, báo lá cải nhảy vô kiểm chuyện đáng bài:

- Lễ nghĩa không đồng nhất, ăn vận đủ kiểu không ra thể thống gì cả!

Người nhà mỗ cũng chia hai phe, phe ủng hộ Tàu thì cho kiểu tây không có lễ, lai căng; phe ủng hộ tây thì cho kiểu Tàu lạc hậu, thần phục; cuối cùng cãi nhau ỏm tỏi. Mỗ bèn lên chùa tham vấn thầy, thầy cười:

- Lễ nào cũng đúng cả, hình thức tùy quan niệm và văn hóa mà con người ta thọ hưởng, quan trọng ở tâm thành chứ không phải y phục bên ngoài.

NÀNG THU

Mùa lên rục rở sắc màu, cả một góc trần gian như cảnh địa đàng. Những quả bí ngô ngộ nghĩnh, những chùm bắp khô lủng lẳng và những con bù nhìn cười toe toét trang hoàng khắp nơi. Bọn bí ngô phình phình thì thăm:

- Hỡi nàng thu, xin nàng hãy ở mãi với chúng tôi, để mùa màng bội thu, để sắc màu tô thắm lá cây.

Những cây phong cũng đồng thanh:

- Nàng thu với chúng tôi là một, ngay cả nữ thần xuân sắc cũng không làm cho chúng tôi đẹp bằng. Nàng hãy ở lại đây nhé!

Nàng thu long lanh, rũ mái tóc vàng óng ả xuống, cười dịu dàng:

- Cảm ơn tấm chân tình của các bạn, sanh diệt vô thường, muốn cũng không được, không muốn cũng không được. Trời đất tuần hoàn, bốn mùa thay đổi, già đi trẻ lại, xuân tươi thu tàn. Giờ ta ở lại đây vĩnh viễn thì lấy đâu muôn hoa nở lúc xuân sang, ngàn lá biếc khi hạ về? Và lại ta có đến có đi bao giờ, vẫn ở trong các bạn đấy thôi!

Nghe thể cả bọn bí ngô vàng rực lên, đám lá phong xào xào đùa trong gió, những con sóc lão liêng đôi mắt chờ chực trộm chùm ngô khô.

YÊU HÀM THỤ

Đạo này trên mạng mấy khứa lão tám bó gậy sóng gió ào ào, đăng toàn thơ tình làm li bì đất, nhớ thương yêu đương rần rần luôn, đã thế lại lấy hình gái lóa lóa đáng tuổi cháu mình để mình họa cho thơ. Nhiều khứa lão khác té nước theo mưa:

- Trái tim còn trinh, anh tuy già nhưng tình anh sung mãn.

Kẻ khác phụ họa:

- Tình yêu không có tuổi, thân anh già nhưng tâm hồn anh non tơ.

Tuy vậy cũng có kẻ phán:

- Hết xí quách rồi mà yêu đương gì, tình ảo, yêu hàm thụ đó mà!

Đặc biệt có một người bình luận rất đáng chú ý:

- Thôi thì mấy khứa lão yêu hàm thụ cho vui tuổi già cũng hồng sao, chỉ đáng ngại ở chỗ cứ đăng và chia sẻ những cái thụ-yết âm mưu, tin giả, tin vịt của nhóm cuồng...!!

Bạn bè của người gửi bình luận nháy vào:

- Thôi đi mày, coi chừng đụng ổ kiến lửa là mệt lắm đó!

KỂ CHUYỆN CHƠI THÔI

Y tập tành viết lách, cũng may có một vài tờ báo giấy lần trang mạng chịu đăng, lời khen tiếng chê có cả, đáng để suy ngẫm nhất là ý kiến:

- Những bài viết ấy không phải là văn chương.

Thế rồi bỗng dưng có một vài tờ báo tẩy chay, không đăng

nữa. Thậm chí có vài cây bút thành danh hủy kết bạn với y; cũng chẳng biết tại sao, cố xem xét bản thân thử có sai sót hay thất lễ gì chẳng nhưng tuyệt không tìm ra. Đem hỏi vài vị đàn anh thì họ cười cười:

- Hay là chú em lên mạng bị dính chấu ở trang web nào chẳng? Đòi tư chú mày có tai tiếng gì không?

Người khác thì bảo:

- Tài là một chuyện nhưng tâm lại là chuyện khác.

Y thấy phần văn bèn thực hành buông, thôi kệ, chơi thôi mà! Mới nghĩ thế thôi tự dưng buộc miệng thốt ra:

Nào đâu dám gọi văn chương

Chẳng qua chút chuyện đời thường kể chơi

Tán tâm loạn phách tơ bời

Chấp chi câu chữ với lời góp gom.

NGƯỜI MÁY

Cái tin phương tây chế tạo hàng loạt người máy giống hệt người, chúng có thể làm việc, cảm nhận và biết bắt chước theo người, đặc biệt là vàng lời vô điều kiện. Tập xính xáng cười sảng sảng bảo bọn lâu la:

- Tưởng gì mới, cái này tổ tiên ta đã làm từ lâu, các người xem thử trang phục, ăn nói, làm việc, suy nghĩ... của dân ta có phải nhất loạt không?

Bọn đàn em hò reo rần rần, có đứa nổi máu đại Hán vô lối:

- Tổ tiên ta đã làm thế từ thế chế, suy nghĩ, hành động đều một khuôn mẫu, nay bọn tây dương mới chế được người máy là lạc hậu hơn mấy ngàn năm rồi.

Dưới sân châu có tay tổng trùng vị vốn là chư hầu đồng cốt quỳ tâu:

- Bấm Tập xính xáng, chúng em thừa oai hưởng phúc nên cũng chế ra hàng loạt hình nhân đồng ngôn, đồng tư, đồng hành... xem ra còn nhất loạt hơn người máy của bọn tây dương.

Tập xính xáng cười híp hai mắt, gơ tay phủ dụ:

- Ấy da, nì giỏi lắm, người máy của tây dương sao đồng loạt như người của ngô được cơ chứ.

AI PHẢN AI

Y là tay có vai vế địa vị trong xã hội, quyền thế lớn, tiền của nhiều, đồ y xài toàn loại thượng hạng, đặc biệt cái điện thoại cầm tay là một vật vào hàng bậc nhất. Nó như một văn phòng nhỏ, giúp y mọi giao dịch, họp hành, lưu trữ, theo dõi sức khỏe... Nói chung là tất cả trong một. Vì thế y hãnh diện với cái điện thoại hiện đại kỹ thuật cao, kè kè bên thân cả ngày lẫn đêm.

Ngày kia trên mạng người ta truyền nhau những dữ liệu về tài sản ngầm, quan hệ bất chính, móc ngoặc xa xẻo của y. Làng nước thấy cả lịch trình lui tới những chỗ hắc ám của y, thậm chí những hình ảnh và clip ăn chơi sa đọa của y cũng bị tung hê ra. Y tối tăm mặt mũi chẳng biết từ đâu lộ ra những tin tức ấy nhưng rồi y sớm nhận ra ngay, rò rỉ từ cái điện thoại cầm tay, trong phút giận dữ, y ném mạnh nó xuống sàn và chửi:

- Khốn kiếp, đồ phản chủ.

Vợ y mấy nay cũng điều đứng và cả ghen tức, thấy thế cười ngọt nhạt:

- Ai phản ai? Ông phản chính ông thì có, cũng nhờ nó mà tôi mới thấy được con người thật của ông.

Nghe thế y càng điên tiết, cầm điện thoại đập mạnh một lần nữa. Bà vợ vẫn không buông tha:

- Kỹ thuật cao mà, có đập nát cũng muộn ròi, giờ cả làng biết hết!



Vụn vặt chuyện xưa

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Thưở sinh thời, ngoại tôi thường nhắc nhở con cháu: “Những loại giấy có chữ, nếu không dùng thì đốt đi, không được vất bỏ bừa bãi kéo người ta đạp lên chữ nghĩa thánh hiền, nếu mà đạp lên chữ nghĩa thì đời sau sanh ra sẽ ngu dốt không biết chữ.”

Ngoại tôi tuy chữ nghĩa không bao nhiêu, đủ để biết đọc, biết viết sơ khai nhưng khả năng nhớ và tính nhẩm thì siêu đẳng. Thời Pháp thuộc ngoại đã ra bắc vào nam buôn bán. Thời quốc gia thì làm ăn phát đạt và giàu có nhất vùng, vốn liếng tài sản nhiều nhưng chẳng bao giờ nghe thấy tính lộn hay tính sai bao giờ. Ngoại tính nhẩm mà chính xác và nhanh như điện. Bọn con cháu có học hành, có bằng cấp, tính bằng giấy bút, bằng máy tính nhưng vẫn cứ sai sót như thường. Có không ít lần con cháu tính hóa đơn xong, ngoại nhẩm lại là thấy sai. Con cháu cãi ngoại: “Máy tính điện tử sao sai được?” Ngoại khẳng khái: “Tính lại đi!” Quả thật tính lại thì thấy sai.

Ngoại không có học hành nhiều, chỉ qua những lớp bình dân học vụ thời Pháp thuộc nhưng trong đầu là cả một kho tàng ca dao, tục ngữ và cả những câu nói chữ nho. Tôi lớn lên thuộc nhiều ca dao và yêu thích văn chương cổ lễ nhờ nghe ngoại hát ru thời thơ ấu. Tôi tính toán rất dờ, rất vụng, tính tới tính lui sai hoài nhưng được cái ghi nhớ tốt, có lẽ hưởng cái gene của ngoại. Có những câu ca dao, bài hát ru, câu chữ nho... nghe từ hồi còn bé vậy mà đến giờ vẫn nhớ như in. Có những chi tiết nhỏ nhiệm hầu như người nhà chẳng ai nhớ nhưng tôi còn

nhớ rõ mồn một, khi nói ra thì mọi người ngó người ra. Có lần ngoại kể chuyện:

“Xưa có ông tăng đi khất thực qua làng, buổi trưa tròn bóng, ông ngồi dưới gốc cây me đầu làng để thọ thực và nghỉ trưa. Một thằng bé trong làng đang hái me trên cây, nó nghịch ngợm từ trên cao tề xuống trúng đầu ông tăng. Ông tăng quá từ bi, không giận, không thấy phiền, chỉ kêu thằng bé xuống và còn cho nó cái bánh. Ít lâu sau có một ông quan lớn ở triều đình về thăm làng, ông để lính tráng quân hầu ở ngoài xa, một mình đi vào làng và ông cũng vô tình ngồi dưới gốc cây me đầu làng để hóng gió. Cũng thằng bé hôm nọ, nó được thể leo lên cây me và tề xuống đầu ông quan. Ông quan giận dữ kêu nó xuống và đập thằng bé chết tại chỗ.”

Câu chuyện ngụ ý: Từ bi phải có trí huệ, từ bi mà thiếu trí huệ thì cái quả nhiều khi không thành thậm chí có hậu quả ngược. Ngoại kể xong chuyện còn giải thích: “Giá mà ông tăng hôm ấy kêu thằng bé xuống, phạt đòn ít roi thì có lẽ đã cứu được mạng nó. Ông tăng từ bi, chẳng những không phạt mà còn cho nó cái bánh, nó quen mùi, những tưởng ai cũng như ông tăng và nó tiếp tục để rồi phải chết vì ông quan.”

Ý ngoại còn nhắn nhủ: “Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi”. Con trẻ dù có ngoan cỡ nào cũng cần phải uốn nắn dạy dỗ. Con trẻ mà không dạy dỗ thì nó không phân biệt được phải trái, đúng sai; mai kia lớn lên sẽ cong vạy. Ngoại kể chuyện xong còn

ngâm nga:

“Sanh con chẳng dạy chẳng răn

Thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng”

Ngoại là một Phật tử thuần thành chơn chất, cũng như bao nhiêu Phật tử dưới quê. Ngoại tin Phật, tu Phật bằng tín tâm. Ngoại và bao người khác đâu biết gì Tứ diệu đế, bát chánh đạo, tứ niệm xứ, thất bồ đề phần..., rồi những thuật ngữ như Bồ đề, Bát nhã, tánh Không, Phật tánh... lại càng xa lạ. Những giáo lý hay những bộ kinh thậm thâm càng không biết. Ngoại chỉ một lòng trì niệm danh hiệu phật A Di Đà, niệm chú Đại Bi, chú Lăng Nghiêm. Lúc mua bán thì tạm gác lại nhưng hễ rảnh ra thì niệm Phật. Ngoại lên chùa mừng một và ngày rằm. Ngoại cũng cúng cô hồn các bác vào mỗi tháng nhưng tuyệt đối cúng chay, không cho phép sát hại sanh vật hay dâng cúng đồ mặn (theo thói thường thì người ta cúng cô hồn các bác phải có heo quay, gà, vịt hoặc tam sên...). Con cháu ngoại sau này có học hành đàng hoàng, có hiểu biết giáo lý nhưng lại thua ngoại ở chỗ thực hành!

Ba vốn là người cùng quê với ngoại, rời quê xuống trấn trọ học. Ba nho nhã thanh tú, chữ viết đẹp như rồng bay phụng múa, lại biết hát và đánh đàn guitar. Má là con gái lớn của ngoại, thế rồi hai người ưng ý, ngoại gả luôn cho ba. Ba làm rể ở nhà ngoại, chịu ảnh hưởng ngoại và từ ông ngoại kể. Ông ngoại kể là một cư sĩ thuần thành, giỏi chữ nho. Ông thường dịch kinh và đánh máy trên loại giấy pơ luya (perluce - ngày nay

không còn thấy loại giấy này nữa). Ông ngoại còn vẽ mình họa hình Phật, Bồ tát... bằng mực tàu, sau đó đóng gáy bằng chỉ may. Kinh sách tự làm đem tặng cho những Phật tử đồng niên hay các chùa khác. Ông ngoại kể cũng là bạn đồng niên với đức đệ tử tăng thống, những năm ngài còn ở Nguyên Thiều thì ông thường đạp xe ra tháp đánh lễ ngài. Ba chịu ảnh hưởng lớn từ ông ngoại kể và học Phật từ đó. Thời quốc gia, ba có đi quân dịch một thời gian, trại đóng gần đình đời có pho tượng kim thân Phật tổ ở Nha Trang. Những kỷ vật mà gia đình còn giữ được sau những biến động của quốc gia là một tấm ảnh cha mặc quân phục đứng chiêm ngưỡng tượng đức bốn sư.

Tịnh độ thâm nhập sâu và lâu đời rồi, Phật tử Việt hầu như chỉ biết có Phật A Di Đà (trừ những Phật tử phương nam chịu ảnh hưởng Phật giáo nam tông). Ngoại cũng như mọi Phật tử dưới quê, rất chí thành niệm Phật, làm lành, làm phước, ăn chay, đi chùa... và hy vọng khi chết được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Hầu hết mọi đám tang của Phật tử Việt đều theo nghi thức tụng niệm kinh A Di Đà, cầu và chúc vãng sanh Cực Lạc. Liễn, trướng, đối, vòng hoa... cũng ghi cầu "Vãng sanh Cực lạc, " Vãng sanh tịnh Độ"... Ngoại hay rầy la con cháu mỗi khi thấy phung phí ăn đồ vãi cơm gạo hoặc thức ăn. Ngoại thường nói: "Bỏ thừa mứa thức ăn, cơm gạo rơi vãi không nhặt lên thì kiếp sau đói khổ, hồng có mà ăn".

Ngoại là người đàn bà tháo vát, năng động và mạnh mẽ, hoạt động không ngừng nghỉ, có lẽ nhờ vậy mà sức khỏe dẻo dai, ít bệnh tật. Cả đời ngoại không biết bác sĩ hay nhà thương là gì, những khi cảm mạo trái gió trở trời hay đau bụng, nhức mỏi thì đến ông lang vườn, hoặc đến mấy tiệm thuốc bắc hốt vài thang thuốc về sắc uống thể thôi. Ngoại thích thuốc bắc. Trấn nhỏ có ba tiệm thuốc bắc: Thái Xuân Đường, Lợi sanh Đường và

Tân Lợi Đường; ngoại hạp với Tân Lợi đường nhất. Khi mà cảm thấy không khỏe là đến đây để ông già Tàu bắt mạch và hốt cho vài thang thuốc. Ngoại triết lý:

"Nghề y dễ làm giàu nhưng cũng dễ thất đức, con bệnh có biết gì đâu, muốn chẩn thế nào cũng được, muốn bán loại thuốc gì cũng xong, mua ký bán chỉ, đã thế nhiều ông lang còn nuôi bệnh không chữa dứt, để con bệnh còn quay lại..." Giờ nghĩ lại thấy lời ngoại vậy mà chính xác, nhiều ông lang ta, lang tây nuôi con bệnh để trục lợi một cái ác ngầm đáng sợ!

Nhà cũng có con cháu thường uống rượu, ngoại la rầy hoài. Người uống rượu cũng hứa hoài nhưng không bỏ được, bỏ rồi lại uống bao nhiêu bận vẫn không xong. Ngoại khi không lại kể chuyện chơi, không biết là ngoại nghe từ đâu hay là tự diễn ra:

"Xưa có người uống rượu, ngày nào cũng say lè nhè, hàng xóm cười chê, bản thân người ấy cũng biết say sưa là không tốt, tuy nhiên bỏ rượu không phải dễ. Một ngày kia anh ta say túy lúy và bị một con quỷ chặn đường đòi ăn thịt. Anh ta van xin thì nó ra ba điều kiện: 'Mày phải uống hết hũ rượu này hoặc là đốt nhà, điều thứ ba là giết mẹ.' Anh say rượu ngẫm nghĩ: 'Đốt nhà thì ở chỗ nào? Giết mẹ thì bất hiếu, chỉ có điều thứ nhất uống rượu là quá dễ.' Nghĩ thế, anh ta chọn uống hết hũ rượu. Sau khi uống hết hũ rượu và lão đảo đi về nhà. Bà mẹ thấy thế cảm rằm la mắng, anh say rượu mất hết lý trí phùng phùng nổi giận lập tức nổi lửa đốt nhà và giết chết người mẹ của mình."

Câu chuyện ngụ ý một khi mình đã mất lý trí thì tội ác nào cũng dám làm, giới cấm nào cũng phạm và rượu là một nguyên nhân chính làm mê mờ lý trí. Ngoại còn khuyên răn: "Uống rượu nhiều thì kiếp sau sẽ làm con dòi trong hũ hèm"...

Ngoại là con gái thầy hương cả, em ông bá hộ Thì, tuy ngoại

không đẹp nhưng cứng cáp và tháo vát. Ngoại là bạn đồng niên, đồng môn với ông Xã Thanh, ông Phó Bộ Di, ông võ sư Hà Trọng Sơn mà người đời thường xưng tụng là "Con hùm xám miền trung". Ngôi nhà của ngoại ở quê sát bên từ đường của thầy hương cả chỉ để thờ cúng. Ngoại mua nhà trong thị trấn để sinh sống mua bán làm ăn. Ngôi nhà ở quê cũng là nơi ngoại chôn giấu vàng và những món tài sản quý. Ngôi nhà yên ả với đường làng rợp mát bóng tre. Những ngày còn nhỏ, tôi thường theo ngoại về ngôi nhà ấy để ngủ, ngoại về ngủ cũng để trông chừng của cải chôn giấu (sau này lớn lên tôi mới biết được bí mật này). Cái tỉnh mịch của đêm trường ở vùng quê đến vô cùng, đầu hôm còn có tiếng dế, tiếng côn trùng ní non, càng về khuya thì sự tịch mịch như sâu lắng không biết dường nào. Những đêm trăng, trăng rơi lấp lánh khoảng sân cát giữa nhà. Ngoại nằm võng kéo kẹt hò:

*... Ví dầu bậu có muốn thôi
Bậu gieo tiếng dử để rồi bậu ra
Bậu ra cho khỏi tay qua
Cái xương bậu nát cái da bậu
mòn...*

Thế rồi ngoại thiếp đi trong giấc mơ, mờ sáng thì ngoại dậy thỉnh chuông khẩn nguyện:

"Cầu trời khẩn Phật, cầu chư vị bồ tát, thiện thần, long thiên bát bộ gia hộ cho con cháu mạnh giỏi, học hành tấn tới, tật bệnh tiêu trừ, gia đạo bình an, thiện lành ở lại, nghịch dữ bỏ đi, đức Phật từ bi, rủ lòng gia hộ... Nam mô A Di Đà Phật..."

Tiếng chuông boong boong boong loảng vào không gian, mang lời khẩn nguyện bay cao, bay xa, bay vượt thời gian và bay vào tâm khảm con người.

TIỂU LỤC THẦN PHONG
Ât Lăng thành, 10/21

Quả báo của lời nói, hành động đâm thọc ly gián

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO



Xưa có một vị Tỳ kheo tên Kondaahana kể từ khi vị này xuất gia, hề thầy đi đâu thì sau lưng Thầy cũng có một người phụ nữ đi theo sau, riêng Thầy thì Thầy không biết gì cả, nhưng ai ai cũng đều thấy.

Khi đi khất thực, những thí chủ cúng dường để vào bát Thầy hai muổng cơm, muổng thứ nhất họ nói: Muổng này là phần Thầy, và muổng thứ nhì là phần cô bạn của Thầy.

Các vị Tỳ kheo thấy như vậy định ninh Thầy phạm giới Bất cọng trụ mới đi nói với Trưởng giả Cấp Cô Độc và yêu cầu ông đuổi Thầy Tỳ kheo Kondaahana ra khỏi chùa. Ông Trưởng giả không dám, chứ Tỳ kheo cho bà tín nữ Visakha biết, bà cũng không dám. Các thầy mới vào châu Đức vua Ba Tư Nặc và thuật tự sự. Đức vua nhận lời. Chiều lại vào chùa, vua cho quan quân bao vây chánh điện, còn vua thì lên điện. Thầy Kondaahana nghe ồn ào mới ra coi, thì vua thấy sau lưng Thầy có một người phụ nữ, riêng Thầy thì biết vua đến liền trở vào. Gặp Thầy vua không đành lễ, nhưng vua lại không thấy hình người phụ nữ lúc ở ngoài. Vua tìm trong kẹt cửa dưới gầm giường cũng không thấy, mới hỏi:

- Bạch Thầy, trầm vừa trông thấy một người phụ nữ ở tại đây, cô ấy đâu rồi?

- Tâu Đại vương, bần đạo không thấy.

- Chính trầm thấy một người phụ nữ đứng sau lưng Thầy.

Thầy Tỳ kheo vẫn quả quyết:

- Bần đạo không biết và không thấy.

Đức vua nghĩ: "Chuyện này sao kỳ thế!" Vua mới nói:

- Vậy xin Thầy hãy đi ra ngoài.

Khi Thầy đi thì lập tức có người phụ nữ theo sau lưng. Vua trông thấy rõ rồi, mới mời Thầy vào. Thầy trở vào và ngồi xuống.

Khi Thầy đi vào, vua trông chừng theo hình của người phụ nữ ấy, nhưng bỗng đứng lại biến mất. Vua lấy làm lạ mới hỏi:

- Bạch Thầy, còn người phụ nữ ấy đâu?

- Tâu Đại vương, bần đạo chẳng thấy người phụ nữ nào cả.

- Xin Thầy thành thật nói cho trầm rõ.

- Tâu Đại vương, hàng Đại chúng đều nói rằng có một người phụ nữ đi sau lưng bần đạo, mà bần đạo thì không thấy.

Vua mới nghĩ rằng đây là hình giả, nhưng hãy còn nghi nên lại phán rằng:

- Vậy xin mời Thầy đi khỏi chỗ này lần nữa.

Thầy ra đứng ngoài thì hình người phụ nữ lại hiện ra đứng sau lưng. Đức vua hỏi Thầy vẫn trả lời như trước.

Vua mới nghĩ: "Quả thật là hình giả", vua mới thưa rằng:

- Bạch Thầy, một khi đã có điều không được trong sạch thế này, thì không có ai trong sạch cúng dường cho Thầy, vậy từ đây Thầy cứ vào cung nội, trầm xin cúng dường những vật dụng cho Thầy.

Các thầy Tỳ kheo mới nói với nhau rằng: Quý Thầy nghĩ xem nhà vua ương hèn thái quá, chúng ta đã mời vào để xem tình tệ như thế này lại không chịu đuổi Thầy Tỳ kheo phá giới ấy, mà còn mời vào cung để cúng dường. Rồi các thầy mới nói với Thầy Kondaahana rằng: "Này kẻ phá giới! Nhà vua cũng là kẻ hèn như người vậy".

Lúc trước thầy không có bằng cứ để đáp lại, nhưng bây giờ đã được nhà vua làm chứng nên liền trả lời rằng: "Các người là kẻ phá giới, các người là kẻ dẫn gái đi". Các thầy Tỳ kheo mới đem chuyện ấy vào bạch với Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn gọi Thầy vào hỏi:

- Thầy có mắng các Thầy Tỳ kheo kia không?

Thầy bạch:

- Bạch Thế Tôn, vì các Thầy ấy nói đê tử.

Đức Thế Tôn hỏi các Thầy kia:

- Tại sao các Thầy lại mắng Thầy Tỳ kheo này?

- Bạch Thế Tôn, vì chúng con thấy một cô phụ nữ đi theo sau lưng của Thầy Tỳ kheo này.

Đức Thế Tôn mới phán hỏi Thầy Tỳ kheo Kondaahana rằng:

- Các Thầy Tỳ kheo này có thấy một người phụ nữ đi theo sau lưng người, vậy tại sao người lại không thấy, mà lại gây gỗ với các Thầy Tỳ kheo này. Quả này cũng do nơi nghiệp đê tiện của người kiếp trước, vậy mà hiện nay tại sao người cũng không bỏ tánh đê tiện ấy?

Lúc ấy các Thầy Tỳ kheo đồng bạch với Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, thầy Kondaahana làm nghiệp thế nào trong quá khứ?

Đức Thế Tôn mới dạy rằng:

- Trong thời kỳ Đức Phật Ca Diếp, có hai vị Tỳ kheo yêu thương nhau chẳng khác nào anh em cùng một cha mẹ. Thời kỳ ấy, mỗi năm Chư Tăng hội làm lễ Phát Lồ một lần. Gần đến ngày Phát Lồ, hai thầy rủ nhau đi định đến nơi làm lễ Phát Lồ. Lúc đi giữa đường, có một vị Chư Thiên ở cõi Trời Đạo Lợi thấy hai vị thương nhau mới nghĩ rằng: "Hai vị Tỳ kheo này rất thương yêu nhau, ta có thể chia rẽ được

không?" Trong khi vị ấy đang nghĩ kể chia rẽ, thì một trong hai thầy nói rằng:

- Xin Thầy vui lòng đợi tôi một chút, tôi cần đi sông.

Vị Chư Thiên mới đợi cho thầy Tỳ kheo ấy đi sông (đi đại tiện) xong, khi từ trong bụi đi ra, vị này liền hóa ra một người phụ nữ một tay nắm lấy quần, một tay vén tóc làm như mới vừa ân ái với Thầy Tỳ kheo ấy xong. Vị Chư Thiên cố ý đợi cho Thầy Tỳ kheo kia thấy rồi mới biến mất.

Do đó, khi Thầy Tỳ kheo này đến thì vị kia liền nói:

- Thầy là người phá giới.

- Thưa Thầy đâu có!

- Vừa rồi tôi thấy có một cô gái đi sau Thầy.

- Thưa Thầy chuyện này thật tôi không có.

Hai Thầy cãi nhau, kết cuộc hai Thầy chia đường nhau đi không bao giờ hợp nhau, vì không bằng lòng cùng nhau làm lễ Phát Lồ.

Vị Chư Thiên thấy kết quả tai hại như vậy mới nghĩ rằng: "Ta đã làm nên tội quá đáng lắm rồi", liền hiện xuống nói:

- Giới đức của vị Tỳ kheo này vẫn trong sạch, đây là do nơi tôi muốn thử hai Ngài thôi. Xin hai Ngài cùng làm lễ Phát Lồ chung.

Chứng ấy, hai vị Tỳ kheo mới chịu nghe theo và hoan hỷ cùng nhau làm lễ Phát Lồ.

Vì nghiệp đê tiện ấy, sau khi chết, vị Chư Thiên mới bị đọa vào địa ngục A Tỳ, thời gian nhiều kiếp, đến nay mới sanh làm Kondaahana.

Khi nhắc tiền kiếp của Thầy Tỳ kheo Kondaahana xong, Đức Thế Tôn mới phán rằng:

- Người vì nghiệp đê tiện ấy nên mới có chuyện phi thường như hôm nay. Thế mà người vẫn giữ tánh đê tiện ấy. Người không nên nói tiếng gì với các Thầy Tỳ kheo. Người phải nín lặng như người câm, khi người làm được như thế mới mong hết nghiệp và chứng đạo quả...

Thông Kham

"Thánh hiền kiêng mọi lời nói vu khống. Nghe thấy điều gì, người cũng không nhắc lại để gây mối bất hòa giữa người này với người nọ. Bực hiền hòa giải những người chia rẽ, kết chặt dây thân ái giữa người đồng tâm nhất chí. Bực hiền lấy sự hòa hợp của người khác làm sự vui thích của mình, coi đó là công việc là lạc thú của mình. Người chỉ nói những lời làm cho người hòa hợp."

MẸ ƠI THÁNG CHẠP ĐÃ VÀO XUÂN

*Mai lật lá xong nụ đã đơm
Các lò kẹo mút nứt mùi thơm
Vườn sau rau quả xanh tươi quá
Mùa gặt qua rồi rạ với rom*

*Củ kiệu, hành hương đem muối dưa
Rộn ràng gà gáy giữa ban trưa
Bao cô gái tắm bên sông vắng
Té nước cười vang nắng lá thưa*

*Tháng chạp chợ quê náo nhiệt sao
Gánh xiếc về đây rộn tiếng rao
Một đàn em nhỏ reo hò giỡn
Cô gái xuân xanh ửng má đào*

*Tháng chạp gần xa đến mọi nhà
Đô thành mở hội chợ phù hoa
Trai thanh gái lịch muôn màu áo
Đáy đó đi đùng pháo nổ to*

*Tháng chạp mẹ ơi đã thật gần
Nhớ người nên dạ những băng khuâng
Xuân đến lại thêm cao tuổi hạc
Mái tóc giờ đây bạc mấy phần*

*Hài ngoại em ơi tuyết vẫn đầy
Nhớ về cố quận có ai hay
Bé dâu xui khiến người lưu lạc
Những ngày tháng chạp mắt cay cay*

*Tháng chạp mùa xuân ở xứ này
Hội xuân lắm thú để chưng bày
Lòng sao trông trái nhiều khi tủi
Hồn quê cố quận cuối chân mây*

*Tháng chạp ngàn hoa đẹp lắm thay
Chút tình mình gửi gió hương bay
Nhớ nhau câu hát lời xa cách
Thương vóc em gầy xuân đấm say*

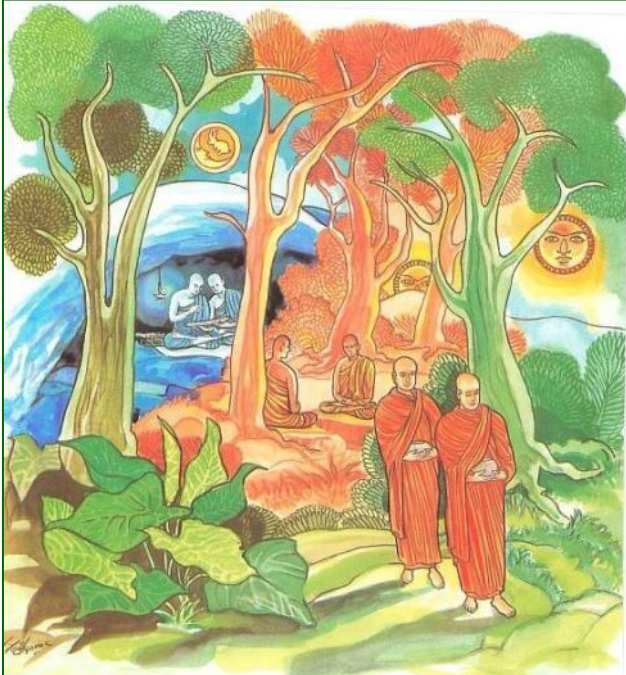
*Tháng chạp muôn người dạ phi phong
Thì thùng lân muá trẻ trông mong
Em ơi tình vẫn chưa hề tận
Mắt biếc mùa xuân thắm má hồng*

thơ HIỀN NGUYỄN



The Story of a Number of Bhikkhus

Dhammapada, Verse 328, 329 & 330



If you can get a wise, blameless companion, keep his company joyfully, overcoming all troubles.

328. *Sacē labhētha nipakāṇi saḥāyāṇi
saddhūṇi caraṇi sādhuvāhārādhīraṇi
abhiḥḥuḥya sabbāni parissayāni
careyya tēn'attamaṇō safimā. (23:9)*

If for practice one finds a friend
prudent, well-behaved and wise,
mindful, joyful, live with him
all troubles overcoming.

While residing in the Palileyya forest where the elephant Palileyyaka waited on him, the Buddha uttered Verses (328), (329) and (330) of this book, with reference to the bhikkhus from Kosambi.

Once, the bhikkhus of Kosambi split into two groups; one group followed the master of Vinaya and the other followed the teacher of the Dhamma. They did not listen even to the Buddha who exhorted them to make peace. So, the Buddha left them and spent the vassa (rainy season 3 months) all alone in the forest, where the elephant Palileyyaka waited on him.

At the end of the vassa (rainy season), the Venerable Ananda went into the forest, accompanied by five hundred bhikkhus. Leaving the bhikkhus at some distance, the Venerable Ananda approached the Buddha alone. Then the Buddha told Ananda to call the other bhikkhus. All of them came, paid obeisance to

the Buddha and said, "Venerable Sir! You must have had a hard time spending the vassa (rainy season 3 months) all alone in this forest."

To this, the Buddha replied, "Bhikkhus, do not say so; the elephant Palileyyaka had been looking after me all this time. He was, indeed, a very good friend, a true friend. If one has such a good friend one should stick to him; but if one cannot find a good friend it is better to stay alone."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 328: If one finds a sagacious friend, who is a virtuous and steadfast companion, one should live with him joyfully and mindfully, overcoming all dangers.

Verse 329: If one cannot find a sagacious friend, who is a virtuous and steadfast companion, one should live alone like the king who gave up and left the country he had won, and like the elephant Matanga roaming alone in the forest.

Verse 330: It is better to live alone; there is no fellowship with a fool. So one should live alone, do no evil, and be carefree like the elephant Matanga roaming alone in the forest.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



Ngộ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG MƯỜI

Có lẽ do bị giam một mình từ nửa tháng trước không có người tâm sự, nay có tôi, ông Trọng huyền thuyên kể chuyện đời tư của ông. Nhất là nói về người vợ trẻ hiện đang sống với ông. Ông có vẻ nhớ vợ con quay quắt. Nhắc lại những kỷ niệm cũ, đôi khi mắt ông rướm lệ. Cái dạng người to lớn, võ biên như ông mà sa lệ trông rất buồn cười. Giống như một con cạp đang khóc. Kể chuyện một lúc, ông ngáy ồ ồ lúc nào không hay. Lúc đó có lẽ cũng đã một giờ sáng. Tôi trở dậy, ngồi xếp bằng, xua đi tất cả những ý nghĩ, những cảm xúc, những phiền muộn quấy nhiễu tôi suốt một ngày qua.

Khi tâm tôi lắng xuống như mặt nước hồ thu, tự đứng lời nguyện thứ tám trong kinh *Tám Điều Giác Ngộ* lại bùng nổ ra trong tôi một cách tự nhiên, như một đóa hoa đến kỳ khai nhụy: "*Sinh tử xí nhiên, khổ não vô lượng, phát đại thừa tâm, phổ tế nhất thiết. Nguyên đại chúng sanh thọ vô lượng khổ, linh như chúng sanh, tất cánh đại lạc*" (Nhận thức rằng niềm đau nỗi khổ của trần gian quá to lớn và không cùng tận mà phát khởi tâm lượng từ bi bao la của mình, xin tận tụy cứu vớt tất cả; nguyện thay mọi người gánh

chịu hết những khổ đau và cực hình trên đời, khiến cho ai nấy đều nhờ đó mà hưởng được trọn vẹn niềm an vui và hạnh phúc chân thật). Đã bao lần đọc và suy nghiệm về lời nguyện cao cả này, lần nào tôi cũng thấy rung động đến tận xương tủy mình. Bây giờ, tôi thấy toàn thân tôi là một đóa sen, và tâm tôi như nhụy sen, vươn lên giữa những cánh hoa, để rồi tỏa ra một cách vô hình giữa hư không vô tận. Tôi ngồi bất động như thế khá lâu, cho đến khi nước trong vòi bỗng chảy mạnh (vì ông Trọng đã mở vòi sẵn). Ông Trọng thức dậy:

"Có nước rồi Khang kìa, làm gì ngồi đó, tắm thêm một mạch đi, mỗi ngày chỉ có khoảng giờ này là có nước chảy mạnh thôi."

Ông Trọng tắm trước, tôi tắm sau, vì chỗ vòi nước khá chật, không thể chen vào hai người. Ông dặn tôi tắm nhẹ nhàng, vì giờ này là giờ ngủ chứ không phải giờ tắm. Thành ra, phải tắm trộm. Tắm vào giấc khuya như vậy cũng khá lạnh, nhưng tôi không bỏ cơ hội, vì như ông Trọng nói, sau giờ đó cho đến suốt ngày, nước không chảy được như vậy nữa. Tắm xong, tôi chỉ đứng tại chỗ, rảy, nhún nhẹ nhẹ cho ráo nước trên mình vì không có khăn lau. Tôi hơi rùng mình vì

lạnh. Trở về chỗ nằm, tôi lại nghe được tiếng ngáy của ông Trọng. Ông có vẻ như một người vô tư, hoặc một kẻ đã quen với cảnh tù, biết chấp nhận hoàn cảnh khắc nghiệt, chỉ cần ăn ngủ để chờ ngày về, không bận tâm suy nghĩ cái gì vượt quá thực tế nhà giam. Tối năm một lúc, tự nghĩ, có lẽ tôi phải học đức tính đó của ông. Những suy nghĩ tính toán trong tù thực ra chẳng có ích lợi gì cả. Nhưng dù đã tự nhủ như vậy, tâm trí tôi vẫn cứ ngoan cố, hết nghĩ điều này, lại nhớ điều kia. Có những điều mà lâu nay tôi không nghĩ đến vì không có thì giờ hoặc không thấy cần thiết, nay bỗng trở dậy, từng đoàn từng lớp, kéo qua bộ não tôi như một đoàn quân ô hợp, chen lấn, tranh giành nhau để được trình diện trước tôi, một kẻ quan sát và thưởng thức một cách nhàn rỗi, tích cực...

Tại sao điều giác ngộ thứ tám lại khởi dậy trong tâm trí mình ngay vào lúc thiền tọa đầu tiên trong nhà giam nhỉ? Tại sao các điều giác ngộ khác không hiện ra một cách thứ lớp từ một đến tám mà chỉ có mỗi điều giác ngộ thứ tám? Phải chăng ý nghĩa của điều giác ngộ này sẽ hàm dưỡng, bao trùm và thăng hoa cả cái vận hành lao lý khổ sai của mình trong những ngày sắp tới?

Hiện giờ anh Hiền như thế nào rồi nhỉ? Anh có bình an không? Công an có ra tới Nha Trang để tìm bắt anh không? Hôm trước nghe nói là anh đang trốn ở nhà một người bạn nào đó ở Suối Dầu rồi, hy vọng anh thoát được. Ô, có tiếng anh tù nào mổ hay sao mà la dữ quá, từ ngoài kia mà vọng vào tới đây! Trời cũng khá lạnh đấy chứ! Nền xi măng trắng láng này làm tăng thêm cái lạnh thì phải. Chẳng có chút hơi ấm nào trong phòng giam ngoại trừ cái bóng đèn quá cao trên trần nhà. Mình nằm đất như vầy, trong căn phòng kín bưng như vầy, giống như một người chết trong áo quan, vừa được hạ xuống lòng đất. Xa với trời, với mọi người chung quanh, nhưng gần gũi với đất chi lạ. Không sao! Sức mạnh của đất, sự nhẫn nại của đất, sẽ trực tiếp truyền vào cơ thể này như người tạ chuyền chất đạm vào cơ thể bệnh nhân vậy. Chuyền chất đạm. Ô, chuyền chất đạm. Tại sao mình lại nghĩ đến mấy chữ chuyền chất đạm này hoài vậy? Chuyền chất đạm. Chuyền chất đạm. Hòa thượng Trí Thủ bị nhà nước cưỡng bức vào bệnh viện. Ở chùa Già Lam lúc đó có mấy bác sĩ phật-tử túc trực, họ đều nói Hòa thượng đâu cần phải vào bệnh viện. Họ có thể chăm sóc được cho Hòa thượng ngay tại chùa. Vậy rồi, nhà nước cứ đưa ngài đi. Ở bệnh viện, họ chuyền chất đạm và chích đủ thứ thuốc cho Hòa thượng. Rồi hôm đó, chú Quảng Lộc đang loanh quanh trong phòng bệnh để hầu hạ Hòa thượng thì mấy người bác sĩ và y tá lạ mặt mới chú ra ngoài để họ khám lại sức khỏe của Hòa thượng. Khi họ từ phòng bệnh bước ra, chú Quảng Lộc cũng chẳng được nghe nói một lời nào về bệnh tình của ngài. Chú vào trong phòng bệnh thì Hòa thượng đã mất. Họ ngắt ống chuyền. Cho hơi vào ống. Hoặc bằng cách nào đó có trời mới biết nổi. Họ cho là Hòa thượng đã mở lớp học chùa Già Lam, lập chương trình soạn tự điển Bách Khoa Phật học chỉ là để che mặt nhà nước, bên trong ngấm ngấm bao che cho thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát hoạt động chống lại chế độ... Họ nghĩ rằng để Hòa thượng sống rất nguy hiểm, vì ngài rất quý nhân tài. Những người như thầy Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát mà vào tù, ắt Hòa thượng



sẽ có thái độ bênh vực, rồi sinh rầy rà trong dư luận tăng tín đồ cả nước. Phiền cho họ lắm, cho nên họ phải ra tay trước. Ôi sao mình nghĩ lung tung quá vậy, hồi này mình nghĩ gì mà liên tưởng đến chuyền Hòa thượng Trí Thủ kia? A, chuyền chất đạm. Dinh dưỡng từ đất. Phải rồi, mình nằm sát với mặt đất như vầy, lưng tựa vào đất như vầy, như một người trong áo quan, trở về với đất, gần gũi với đất. Người ta thường thích làm con của trời. Nhưng thực ra làm con của đất thì tốt hơn. Kề nào không biết hạ mình để khiêm cung, không biết chai lì để chịu đựng, không biết thương yêu để nhẫn nại, không biết cảm thông để chờ đợi, không biết im lặng để lắng nghe... kể ấy là con của trời. Còn con của đất thì phải tự sống và tồn tại bằng tất cả những đức tính trên. Con của trời có thể sa xuống đất mà chết một cách vô nghĩa. Con của đất thì không rơi đâu cả. Cũng không cần phải rơi lên trời. Con của đất nằm sâu bên dưới, gánh hết tất cả, chịu đựng tất cả...

Bây giờ mấy giờ rồi mà vẫn nghe tiếng ai nói chuyện bên ngoài nhỉ? Hay là tiếng rù rì của gió? Hay là tiếng sương đêm sa trên lá cây? Ô, có tiếng kêu của dế nữa kia. Con dế ốc tiêu hồi nhỏ của mình đã hằng dễ sợ, nó lúi bèn dưới với hai cái càng nhỏ mà đẩy con dế

nhỏ của thằng Minh chạy te. Minh là thằng khờ, nhưng thông minh lắm. Nó biết mình với con Xù là bồ bịch. Xù ơi, bây giờ Xù đang ở đâu vậy? Có phải là vẫn ở Phan Rang không? Tại sao mình quen nhau sớm quá mà rồi chia tay cũng sớm quá nhỉ? Không bao giờ gặp lại. Trái đất tròn nhưng nếu hai người ở hai nơi chẳng ai di động thì không thể gặp nhau. Hoặc di động như hai con rùa lạc hướng quờ quạng thì làm sao có cơ tái ngộ trong vận tốc vô tình của thời gian? Mà thôi, nghĩ đến Xù làm gì, có ích lợi gì đâu. Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni... Nhưng dù cho trái đất có tròn, dù cho hai con rùa có gặp nhau, cũng không có gì bảo đảm cho một tương phùng phùng tao ngộ dài lâu. Mộng Huyền. Mộng Huyền. Cái tên đọc lên nghe như một nỗi sầu thảm buồn tênh nào đó. Tại sao? Tại sao?

Quý thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát đang ở phòng giam nào? Trong nhà giam này, ít nhất cũng có khoảng hai mươi tầng sĩ Phật giáo. Có lẽ bất cứ nhà giam nào trên đất nước này cũng có thầy tu Phật giáo. Thời đại nào dân tộc khổ đau thì thời đại đó có nhiều tầng sĩ Phật giáo ở tù. Ông Trọng này ngày dữ quá. Tội nghiệp ông ấy, tuổi già mà vẫn chưa được yên. Chẳng ông cũng có hoạt động sao mới bị bắt vào đây chứ không phải chỉ bị tình nghi đâu. Có lẽ ông hãy còn sợ mình là công an cải trang vào

đây nên chẳng bao giờ dám nói là ông có hoạt động. Cứ nói là bị tình nghi thôi. Không sao, ông có vợ con, ông phải dè dặt. Mà không chừng ông ấy là công an, giả đồ nằm đây từ nửa tháng trước. Chạy đó biết lấy ai làm chúng. Ông có vào đây trước mình vài tiếng đồng hồ, thậm chí nửa giờ đồng hồ thì mình cũng vô phương biết được! Ô, đừng nghĩ vậy! Ta không cần thiết phải lần theo cái thói quen nghi kỵ mà người cộng sản mong muốn mọi người phải có. Càng nghi ngờ nhau, người ta càng xa nhau, càng không hiểu nhau, càng dễ thành kẻ thù của nhau. Xã hội vì vậy mà rã rời. Lòng người vì vậy mà ly tán. Cứ mỗi mỗi nghi ngờ nổi lên, ta mất đi một người bạn. Đừng nghi ngờ, thù thế, co rút lại như thế. Người ta cho rằng không nghi ngờ là đại vì dễ bị sa bẫy của cộng sản, nhưng nói vậy cũng không đúng lắm; bởi vì cứ nghi ngờ nhau thì cũng sa vào một cái bẫy của cộng sản chứ có hơn gì. Ừ, cho dù ông Trọng có là công an, là đặc tình, ta cũng sẽ nói, sẽ làm, sẽ suy nghĩ, sẽ sống như thế, để coi ông ấy làm được gì! Ta nói sự thực chứ có nói sự giả đâu mà sợ chứ. Không, ông ấy không phải công an đâu. Nghi ngờ cũng là một thứ phiền não trong vấn đề tu tập đó nghe. Kể cũng lạ thật, làm sao người ta có thể sung sướng được bằng cách tước đoạt hạnh phúc của kẻ khác, bằng cách gieo rắc đau khổ cho kẻ khác? Tại sao họ không biết được rằng cả nước đang đau khổ vì họ? Chắc họ biết chứ chẳng phải không; có điều, họ làm ngơ thôi...

Buồn ngủ rồi. Vừa buồn ngủ mà lại vừa nhức đầu. Đừng suy nghĩ gì nữa thì hơn. Tiếng động

gì vậy? Tiếng cựa mình của ông Trọng. Có tiếng vi vu bên ngoài giống như tiếng gió lùa qua cành lá. Tiếng đế gáy. Một chiếc xe nào chạy qua đường. Khuya lắm rồi. Ba mẹ ơi, ba mẹ đã đi nghỉ chưa? Con ở trong tù đây nhưng con không sao đâu. Con là con của Phật mà. Lâu nay con ăn chay nằm đất thì bây giờ con cũng ăn chay nằm đất, có gì lạ đâu. Còn chuyện đối no, cũng đâu thành vấn đề. Hồi ở chùa Hải Đức, ở chùa Long Tuyền, ở chùa Già Lam hay ở chùa Long Quang, con đều có tuyệt thực. Mỗi lần từ bảy ngày đến nửa tháng, lại thêm nửa tháng uống nước gạo rang... vậy thì chuyện đối trong tù cũng chẳng phải vấn đề đâu, ba mẹ ạ. Con là con của đất mà. Ba mẹ ngủ ngon nha. Con cũng ngủ đây... Ngày ba lên chùa kinh tế mới ngủ lại với con một đêm, thấy con gác tay lên trán, ba gỡ tay con xuống, bảo rằng đặt nơi bụng tốt hơn. Đó cũng là lần đầu tiên suốt mười lăm năm con xuất gia, ba đã ngủ chung với con một giường. Ôi chiếc giường tre ọp ẹp của vùng kinh tế mới. Đó cũng là lần đầu tiên trong suốt nhiều năm, ba biết đưa con trai xuất gia của ba nằm ngủ như thế nào. Ba gỡ tay con khỏi trán, rồi đặt nhẹ xuống bụng. Ba còn gần con được để chăm sóc bằng một cử chỉ nhẹ nhàng đó. Còn mẹ thì không. Con đi tu rồi, mẹ cứ đứng xa, đứng xa... Một năm, hai năm, rồi mười lăm năm... cứ xa mãi, xa mãi...

Khoảng bốn giờ sáng, tôi choàng thức dậy trong tiếng tụng kinh từ đâu vọng lại. Tôi ngạc nhiên vô cùng. Ban đầu tôi ngỡ đó chỉ là ảo giác—vì ở chùa, tôi đã tập quen với thời kinh buổi khuya (gọi là công phu khuya), nhiều năm như vậy nên dù đang ở đâu, cứ bốn giờ sáng, có khi sớm hơn hoặc trễ hơn một chút, tự đứng thức dậy—nhưng tiếng tụng kinh càng lúc càng rõ và thật hơn. Tôi đứng dậy, rời chỗ nằm, đến áp sát tai vào cánh cửa sắt, lắng nghe. Đúng là có tiếng tụng kinh của người nào đó trong một phòng giam rất gần. Tự đứng tôi thấy xúc động tràn trề.

Tôi đứng yên, hết sức lắng nghe như thể mới được nghe lần đầu âm thanh và ngôn ngữ của cuộc đời vậy. Đó là bài kinh Lăng Nghiêm với đoạn mở đầu là lời phát nguyện của A Nan, người em họ của Phật, và cũng là người đệ tử thông minh bậc nhất của ngài. Một niềm phấn khích khó hiểu trong tôi trở dậy khiến tôi muốn đập lại tiếng tụng kinh đó bằng cách tụng hòa theo, nhưng thấy ông Trọng ngủ ngon quá, tôi không nỡ. Vì vậy, tôi chỉ đứng đó, hết sức chú tâm, lắng nghe tiếng tụng kinh lan đến, rót vào tai mình.

Qua đoạn phát nguyện cảm động của A Nan, bài kinh chuyển qua âm điệu hùng tráng của thần chú Lăng Nghiêm, năm chương dài phiên âm từ tiếng Phạn. Giọng người tụng không được hay lắm, nhưng âm ba thiêng liêng từ mỗi tiếng mỗi lời lại có sức tác động rất mạnh mẽ. Chúng đập dồn như sức đẩy của sóng nước, dạt dào trôi lướt như sức cuốn của gió, đều đều và tỏa khắp như sức rơi của mưa... Tôi thấy tâm mình tịch lặng theo âm vang trầm hùng ấy, và ngay sau đó, trong tôi bỗng nhiên lại tràn ngập niềm tin về sự bất tử của cái thiện.

Cái thiện không bao giờ muốn tiêu diệt cái ác. Chỉ có cái ác mới cố tình tiêu diệt cái thiện mà thôi. Nhưng không có cái ác nào có thể tiêu diệt được cái thiện cả. Giống như ánh sáng và bóng tối: khi ánh sáng đến, bóng tối bị đẩy lùi; nhưng nếu ánh sáng đang hiện hữu ở một không gian nào đó, dù bóng tối có kéo đến, ánh sáng vẫn cứ tồn tại. Cái thiện sinh tồn bằng cách tự thể hiện nó một cách toàn vẹn chứ không cần phải tranh thắng với cái ác. Và khi cái thiện ngời sáng bởi chính phẩm cách của nó, cái ác tự khắc sẽ thối lui, tiêu tán. Nếu ánh sáng không đủ sáng, bóng tối vẫn còn chiếm ngự không gian. Những ánh đèn leo lét được thắp lên một cách lẻ tẻ, rải rác, sẽ không đủ sức xua đi bóng tối đang ngập tràn khắp nơi. Nếu không có một mặt trời bùng tỏa rạng ngời thì phải có sự tập hợp và kết tụ của những ánh đèn nhỏ leo lét ấy. Mỗi người tự thắp mình lên một ngọn đèn thì bóng tối trần gian sẽ bị xua tan.

(mời đọc tiếp kỳ báo sau)

